

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN MINH SƠN

**XÁC ĐỊNH NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN
TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO CÁC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LƯU TRỮ HỌC

Hà Nội – 2017

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN MINH SƠN

**XÁC ĐỊNH NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN
TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO
CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Lưu trữ học

Mã số: 62 32 24 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LƯU TRỮ HỌC

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
LUẬN ÁN**

PGS.TS. Vũ Thị Phụng

PGS, TS. Đào Xuân Chúc

Hà Nội – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, những kết quả trong công trình nghiên cứu này là của riêng tôi. Nếu có gì sai trái, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người cam đoan

Nguyễn Minh Sơn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ XÁC ĐỊNH NGUỒN NỘP LƯU VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN TRONG NƯỚC VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	16
1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM	16
1.1.1. Tài liệu nghe nhìn	16
1.1.2. Tài liệu lưu trữ nghe nhìn	17
1.1.3. Nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn.....	19
1.1.4. Thành phần tài liệu nghe nhìn.....	19
1.1.5. Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn	20
1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VỀ XÁC ĐỊNH NGUỒN NỘP LƯU VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN NỘP VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM	20
1.2.1. Nghiên cứu chung về tài liệu nghe nhìn.....	21
1.2.2. Về chính sách quản lý tài liệu nghe nhìn.....	24
1.2.3. Về xác định nguồn và thành phần tài liệu nghe nhìn.....	34
1.3. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở MỘT SỐ NƯỚC VỀ VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN	38
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NGHE NHÌN Ở CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	49
2.1. ĐẶC ĐIỂM TÀI LIỆU NGHE NHÌN	49
2.2. QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN 54	
2.2.1. Qui định về nguồn nộp lưu	54
2.2.2. Qui định về thành phần tài liệu	58
2.3. QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NGHE NHÌN Ở CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA	61
2.3.1. Về thẩm quyền thu thập TLNN của các TTLTQG.....	61

2.3.2. Thành phần TLNN đang được bảo quản tại các TTLTQG Việt Nam..	64
2.3.3. Về bảo quản tài liệu	72
2.3.4. Về phục vụ khai thác sử dụng tài liệu	73
2.4. QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NGHE NHÌN Ở CÁC CƠ QUAN SẢN XUẤT VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU NGHE NHÌN.....	73
2.4.1. Thẩm quyền quản lý tài liệu nghe nhìn	73
2.4.2. Thực trạng giao nộp tài liệu nghe nhìn.....	74
2.4.2.1. <i>Kết quả giao nộp tài liệu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia</i>	<i>74</i>
2.4.2.2. <i>Những thuận lợi, khó khăn, tồn tại trong việc thu thập tài liệu nghe nhìn</i>	<i>77</i>
Chương 3: CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM	83
3.1. CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN VỀ NGUỒN NỘP LƯU TÀI LIỆU NGHE NHÌN.....	83
3.1.1. Cơ sở lý luận	83
3.1.1.1. <i>Tiêu chuẩn mục đích, chức năng và nhiệm vụ chính của cơ quan là việc tổ chức sản xuất và lưu giữ tài liệu nghe nhìn.....</i>	<i>83</i>
3.1.1.2. <i>Tiêu chuẩn đối tượng phản ánh và số lượng tài liệu hiện có.....</i>	<i>86</i>
3.1.1.3. <i>Tiêu chuẩn tính toàn vẹn thông tin trong các tài liệu nghe nhìn.....</i>	<i>87</i>
3.1.2. Cơ sở thực tiễn	88
3.1.2.1. <i>Xác định một số nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn thường xuyên vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia Việt Nam</i>	<i>88</i>
3.1.2.2. <i>Xác định một số nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn không thường xuyên vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia Việt Nam.....</i>	<i>95</i>
3.2. CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN.....	97
3.2.1. Cơ sở lý luận	98

3.2.2. Cơ sở thực tiễn về tài liệu	104
Chương 4: PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC NGUỒN VÀ DANH MỤC THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM	111
4.1. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC NGUỒN NỘP LƯU TÀI LIỆU NGHE NHÌN VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA.....	111
4.1.1. Mục đích, ý nghĩa	111
4.1.2. Phương pháp xây dựng	111
4.1.3. Danh mục nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia	114
4.1.3.1. Nguồn nộp lưu thường xuyên.....	114
4.1.3.2. Nguồn nộp lưu không thường xuyên.....	114
4.2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM.....	117
4.2.1. Mục đích, ý nghĩa	117
4.2.2. Nguyên tắc xây dựng Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn.....	117
4.2.3. Phương pháp xây dựng Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn cho mỗi cơ quan.....	124
4.2.4. Danh mục mẫu thành phần tài liệu nghe nhìn cần nộp lưu vào các trung tâm lưu trữ quốc gia Việt Nam	126
KẾT LUẬN.....	144
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	150
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	151
PHỤ LỤC	

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

NXB	Nhà xuất bản
TLNN	Tài liệu nghe nhìn
TTLTQG	Trung tâm Lưu trữ quốc gia
VTLTNN	Văn thư Lưu trữ nhà nước
BCH	Ban Chấp hành
VNDCH	Việt Nam dân chủ cộng hòa
VNCH	Việt Nam cộng hòa

MỞ ĐẦU

1. Mục đích, ý nghĩa và sự cấp thiết của đề tài

Với sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của khoa học - kỹ thuật, loài người đã phát minh ra kỹ thuật ghi lại thông tin trên phim, ảnh, băng hình, đĩa hình, băng ghi âm, đĩa ghi âm. Chính vì vậy, trong hoạt động của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân do yêu cầu công việc và nhờ ứng dụng thành tựu khoa học đó nên đã sản sinh ra nhiều tài liệu phim, ảnh, băng hình, đĩa hình, băng ghi âm, đĩa ghi âm - còn gọi là tài liệu nghe nhìn (TLNN). Những âm thanh, hình ảnh đó không chỉ phục vụ cho công tác thông tin tuyên truyền, cho việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt mà còn có khả năng giữ lại cho tương lai những hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, giúp cho việc nhận thức lịch sử một cách sống động hơn, chân thực hơn. Không chỉ mang tính bổ trợ, minh họa cho tài liệu chữ viết, TLNN còn là một nguồn sử liệu độc lập, đặc biệt về hình thức và nhiều thông tin của nó không thể có ở các loại hình tài liệu khác.

Từ khi xuất hiện TLNN, nguồn sử liệu đã được bổ sung phong phú hơn về nội dung và thể loại. Trong sự đa dạng của chủ đề và chất lượng kỹ thuật của TLNN, những tài liệu đó thật sự mang lại nhiều điều lý thú, bổ ích và có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu quá trình lịch sử ở nhiều góc độ khác nhau và nó đã phục vụ tốt cho đời sống của cộng đồng. Như vậy, đời sống của xã hội và một con người cụ thể nhìn chung được phản ánh trực tiếp trong một tổng thể đa dạng của TLNN.

Do TLNN có giá trị đặc biệt về nội dung như vậy nên nhiều quốc gia trên thế giới đã sớm quan tâm đến việc thu thập, bảo quản và phát huy giá trị của loại hình tài liệu này và xem đó là một thành phần quan trọng của Phong Lưu trữ quốc gia. Ở Việt Nam, trước đây trong nhiều văn bản qui phạm pháp luật và gần đây, trong Luật Lưu trữ 2011, tại Điều 2 đã qui định rõ: “*Tài liệu* là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ

chức, cá nhân. Tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và vật mang tin khác.” và “ *Tài liệu lưu trữ* là tài liệu có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ. Tài liệu lưu trữ bao gồm bản gốc, bản chính; trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.” [57].

Như vậy, pháp luật Việt Nam một lần nữa đã khẳng định: tài liệu âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình ... có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ, do vậy cần phải bảo quản chúng. Mặc dù pháp luật đã quy định như vậy nhưng đến nay chúng ta chưa có các văn bản quy định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN nộp vào lưu trữ lịch sử các cấp nói chung và các Trung tâm Lưu trữ quốc gia (TTLTQG) nói riêng. Chính vì thiếu các văn bản quan trọng đó nên việc thu thập, lựa chọn và nộp lưu TLNN đang gặp nhiều khó khăn, bế tắc; từ đó dẫn tới tình trạng là nhiều TLNN có giá trị nhưng do không được thu thập và bảo quản kịp thời nên đã bị hủy hoại hàng ngày với nhiều lý do như khí hậu khắc nghiệt, điều kiện bảo quản không đảm bảo và do cả do ý thức con người... Tất cả những điều đó gây tổn thất không gì bù đắp được đối với TLNN trước mắt cũng như sau này.

Hiện nay, khối lượng TLNN bảo quản ở các TTLTQG còn quá ít so với khối lượng tài liệu được sản sinh ra ở các cơ quan và nghèo nàn về nội dung đã phần nào phản ánh thực trạng đáng báo động về công tác thu thập TLNN. Các TTLTQG không có cơ sở pháp lý rõ ràng và đầy đủ khi làm việc với các cơ quan, đặc biệt là các cơ quan chuyên sản xuất TLNN để thu thập tài liệu. Về phía các cơ quan trung ương, do tình trạng chòng chéo các văn bản pháp lý mà các cơ quan chuyên sản xuất TLNN được nhà nước cho sản xuất và bảo quản luôn tài liệu đó. Nếu họ muốn nộp lưu cũng không biết nộp vào đâu và

nộp lưu những loại tài liệu gì. Một số cơ quan không chuyên sản xuất TLNN có một số TLNN có giá trị lịch sử và họ sẵn sàng nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử nhưng chính họ và cán bộ của các Trung tâm Lưu trữ cũng lúng túng khi không biết lựa chọn loại tài liệu nào, giá trị ra sao để thu. Điều này xảy ra thường xuyên trong quá trình công tác do không có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về thành phần tài liệu nộp vào Lưu trữ lịch sử. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ là Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Cục VTLTNN), cũng gặp khó khăn do không có cơ sở pháp lý rõ ràng để quản lý TLNN. Để có thể làm tốt việc thu thập TLNN, trước hết phải xác định được Danh mục các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu tài liệu để các TTLTQG có cơ sở pháp lý khi thu thập tài liệu từ những cơ quan đó và phải có được Danh mục thành phần TLNN tiêu biểu cần nộp lưu thì lưu trữ hiện hành mới có cơ sở thu thập, chỉnh lý, lựa chọn bảo quản và nộp lưu vào các TTLTQG. Để có thể giải quyết những vấn đề ra đặt trên đây, cần phải nghiên cứu những vấn đề sau:

TLNN có giá trị như thế nào đối với các cơ quan, đối với lịch sử. Tại sao những tài liệu có giá trị như vậy lại không được nộp lưu kịp thời vào các TTLTQG. Tại sao lại không ban hành văn bản qui định các cơ quan là nguồn nộp lưu TLNN. Nếu ban hành văn bản đó thì cơ sở khoa học phải dựa vào là gì. Văn bản qui định thành phần tài liệu cần được xây dựng trên cơ sở nào. Dựa trên cơ sở nào để xây dựng danh mục thành phần tài liệu. Lưu trữ các cơ quan cần phải giao nộp thành phần tài liệu gì vào các TTLTQG. Hiện nay, trong tình hình nộp lưu TLNN đang gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, việc giải đáp được những câu hỏi trên là điều hết sức có ý nghĩa vì:

Thứ nhất, việc nghiên cứu cơ sở xác định nguồn nộp lưu và thành phần tài liệu TLNN nộp lưu vào các TTLTQG sẽ giúp các cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở tham khảo trong việc soạn thảo, ban hành các văn bản qui định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN để nộp vào lưu trữ lịch sử. Khi đã xác định được cơ quan là nguồn nộp lưu, xác định được thành phần tài liệu nộp lưu và tiến hành công việc thu thập đó, các TTLTQG sẽ có thêm nhiều tài liệu

có giá trị. Những tài liệu đó sẽ góp phần nghiên cứu lịch sử, làm sáng tỏ nhiều vấn đề về lịch sử, chủ quyền, bản sắc văn hóa của dân tộc, thực sự góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, phục vụ trực tiếp cho công tác nộp lưu tài liệu. Trên cơ sở pháp lý đó, các cơ quan biết và thực hiện trách nhiệm pháp lý của mình. Các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu sẽ biết được trách nhiệm của mình nộp tài liệu cho cơ quan nào, thời gian nộp và giao nộp thành phần tài liệu gì. Về phía các TTLTQG, các Trung tâm có sơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch thu thập, đôn đốc kiểm tra, hướng dẫn các nguồn nộp lưu lựa chọn đúng, đủ thành phần tài liệu, đúng giá trị cần thu. Đối với cơ quan quản lý, đây là cơ sở, phương tiện để kiểm tra về số lượng tài liệu, nội dung, tình trạng tài liệu...

Thứ ba, phục vụ cho công tác bảo quản TLNN. Do tính chất lý hóa đặc biệt của TLNN nên nó rất dễ bị hủy hoại khi nhiệt độ, độ ẩm không phù hợp với từng loại. Chính vì vậy, qua việc nộp lưu tài liệu, các cơ quan biết được khối lượng, tình trạng tài liệu để xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ chuyên trách về TLNN, qui hoạch mạng lưới và kế hoạch xây dựng kho tàng; bố trí, mua sắm trang thiết bị bảo quản...

Thứ tư, tạo điều kiện phát huy giá trị tài liệu lưu trữ. Khi nghiên cứu xác định được nguồn nộp lưu và thành phần TLNN sẽ giúp các TTLTQG lựa chọn được những tài liệu có giá trị để bảo quản và phục vụ nhu cầu của xã hội trong việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa...qua TLNN.

Nhận thức được tính cấp thiết, tầm quan trọng và ý nghĩa của vấn đề trên, chúng tôi chọn và nghiên cứu đề tài “Xác định nguồn và thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam” làm đề tài luận án tiến sỹ của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

2.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

Đề tài đặt mục tiêu nghiên cứu là:

- Đánh giá thực trạng công tác thu thập TLNN của các TTLTQG Việt Nam và công tác lưu trữ TLNN tại các cơ quan sản sinh ra tài liệu.

- Xác định các tiêu chuẩn về nguồn nộp lưu; phương pháp xây dựng Danh mục nguồn và xác định Danh mục nguồn nộp lưu TLNN vào các TTLTQG Việt Nam.

- Xác định các tiêu chuẩn về thành phần TLNN và xác định được danh mục thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:

Để đạt được mục tiêu trên đây, đề tài này cần phải giải quyết một số nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các TTLTQG - nơi đang bảo quản TLNN.

- Nghiên cứu một số nguồn TLNN chủ yếu cần nộp lưu vào các TTLTQG.

- Nghiên cứu thực trạng quản lý TLNN ở các TTLTQG và ở một số cơ quan trung ương.

- Nghiên cứu một số thuật ngữ liên quan đến tài liệu nghe nhìn.

- Nghiên cứu tiêu chuẩn về nguồn nộp lưu TLNN.

- Nghiên cứu cơ sở để xác định tiêu chuẩn về thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG.

- Khảo sát thành phần TLNN hiện nay của các TTLTQG để có cơ sở xác định thành phần tài liệu ở các nguồn nộp lưu.

- Nghiên cứu thành phần TLNN cơ bản có ý nghĩa lịch sử đang hình thành ở các cơ quan cần nộp lưu vào các TTLTQG.

3. Giả thuyết nghiên cứu

Việc xác định chính xác nguồn và thành phần TLNN cần nộp lưu sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác thu thập TLNN của các TTLTQG.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu các tiêu chuẩn về nguồn nộp lưu và tiêu chuẩn thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG; nghiên cứu thành phần tài liệu ở các TTLTQG hiện nay và thành phần tài liệu ở các cơ quan đang tạo ra và lưu giữ TLNN.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Về không gian, Đề tài giới hạn phạm vi khảo sát, nghiên cứu ở các TTLTQG, một số cơ quan là nguồn sản sinh TLNN chủ yếu đang hoạt động hiện nay và thành phần TLNN chủ yếu đang được sản sinh ở một số cơ quan trung ương tại Hà Nội; những cơ quan theo qui định của Nhà nước, đến hạn phải nộp lưu tài liệu; nghiên cứu những vấn đề liên quan trực tiếp đến cơ sở lý luận xác định nguồn và thành phần TLNN nộp lưu vào các TTLTQG. Đối với các cá nhân, do pháp luật qui định, hồ sơ tài liệu do cá nhân sản sinh ra thuộc sở hữu cá nhân, không bắt buộc phải nộp vào các TTLTQG hoặc lưu trữ tỉnh. Vì vậy, Luận án sẽ không nghiên cứu về các đối tượng là các cá nhân có TLNN.

Về thời gian, Đề tài nghiên cứu một số cơ quan sản xuất và lưu giữ tài liệu nghe nhìn - là những nguồn nộp lưu được thành lập sau Cách mạng tháng Tám 1945 tới nay. Riêng thành phần tài liệu, Đề tài khảo sát, nghiên cứu tài liệu từ đầu thế kỉ 20 tới nay do còn một số phim kính được chụp từ thời thực dân Pháp còn đang bảo quản tại TTLTQG III.

5. Nguồn tài liệu nghiên cứu và tham khảo:

Thứ nhất, để thực hiện Đề tài, trước hết cần nghiên cứu các qui định của nhà nước về công tác lưu trữ nói chung; trong công tác thu thập và đặc biệt trong thu thập tài liệu nghe nhìn nói riêng như Luật Điện ảnh 2006, Luật Lưu trữ 2011, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ; Thông tư số 17/2014/TT-BNV hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử các cấp...

Thứ hai, các từ điển thuật ngữ văn thư, lưu trữ; từ điển thuật ngữ lưu trữ các nước xã hội chủ nghĩa; các từ điển tiếng Việt, Hán – Việt; các sách chuyên khảo định hướng cho nghiên cứu luận án, như cuốn *Nguồn tư liệu ảnh về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954*, của Ts Đào Xuân Chúc năm 2002; bản dịch các sách chuyên khảo của Trung Quốc như: *Quản lý tài liệu lưu trữ do* Triệu Gia Khánh, Trương Minh Phúc chủ biên năm 1991; *Quản lý tài liệu Lưu trữ nghe - nhìn ở các cơ quan Liên bang Ca - na - đa*, tài liệu dịch năm 1999; sách hướng dẫn (bằng tiếng Nga) của Viện nghiên cứu văn thư lưu trữ Liên bang Nga năm 2004: *Lựa chọn tài liệu nghe nhìn để bảo quản vĩnh viễn...*

Thứ ba, các bài báo đăng trên Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam và trong các kỷ yếu khoa học khác liên quan đến tài liệu nghe nhìn.

Thứ tư, tác giả tham khảo các luận văn cao học của học viên chuyên ngành lưu trữ có liên quan đến nội dung luận án nghiên cứu.

Thứ năm, kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, các báo cáo khoa học, báo cáo khảo sát của Cục VTLTNN, các TTLTQG, Thông tấn xã Việt Nam, Viện Phim Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và tài liệu từ các cuộc khảo sát trực tiếp của tác giả.

6. Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu như sau:

- *Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin:* Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp này để có cách nhìn khách quan, biện chứng, toàn diện về việc xác định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã vận dụng phương pháp luận của lưu trữ học để nghiên cứu các cơ quan là nguồn nộp lưu tài liệu cũng như thành phần tài liệu lưu trữ trong các cơ quan.

- *Phương pháp khảo sát:*

Phương pháp khảo sát được vận dụng trong quá trình khảo sát, nghiên cứu hệ thống văn bản quản lý về TLNN; khảo sát tình hình TLNN của cơ quan là nguồn nộp lưu; khảo sát thành phần tài liệu đang bảo quản ở các Trung tâm Lưu trữ quốc gia; tình hình nộp lưu tài liệu của các cơ quan, tổ chức...

- *Phương pháp hệ thống*

Trong luận án, phương pháp này được sử dụng khi xem xét, nghiên cứu các cơ quan là nguồn nộp lưu tài liệu trong một hệ thống tổ chức nhà nước có mối liên hệ chặt chẽ với nhau; mỗi một ngành, lĩnh vực là một đề mục lớn; trong mỗi một ngành, lĩnh vực – đề mục đó cũng như các tiêu mục được xem xét và sắp đặt trong một hệ thống thống nhất của ngành, lĩnh vực đó. Như vậy, tài liệu trong một cơ quan nhất định cũng được xem xét trong một hệ thống của nó, những tài liệu đó phải phản ánh được hoạt động, chức năng, nhiệm vụ chính của cơ quan đó.

- *Phương pháp thống kê*

Tác giả sử dụng phương pháp này để thống kê các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về việc xác định nguồn và thành phần TLNN. Ngoài ra, phương pháp thống kê còn được dùng để thống kê số liệu thu thập của các cơ quan chuyên sản xuất TLNN, của lưu trữ các bộ, ngành và của các TTLTQG.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*

Việc nghiên cứu xác định nguồn nộp lưu, thành phần tài liệu nộp lưu là vấn đề khó, cần thiết phải phân tích tình hình thực tiễn cũng như các vấn đề lý

luận liên quan để làm rõ yêu cầu phải xác định được nguồn và thành phần tài liệu. Bằng phương pháp này, tác giả đã phân tích, tổng hợp số liệu TLNN từ các TTLTQG và từ Lưu trữ bộ ngành. Qua số liệu đó, hiểu được thực trạng, diễn biến quá trình thu thập tài liệu nghe nhìn.

- Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp này được sử dụng để phỏng vấn một số lãnh đạo ngành lưu trữ, một số chuyên gia, cán bộ trực tiếp thực hiện công việc chuyên môn về thu thập tài liệu ở các TTLTQG cũng như ở các Lưu trữ bộ ngành như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam...

- Phương pháp so sánh

Phương pháp này được tác giả sử dụng để so sánh hiệu quả kinh tế, hiệu quả sử dụng tài liệu, phương án bảo quản cố định TLNN ở cơ quan sản xuất TLNN ... với phương án giao nộp vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia.

7. Đóng góp mới của đề tài

- Về thực tiễn:

Luận án chỉ ra được những vướng mắc, chông chéo trong các văn bản pháp lý của nhà nước trong việc quy định thẩm quyền quản lý TLNN.

Lần đầu tiên, Luận án sẽ chỉ ra những ưu điểm, những tồn tại trong thành phần TLNN đang bảo quản tại các TTLTQG – nơi đang bảo quản và sẽ tiếp tục tiếp nhận TLNN; Luận án cũng đã nghiên cứu, khảo sát và đưa ra Danh mục các cơ quan là nguồn nộp lưu thường xuyên và không thường xuyên TLNN để cơ quan quản lý tham khảo, xem xét và quyết định.

Luận án chỉ ra được những thành phần TLNN chủ yếu, quan trọng, có ý nghĩa lịch sử từ các cơ quan cần thu thập và nộp lưu vào các TTLTQG.

- Về lý luận: Đóng góp quan trọng là đã nghiên cứu được cơ sở để xác định nguồn nộp lưu TLNN. Đó là xác định tiêu chuẩn các cơ quan đủ điều kiện và cần phải nộp lưu TLNN vào các TTLTQG. Một phần lý luận quan

trọng khác là đã nghiên cứu được các tiêu chuẩn và phương pháp xây dựng danh mục thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG; góp phần hoàn thiện một số thuật ngữ liên quan đến TLNN. Kết quả Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý để xây dựng các văn bản có liên quan tới việc quản lý công tác thu thập và hướng dẫn nghiệp vụ thu thập TLNN.

8. Bố cục của Đề tài.

Đề tài Luận án ngoài phần mở đầu, kết luận và các phụ lục gồm có bốn chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về xác định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN trong nước và một số nước trên thế giới.

Trong Chương này, tác giả đã phân tích, tổng hợp các kết quả nghiên cứu về xác định nguồn và thành phần TLNN trong và ngoài nước; chỉ ra những vấn đề liên quan đến Đề tài luận án đã được nghiên cứu; những nội dung chưa được nghiên cứu; chỉ ra những khoảng trống về thực tiễn và lý luận cần phải được nghiên cứu trong Luận án này.

Chương 2: Thực trạng quản lý TLNN ở các cơ quan trung ương

Trong chương này, Luận án nghiên cứu các đặc điểm của TLNN, những qui định hiện hành của nhà nước liên quan đến nguồn nộp lưu và thành phần TLNN; công tác quản lý TLNN ở các TTLTQG, trong đó nghiên cứu thẩm quyền thu thập tài liệu nghe nhìn cũng như thành phần tài liệu nghe nhìn cơ bản đang được bảo quản tại các TTLTQG. Chương 2 cũng nghiên cứu nội dung quản lý TLNN ở các cơ quan sản xuất và lưu giữ TLNN.

Chương 3: Cơ sở xác định nguồn và thành phần TLNN nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam

Để có cơ sở xác định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN cần nộp lưu, Luận án nghiên cứu cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Về mặt lý luận, Luận án đã nghiên cứu hệ thống các tiêu chuẩn xác định nguồn nộp lưu và tiêu chuẩn thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam. Về thực tiễn, Luận án đã nghiên cứu tình hình các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu thường xuyên và không thường xuyên; nghiên cứu thành phần TLNN ở các cơ quan đó để làm cơ sở xây dựng danh mục tài liệu.

Chương 4: Phương pháp xác định danh mục nguồn và thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG

Nội dung Chương 4 thể hiện qua việc nghiên cứu phương pháp xác định danh mục nguồn, danh mục nguồn nộp lưu thường xuyên và không thường xuyên TLNN; nghiên cứu phương pháp xây dựng danh mục thành phần tài liệu với những nội dung: Nguyên tắc xây dựng, Phương pháp xây dựng thành phần tài liệu nghe nhìn cho mỗi cơ quan và nghiên cứu Danh mục mẫu thành phần TLNN để có cơ sở để thu thập, bổ sung và lập Danh mục tài liệu cụ thể của cơ quan mình chuẩn bị cho việc nộp lưu vào các TTLTQG.

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện Luận án này, tác giả đã nhận được sự động viên, giúp đỡ của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân. Nhân dịp này, tác giả xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Lãnh đạo Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III; PGS, TS Vũ Thị Phụng, TS Đào Đức Thuận. Đặc biệt, tác giả xin chân thành cảm ơn PGS, TS Đào Xuân Chúc - người đã trực tiếp hướng dẫn khoa học để tác giả thực hiện Luận án này.

Một lần nữa xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức, các nhà khoa học, bạn bè, đồng nghiệp và gia đình.

Nguyễn Minh Sơn

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ XÁC ĐỊNH NGUỒN NỘP LƯU VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN TRONG NƯỚC VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1.1.1. Tài liệu nghe nhìn Để có cơ sở khoa học khi xác định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN nhằm lựa chọn để bảo quản, cần xem xét và thống nhất định nghĩa TLNN.

Từ điển Lưu trữ Việt Nam do Cục Lưu trữ nhà nước xuất bản năm 1992 định nghĩa: “ Tài liệu nghe nhìn – những tài liệu phim, ảnh, phim điện ảnh, ghi âm, ghi hình. Đặc điểm sử dụng những tài liệu này là trực tiếp nghe, nhìn thấy hình ảnh ”. [11,73]. Với cách định nghĩa như vậy (trực tiếp nghe, nhìn thấy hình ảnh), người đọc có thể hiểu rằng TLNN là tài liệu vừa nghe được lại vừa nhìn thấy được. Tuy nhiên trên thực tế, TLNN với thành phần như trên thì có loại chỉ có thể nhìn thấy như tài liệu ảnh, có loại chỉ có thể nghe thấy như tài liệu ghi âm hoặc có thể vừa nghe vừa nhìn thấy như phim điện ảnh, băng video...

Giáo trình “Văn thư học” của Trung Quốc do NXB Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc xuất bản năm 1999 cho rằng “ Tài liệu nghe nhìn là chỉ những tài liệu được hình thành trong một hoạt động công vụ nào đó thông qua việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật như chụp ảnh, ghi âm, quay phim ..., hoặc là những sản phẩm nghe nhìn và tài liệu chữ viết kèm theo của nó được tạo ra để hoàn thành một hoạt động công vụ nhất định. Thông thường chỉ ảnh, băng ghi âm, băng ghi hình và tài liệu trên đĩa quang ” [23, 272]. Định nghĩa này đã thể hiện được nội hàm khái niệm TLNN. Tuy nhiên chưa thật chặt chẽ khi cho rằng “hoặc là những sản phẩm nghe nhìn và tài liệu chữ viết kèm

theo” bởi TLNN không nhất thiết phải có tài liệu chữ viết kèm theo nếu trên tài liệu đó đã đủ thông tin để xác định độ tin cậy của nó.

Trong giáo trình của Liên bang Nga “Lựa chọn tài liệu nghe nhìn để bảo quản vĩnh viễn” đã định nghĩa: “ Tài liệu nghe nhìn là tài liệu chứa thông tin hình ảnh và/ hoặc âm thanh [73, 6]. Chúng tôi cho rằng đây là định nghĩa về TLNN có sức khái quát và đúng do nó đã nêu bật được bản chất của TLNN. Tuy nhiên cũng chưa thấy nêu lên chất liệu, hình thức tồn tại, đặc biệt trong môi trường tài liệu điện tử hiện nay. Từ những phân tích trên đây, chúng tôi thấy rằng, nội hàm về TLNN chưa được hiểu thống trong lưu trữ các nước. Chúng tôi xin được đưa ra định nghĩa tài liệu nghe nhìn như sau: “ *Tài liệu nghe nhìn là tài liệu chứa thông tin hình ảnh và/ hoặc âm thanh dưới mọi chất liệu, hình thức tồn tại, được sản sinh trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân*”. Nội dung định nghĩa này nêu khái quát được đặc điểm quan trọng của TLNN là loại tài liệu có âm thanh hoặc có hình ảnh, hoặc có cả hai như tài liệu phim điện ảnh, tài liệu video và có thể tồn tại trên nhiều chất liệu (băng từ tính, phim nhựa, đĩa quang, băng từ, ổ cứng ...). Định nghĩa này cũng thể hiện một cách khái quát nguồn gốc sinh ra nó là cơ quan, tổ chức hay cá nhân. Như vậy, định nghĩa này thỏa mãn được nội hàm của tài liệu nghe nhìn mà lưu trữ nhiều nước ở các khía cạnh khác nhau đã đề cập.

1.1.2. Tài liệu lưu trữ nghe nhìn

Trong Tập bài giảng “ Lưu trữ tài liệu nghe nhìn” của PGS, TS Đào Xuân Chúc đã định nghĩa: “ Tài liệu ảnh, phim điện ảnh, ghi âm và ghi hình – ghi âm được sản sinh ra trong hoạt động của các cơ quan văn hóa, thông tin, tuyên truyền, các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu khoa học và những người chụp ảnh, quay phim và ghi âm, ghi hình – ghi âm nghiệp dư có giá trị khoa học, lịch sử và thực tiễn không phân biệt thời gian, địa điểm sản sinh và vật liệu mang tin, được nộp vào các kho (Viện) Lưu trữ

Nhà nước theo các chế độ nhất định thì gọi là tài liệu lưu trữ ảnh, phim điện ảnh và ghi âm, ghi hình (Tài liệu lưu trữ nghe - nhìn) [10,1]. Tiếp theo, tác giả giải thích thêm: “ Tài liệu ảnh, phim điện ảnh, ghi âm và ghi hình là những loại tài liệu đặc biệt cả về hình thức lẫn nội dung mang tin. Chúng có khả năng ghi và làm tái hiện các hoạt động của xã hội và tự nhiên bằng hình ảnh tĩnh, hình ảnh động và âm thanh đúng như sự việc xảy ra”[10,1]. Định nghĩa này đã nêu được bản chất của TLNN là chứa thông tin bằng âm thanh, hình ảnh và ý nghĩa về nội dung của tài liệu khi chúng trở thành tài liệu lưu trữ.

Trong sách: “ Quản lý tài liệu lưu trữ” do NXB Lưu trữ, Trung Quốc xuất bản năm 1991, định nghĩa: “ Tài liệu lưu trữ nghe nhìn là tài liệu lưu trữ được tạo thành cùng với sự tiến bộ của các kỹ thuật khoa học. Vật mang tin của nó là phim nhựa và nguyên liệu từ tính. Nó ghi chép về những sự kiện lịch sử trọng đại và tình hình thực tế của các hoạt động lịch sử, khoa học kỹ thuật quan trọng, ghi chép bằng hình ảnh một cách sinh động và phản ánh được hoạt động của các nhân vật có liên quan ” [22, 328 – 329]. Chúng tôi cho rằng, định nghĩa này có 2 nội dung chưa thể hiện đúng và đủ. Thứ nhất, khi nói về chất liệu mang tin, nó không chỉ trên “phim nhựa và nguyên liệu từ tính“ mà còn có thể trên giấy ảnh, trên đĩa laser...Thứ hai, TLNN không chỉ “ phản ánh được hoạt động của các nhân vật có liên quan ” mà còn có thể phản ánh hiện tượng tự nhiên, phong cảnh v.v.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi có thể đưa ra định nghĩa tài liệu lưu trữ nghe nhìn như sau: *"Tài liệu lưu trữ nghe nhìn (tài liệu lưu trữ ảnh, phim điện ảnh, ghi âm, ghi hình) là những tài liệu chứa thông tin hình ảnh và (hoặc) âm thanh dưới mọi chất liệu, hình thức được sản sinh ra trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có giá trị khoa học, lịch sử, thực tiễn... được lựa chọn vào bảo quản trong các lưu trữ ”*. Định nghĩa này thể hiện được đặc điểm tài liệu là nghe/ nhìn thấy, vừa nêu được chất liệu, hình thức tồn tại của chúng (có thể ở dạng tài liệu điện tử), cũng như nội dung

của tài liệu lưu trữ nói chung. Từ đây chúng tôi xin dùng định nghĩa này để xem xét thành phần TLNN để đưa vào lưu trữ lịch sử.

1.1.3. Nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn

Theo “Từ điển Thuật ngữ Lưu trữ hiện đại các nước xã hội chủ nghĩa”, xuất bản lần 1 năm 1982 định nghĩa: “Nguồn bổ sung (источник комплектования) là tổ chức hoặc cá nhân chuyển giao trực tiếp tài liệu vào lưu trữ nhà nước hoặc lưu trữ cơ quan [12,97]. Tác giả cho rằng, định nghĩa này đã nêu đúng nội hàm, bản chất của nó khi xác định đủ, đúng đối tượng là cơ quan hoặc cá nhân là nguồn bổ sung/ nộp lưu và địa chỉ tiếp nhận những tài liệu. Ở Lưu trữ các nước, qua khảo sát, chúng tôi chưa thấy có định nghĩa rõ ràng về nguồn nộp lưu hay nguồn bổ sung mà chỉ thấy đã chỉ rõ, thường là “cơ quan là nguồn nộp lưu”. Ở Việt Nam, nguồn bổ sung hoặc nguồn nộp lưu vẫn được dùng với nghĩa như nhau. Nguồn nộp lưu tài liệu ở Việt Nam được hiểu là cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp lưu tài liệu vào lưu trữ. Trong Luận án của mình, tôi cho rằng “ *Nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn là các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển giao trực tiếp tài liệu của mình vào bảo quản trong các lưu trữ theo qui định của pháp luật*”.

1.1.4. Thành phần tài liệu nghe nhìn

Khi bàn về thành phần tài liệu, có 2 cách lý giải về vấn đề này. Cách thứ nhất, *thành phần* được hiểu và sử dụng theo nghĩa *hình thức*, nghĩa là các loại hình cấu thành TLNN như phim, ảnh, ghi âm hoặc chất liệu mang tin tạo nên chúng như phim nhựa, giấy ảnh, băng từ tính, đĩa ghi hình-ghi âm bằng laze...

Cách thứ hai, *thành phần* được hiểu và sử dụng theo nghĩa *nội dung*, nghĩa là *thành phần* cấu tạo nên nội dung của TLNN hay còn được hiểu một cách ngắn gọn là thành phần nội dung hoặc là thành phần. Hiện nay, trong một số văn bản qui phạm pháp luật hoặc văn bản hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ của Cục VTLTNN, thành phần tài liệu được hiểu như là các nhóm nhỏ nội

dung của tài liệu, là những phần tạo nên nội dung tài liệu đó. Trong Luận án này, thuật ngữ *Thành phần* được hiểu và sử dụng với nghĩa thứ hai nói trên.

Như vậy, *thành phần tài liệu nghe nhìn là những nhóm nội dung tài liệu chính với nhiều cấp độ khác nhau hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.*

1.1.5. Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn

Thống nhất với cách hiểu thành phần tài liệu nghe nhìn như vậy, Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn là *Bảng kê các nhóm nội dung tài liệu chính với nhiều cấp độ tài liệu khác nhau hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có giá trị cần nộp lưu vào các lưu trữ lịch sử.*

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VỀ XÁC ĐỊNH NGUỒN NỘP LƯU VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN NỘP VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM

TLNN là một bộ phận quan trọng trong Phong Lưu trữ quốc gia Việt Nam. Những tài liệu đó cần được thu thập, bổ sung thường xuyên. Do vậy, vấn đề xác định nguồn và thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG là một trong những vấn đề quan trọng của công tác lưu trữ. Trong những năm qua, đã có một số công trình tìm hiểu, nghiên cứu về vấn đề này ở các góc độ và mức độ khác nhau. Theo kết quả khảo sát, tới nay ở trong nước đã có gần 100 công trình, tác phẩm đề cập đến các lĩnh vực trong công tác lưu trữ TTNN của Việt Nam và thế giới. Những nghiên cứu về các vấn đề trong công tác lưu trữ TLNN như: lịch sử, tổ chức và quản lý; thu thập và bảo quản TLNN; phân loại, xác định giá trị tài liệu; xây dựng công cụ tra cứu, biên mục, chú thích và ứng dụng tin học vào công tác lưu trữ TLNN; tổ chức sử dụng TLNN. Tuy nhiên chỉ có một số ít công trình đề cập trực tiếp hoặc có liên quan đến vấn đề xác định nguồn và thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG Việt Nam. Những

công trình đó đã được đăng trên các tạp chí, kỉ yếu khoa học; luận văn thạc sĩ, sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học, tổng số 21 nghiên cứu, trong đó:

- Sách chuyên khảo: 01 cuốn, (chiếm 4,76%).
- Giáo trình: 2 (chiếm 9,5%).
- Đề tài nghiên cứu khoa học: 2 (chiếm 9,5%).
- Luận án/ luận văn: 4 (chiếm 19,%)
- Các bài báo trên tạp chí, kỷ yếu khoa học có 12 bài, (chiếm 57,1%).

Để có cơ sở rút ra được những vấn đề đã giải quyết, chưa được giải quyết, những vấn đề cần trao đổi và từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá và đề xuất những vấn đề cần nghiên cứu trong Luận án của mình, tác giả đã sưu tầm, nghiên cứu những công trình đã xuất bản, đã công bố và có một số nhận xét như sau:

1.2.1. Nghiên cứu chung về tài liệu nghe nhìn

Sách “*Nguồn tư liệu ảnh về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954)*” do NXB Chính trị Quốc gia xuất bản, Hà Nội, năm 2002 của TS Đào Xuân Chúc bước đầu đã đề ra được những cơ sở khoa học để phân loại, đánh giá giá trị tài liệu ảnh nói chung và trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp nói riêng. Tuy nhiên, đó là những nguyên tắc chung, khi áp dụng vào tài liệu ảnh ở các lưu trữ cần phải chú ý tới đặc thù của nó. Tác giả đã đánh giá và giới thiệu tổng quát nguồn tài liệu ảnh có giá trị ở một số cơ quan lớn như Thông tấn xã Việt Nam, Báo Ảnh Việt Nam; nghiên cứu cách lựa chọn tài liệu ảnh để công bố. Do phạm vi của chuyên khảo chỉ liên quan đến tài liệu ảnh nên những cơ sở TLNN khác, tác giả không đề cập và nghiên cứu. Trong Sách này, vấn đề tiêu chuẩn về nguồn cũng chưa được nghiên cứu sâu; tiêu chuẩn về thành phần TLNN hoàn toàn chưa được nghiên cứu [8].

Hiện nay có 2 quyển đề cương được dùng làm tài liệu giảng dạy cho sinh viên Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng (Trường Đại học Khoa học

Xã hội và Nhân văn) và cho sinh viên Trường Cao đẳng Văn thư Lưu trữ Trung ương I (nay là Trường Đại học Nội vụ Hà Nội).

Quyển thứ nhất: "*Lưu trữ tài liệu nghe- nhìn (Tập bài giảng)*" do PGS, TS Đào Xuân Chúc biên soạn năm 1997, đã được Hội đồng nghiệm thu Trường ĐHKHXH&NV thông qua năm 1997; sau đó đã được sửa chữa, bổ sung và được Hội đồng Nghiệm thu Trường Đại học KHXHNV Hà Nội nghiệm thu năm 2006). Đây là Đề cương bài giảng cần thiết và quan trọng dùng để giảng dạy cho sinh viên Khoa Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng. Trong 7 chương của Đề cương bài giảng này, tác giả đã trình bày, lí giải khái niệm về tài liệu nghe nhìn; kỹ thuật tạo thành ảnh, phim điện ảnh, ghi âm và ghi hình; sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của các loại tài liệu nghe nhìn; phân loại và hệ thống hóa; xác định giá trị và bổ sung tài liệu nghe nhìn vào các viện lưu trữ nhà nước; biên mục thống kê và xây dựng công cụ tra cứu; kỹ thuật bảo quản tài liệu nghe nhìn và cuối cùng là tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ nghe nhìn. Đây là những kiến thức cơ bản, nền tảng cần thiết cho sinh viên khi học môn Lưu trữ tài liệu nghe nhìn. Trong Phần bổ sung tài liệu nghe nhìn vào các viện lưu trữ nhà nước, tác giả đã đưa ra định hướng quan trọng đối với các nguồn bổ sung. Theo tác giả “ Trong hoạt động xã hội, chỉ có một số cơ quan có chức năng sản xuất ra tài liệu nghe nhìn và một số cơ quan khác, tuy không có chức năng sản xuất ra tài liệu nghe nhìn, nhưng trong hoạt động của những cơ quan này, đôi khi cũng có tài liệu nghe nhìn” [10,105]. Trước khi bổ sung tài liệu nghe nhìn vào các Viện lưu trữ Nhà nước, cần xác định các cơ quan có chức năng chuyên môn và các cơ quan không có chức năng chuyên môn sản sinh ra tài liệu nghe nhìn. Tiếp theo tác giả cho rằng “ Cần chia các cơ quan, tổ chức thành 2 nhóm: - Nhóm thứ nhất: là những cơ quan bổ sung chủ yếu tài liệu ảnh cho lưu trữ. Những cơ quan này hoạt động có chức năng sản xuất tài liệu nghe nhìn. Nhóm thứ hai: là nhóm cơ quan không thường xuyên sản sinh ra tài liệu nghe nhìn” [10, 105].

Đây là định hướng cần thiết, đúng đắn cho các nhà quản lý khi nghiên cứu, xây dựng văn bản về nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn. Tuy nhiên, trong khuôn khổ Đề cương bài giảng có hạn về dung lượng, tác giả chưa có điều kiện trình bày cụ thể, chi tiết về cơ sở lý luận thế nào là cơ quan có chức năng chuyên môn và các cơ quan không có chức năng chuyên môn. Trong Đề cương bài giảng, tác giả cũng chưa có dịp phân tích, đề xuất cụ thể thành phần tài liệu nghe nhìn cần nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia.

Quyển thứ hai: "*Đề cương bài giảng môn học Lưu trữ tài liệu nghe nhìn*" do 2 giáo viên là Trần Như Nghiệm và Ths. Trần Thị Loan, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội biên soạn năm 2004. Sau khi nghiên cứu, thu thập tài liệu và dựa vào tình hình thực tế của các cơ quan, cuốn Đề cương đã được hoàn thành với 7 chương: Những vấn đề chung về tài liệu nghe nhìn; Thu thập, bổ sung tài liệu; Xác định giá trị tài liệu; Phân loại và hệ thống hóa tài liệu; Thống kê; Bảo quản và cuối cùng là tổ chức sử dụng tài liệu. Đến nay, cuốn Đề cương này đã được sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập cho chuyên ngành lưu trữ và chuyên ngành khác trong trường. Trong cuốn Đề cương, những kiến thức cơ bản về lưu trữ tài liệu nghe nhìn dùng để giảng dạy cho sinh viên trường trung cấp, cao đẳng và nay là Đại học Nội vụ Hà Nội đã được trình bày, tuy nhiên còn đơn giản, sơ lược. Về công tác thu thập, giáo trình cũng chỉ đề cập qua một số nguồn có thể nộp tài liệu nghe- nhìn vào lưu trữ nhưng chưa nêu rõ cơ sở khoa học để đưa các cơ quan đó vào Danh mục nguồn nộp lưu; Tập bài giảng cũng không đề cập đến thành phần TLNN [25].

Năm 1998, trong luận văn thạc sỹ "*Xác định giá trị và thu thập tài liệu phim điện ảnh để Nhà nước bảo quản*", tác giả Nguyễn Văn Xuyên đã phân tích, rút ra được những đặc điểm của loại tài liệu phim điện ảnh, cơ sở lý luận và thực tiễn; những nguyên tắc, tiêu chuẩn xác định giá trị tài liệu và đề xuất các nguồn thu thập chúng để Nhà nước bảo quản đối với thể loại phim thời

sự, tài liệu, các đoạn phim tư liệu. Rất tiếc là tác giả chưa xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn để xác định giá trị cho các thể loại phim tư liệu. [55].

Luận văn thạc sỹ "*Tài liệu lưu trữ phim điện ảnh - Một nguồn sử liệu quý về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh*" năm 1998 của Trần Hồng Vân đã giới thiệu các nguồn tài liệu phim điện ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh; trình bày phương pháp phân loại phim điện ảnh và phân tích, phê phán nguồn sử liệu phim điện ảnh về Hồ Chí Minh nhằm mục đích sử dụng và khai thác nguồn tư liệu quý này cho việc nghiên cứu về cuộc đời và hoạt động của Hồ Chủ tịch và lịch sử Việt Nam nói chung [53].

1.2.2. Về chính sách quản lý TLNN

Tác giả Võ Văn Sáu từ rất sớm đã có bài viết: "*Vài nét về tình hình công tác lưu trữ phim, ảnh và băng ghi âm của nước ta hiện nay*", Tập san "Nghiên cứu công tác Lưu trữ" số 2/1967. Qua kết quả khảo sát tình hình bảo quản tài liệu ở các cơ quan, tác giả thấy rằng tình hình công tác hiện nay chưa đáp ứng được những đòi hỏi của bản thân loại tài liệu này về mặt nghiệp vụ lưu trữ, cũng như về mặt kỹ thuật. Về mặt quản lý chỉ đạo theo nguyên tắc "tập trung thống nhất" đối với loại tài liệu này chưa được thực hiện. Xuất phát từ thực tế và yêu cầu cấp thiết phải bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, tác giả khẩn thiết đề nghị: "Cần phải có văn bản của Nhà nước ban hành điều lệ quy định về loại tài liệu này: Xác định vị trí của nó trong phong Lưu trữ nhà nước, ban hành chế độ công tác nghiệp vụ cho từng loại thích hợp, bước đầu đưa vào nề nếp việc thu thập, nộp lưu trữ theo một nguyên tắc thống nhất" [28, 42], và cách đây gần 50 năm, tác giả Võ Văn Sáu đã đề nghị thành lập một cơ quan chuyên trách cho lĩnh vực này: "Cần phải thành lập một cơ quan khoa học chuyên tổ chức thu thập, bảo quản và phục vụ cho khai thác ảnh, phim điện ảnh và băng ghi âm chung của Nhà nước". [28,42],Tới nay, riêng lĩnh vực kho tàng, nhà nước đã phê duyệt và đang xây dựng Kho tài liệu Khoa học

Công nghệ và Phim, ảnh, ghi âm. Có thể trong vài năm tới, Kho Lưu trữ này được đưa vào sử dụng nhưng nhiều vấn đề liên quan đến quản lý và tổ chức khoa học khối tài liệu này thì chưa được triển khai thực hiện.

Tiếp theo bài viết trên, trên Tập san “ Nghiên cứu công tác Lưu trữ” số 3 năm 1968 đăng tiếp bài viết của tác giả Võ Văn Sáu: “*Vài nét về quản lý tài liệu lưu trữ nghe nhìn*”. Một lần nữa, tác giả Võ Văn Sáu báo động về tình trạng đáng lo ngại về công tác quản lý TLNN ở các cơ quan và đề nghị phải nhanh chóng thực hiện quản lý tập trung thống nhất khối tài liệu này cũng như nhanh chóng ban hành của qui định về nghiệp vụ đối với loại hình tài liệu đặc thù này [29].

Tập san Công tác Lưu trữ hồ sơ, số 1/1972, có bài: “*Phương pháp thống kê, biên mục tài liệu ảnh lưu trữ*”, của Võ Văn Sáu. Trong phần “ Vài nét về ý nghĩa và tình hình lưu trữ ảnh”, qua kết quả khảo sát thực tế, tác giả nhận định: “ Hiện nay, trong các phòng, kho lưu trữ của các cơ quan trung ương và địa phương đều có ít nhiều tài liệu ảnh. Những tài liệu này đều có liên quan chặt chẽ đến nội dung tài liệu lưu trữ bằng chữ viết. Nó có thể minh họa bằng hình ảnh, có thể bổ sung về nội dung cho tài liệu chữ viết. Cũng có những trường hợp tài liệu ảnh là căn cứ độc nhất để nghiên cứu khoa học, lịch sử v.v... phục vụ cho chiến đấu, sản xuất, cho đấu tranh chính trị và ngoại giao.” [30,15]. Và tác giả khẳng định: “ Vì vậy, tài liệu ảnh lưu trữ là một bộ phận không thể thiếu được của phong Lưu trữ Nhà nước” [30,15]. Đây là những nhận xét, đánh giá rất đúng về vai trò, ý nghĩa của tài liệu ảnh. Trong bài viết của mình với kết quả khảo sát được, tác giả cho rằng “ một số cơ quan chuyên sản xuất ra tài liệu ảnh, hoặc có chức năng hoạt động bằng ảnh như Phân xã Nhiếp ảnh trung ương, Báo ảnh Việt Nam, v.v... đã có một số mặt làm tốt về tổ chức bảo quản, thống kê, biên mục, phục vụ cho khai thác tài liệu ảnh. Nhưng phần lớn các phòng, kho lưu trữ khác còn chưa chú ý đến nghiệp vụ lưu trữ tài liệu ảnh nên đã để âm bản ảnh bị chảy lớp thuốc, ảnh

dính vào nhau, ẩm mốc, rách nát, dương bản bị ố vàng, bạc màu, v.v... Tài liệu ảnh dễ phân tán, lộn xộn cần thì tìm rất lâu hoặc không tìm thấy” [30,15]. Cũng theo tác giả: “ Nguyên nhân của tình hình này, ngoài mặt nhận thức cũng như cơ sở vật chất chưa tốt, chưa đầy đủ, còn có mặt trực tiếp là cán bộ lưu trữ chưa nắm được phương pháp thống kê, biên mục và tổ chức bảo quản tài liệu ảnh theo đặc tính của nó” [30,15]. Sau hơn 40 năm trôi qua, những đánh giá, những nhận xét của tác giả về bảo quản tài liệu ảnh nói riêng và TLNN nói chung vẫn đúng và chúng ta vẫn chưa có được những giải pháp đồng bộ, triệt để để giải quyết vấn đề trên.

Trong số 2/1983, Tạp chí Văn thư- Lưu trữ có bài “*Cần quan tâm hơn nữa đến việc công tác quản lý tài liệu ảnh, phim điện ảnh và ghi âm*” của Ts. Đào Xuân Chúc. Qua kết quả khảo sát, nghiên cứu tình hình tổ chức tài liệu ở các cơ quan, tác giả nhận xét: “ Tài liệu ảnh, phim điện ảnh và ghi âm ở nước ta hiện nay còn dễ phân tán ở nhiều nơi, không theo nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất. Ở hầu hết các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp có tài liệu ảnh, phim điện ảnh và ghi âm, chưa tổ chức khoa học khối tài liệu hiện đang lưu giữ” [3, 19] và tác giả cho rằng: “Tình trạng bảo quản tài liệu ảnh, phim điện ảnh và ghi âm ở nhiều cơ quan đang xấu đi, thậm chí đến mức đáng báo động, nhưng vẫn chưa được khắc phục” [3,19]. Cuối cùng tác giả khẩn thiết đề nghị: “ 1: Nhà nước sớm ban hành danh mục những cơ quan, đoàn thể có tài liệu ảnh, phim điện ảnh và tài liệu ghi âm phải nộp lưu vào cơ quan lưu trữ Nhà nước theo định kỳ; 2: Những cơ quan có trách nhiệm cần sớm có biện pháp và kế hoạch để chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ đối với những cơ quan có những loại tài liệu đặc biệt này” [3,19].

Bài viết: “*Cần quan tâm hơn nữa đến việc quản lý tài liệu lưu trữ bằng băng, đĩa, ghi âm*” của tác giả Đặng Anh Đào trên Tạp chí Văn thư- Lưu trữ số 2/1985. Trên cơ sở khảo sát tình hình bảo quản tài liệu ghi âm ở một số cơ quan, tác giả nhận định nguyên nhân chính của tình trạng tài liệu bị hư hỏng

ngghiêm trọng, ngoài tình trạng kho tàng không đảm bảo, còn: “ Do thiếu băng và do nhu cầu công tác trước mắt nên có cơ quan đã xóa băng cũ để ghi thông tin khác, trong đó có nhiều sự kiện lịch sử quý giá đã bị xóa và như vậy sẽ không còn cách nào ghi lại được” [15, 25]. Và “ Do chưa có tổ chức lưu trữ chuyên trách hoặc có nhưng chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ của mình nên băng đĩa ghi âm không được bảo quản tập trung, trái lại còn bị phân tán ở các đơn vị công tác hoặc ở cán bộ phần hành nên một phần bị thất lạc hoặc biến thành của riêng” [15, 25]. Với nhận xét trên đây, sau 30 năm, tình hình bảo quản băng đĩa ghi âm nói riêng và TLNN nói chung cũng chưa tốt lên được bao nhiêu. Để cải thiện tình hình bảo quản tài liệu ghi âm hiện nay, tác giả đề nghị: “Riêng thời hạn nạp lưu, do đặc điểm của băng, đĩa ghi âm khó bảo quản nên cần nạp lưu sớm hơn vào cơ quan lưu trữ Nhà nước. Trong trường hợp nếu cơ quan đó còn có nhu cầu sử dụng luôn trong công tác của mình thì nên sao băng, đĩa khác, còn băng đĩa gốc thì nạp vào cơ quan lưu trữ nhà nước” [15, 26]. Đây là những đề xuất cụ thể, thiết thực và đúng đắn.

Trong số 2 năm 1986 của Tạp chí Văn thư -Lưu trữ có bài “Một số ý kiến về tổ chức lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm ở nước ta hiện nay” của tác giả Lã Thị Hồng. Tác giả nhấn mạnh ý nghĩa của tài liệu: “ Giá trị của các tài liệu này trước hết ở tính chính xác và sự sinh động của nó, có tác động trực và nhanh chóng đến thế giới quan của con người” [18,17]. Mặc dù TLNN có giá trị như vậy nhưng hiện nay, công tác tổ chức tài liệu không khoa học, tài liệu bị hư hỏng nhiều. Tác giả cho rằng: “ Nhìn chung, công tác lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm ở nước ta từ Trung ương đến địa phương đang gặp rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân của tình trạng trên là do cơ quan Lưu trữ nhà nước chưa quan tâm đúng mức đến loại hình tài liệu này, Nhà nước chưa có các văn bản qui định các chế độ và hướng dẫn cụ thể về công tác lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm; các cơ quan lưu trữ Nhà nước chưa được trang bị các phương tiện cần thiết để quản lý và bảo quản tài liệu. Mặt khác, số cán bộ lưu

trữ có nghiệp vụ chuyên sâu về công tác lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm còn quá ít và trình độ còn thấp...[18, 20]. Nhận thức được tầm quan trọng của tài liệu cũng như thực trạng đáng báo động của công tác lưu trữ TLNN, tác giả đưa ra ý kiến về nguồn thu thập khối tài liệu đó. Đó là nên phân thành 2 nhóm: nhóm nguồn chính và nhóm nguồn phụ. Theo tác giả, nguồn chính là những cơ quan mà trong quá trình hoạt động, tài liệu phim, ảnh, ghi âm thường xuyên được sinh ra và nguồn thu phụ là những cơ quan sinh ra hoặc thu thập tài liệu này chỉ mang tính minh họa, không phải chuyên môn và thường xuyên. Cuối cùng, tác giả kiến nghị phải có một hệ thống tổ chức tài liệu phim, ảnh ghi âm từ trung ương đến địa phương nằm trong Cục Lưu trữ nhà nước và do Cục trực tiếp quản lý. Và một điều quan trọng theo tác giả, phải: “ Thống nhất với các cơ quan có tài liệu phim, ảnh, ghi âm về nguyên tắc và phương pháp quản lý tài liệu; - Ra được văn bản cụ thể về danh sách các cơ quan và chế độ nộp lưu tài liệu; - Ra được các bản hướng dẫn về công tác lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm ở Lưu trữ Nhà nước và lưu trữ cơ quan” [18, 23]. Đây là những nhận xét, những kiến nghị cần thiết đối với các nhà quản lý để cải thiện tình hình khó khăn trong công tác tổ chức khoa học TLNN. Tuy nhiên, tác giả cũng chưa có điều kiện phân tích kỹ về những lý do phân nguồn thu phụ, nguồn thu chính; cơ sở khoa học của việc phân chia như vậy. Về thành phần nộp lưu các loại tài liệu đó, tác giả đang xem xét ở góc độ là thành phần của chất liệu, của vật mang tin kèm theo chứ tác giả không nghiên cứu thành phần tài liệu dưới góc độ là các nhóm nội dung tài liệu.

Tác giả Nguyễn Minh Sơn có 2 bài liên quan đến tổ chức TLNN: “*Vài nét về khối tài liệu ảnh mới thu thập từ Quốc hội và Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*” trong số 3/1991 [31] và bài “*Vài nét về khối tài liệu ghi âm đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I*” trong số 4/1991 của Tạp chí Lưu trữ Việt Nam [32]. Trong những bài báo trên, ngoài giới thiệu khái quát nội dung một số tài liệu ảnh và tài liệu ghi âm đang bảo quản

tại TTLTQG I, tác giả đưa ra ý kiến cần nhanh chóng thu thập và quản lý tập trung thống nhất khối TLNN đang bảo quản ở các cơ quan để tổ chức tốt hơn công tác bảo quản và sử dụng hiệu quả hơn tài liệu lưu trữ nghe nhìn.

Trong bài “*Vài nét về quản lý tài liệu lưu trữ nghe nhìn*”, trên Tạp chí Văn thư - Lưu trữ, số 02/1998, tác giả Nguyễn Lan Phương nhận xét: “ Thực trạng hiện nay, công tác lưu trữ TLNN ở nước ta còn chưa được quan tâm đúng mức. Từ khi thành lập Cục Lưu trữ (1962) đến nay, cơ quan này chưa ban hành được một văn bản qui phạm pháp luật nào đối với loại hình TLNN. Có thể nói công tác quản lý và chỉ đạo lưu trữ trong thời gian qua còn có một khoảng trống khá lớn so với nhu cầu thực tiễn” [26,18]. Tiếp theo, về văn bản quản lý đối với công tác lưu trữ TLNN, tác giả đề xuất “ Cục Lưu trữ Nhà nước cần nghiên cứu tình hình, tổng kết công tác thực tiễn để giúp Nhà nước sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý TLNN. Trong đó cần quy định các nguyên tắc, tiêu chuẩn về quản lý TLNN ... Trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật, Cục Lưu trữ Nhà nước cần có văn bản hướng dẫn thực hiện các khâu nghiệp vụ cụ thể” [26,19]. Cũng trong bài báo này, tác giả nhận thấy tình trạng TLNN bị phân tán và xu hướng tăng lên nhanh về số lượng của nó nên đã đề xuất tiếp: “ Vì vậy để thực hiện nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất loại hình tài liệu này, Nhà nước nên sớm cho thành lập Trung tâm Lưu trữ TLNN trực thuộc Cục Lưu trữ Nhà nước. Về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm này cũng giống như 3 TTLTQG trực thuộc Cục Lưu trữ Nhà nước nhưng chỉ riêng quản lý TLNN ” [26, 20] như một số nước phát triển Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nga. Đây là những nhận xét và kiến nghị đúng đắn, khoa học và phù hợp với thực tế mà nhiều người làm công tác quản lý và làm nghiệp vụ ở nhiều cấp, nhiều cơ quan đều nhận thấy và đã lên tiếng trong nhiều diễn đàn.

Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Thúy Bình “*Công tác lưu trữ TLNN ở các Đài truyền hình - thực trạng và giải pháp*” năm 2002 đã khảo sát tình hình công tác lưu trữ ở các đài truyền hình, đặc biệt là Đài Truyền hình Trung

ương, nêu lên được thực trạng công tác tổ chức TLNN ở các đài truyền hình còn nhiều bất cập; tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm cải tiến công tác lưu trữ TLNN của các đài truyền hình. Các giải pháp tác giả đưa ra như thu thập, phân loại, xác định giá trị, tổ chức sắp xếp tài liệu trong kho...có thể áp dụng cho Đài Truyền hình Việt Nam và tài liệu tham khảo tốt cho các đài truyền hình địa phương. Tuy nhiên, Luận văn cũng không nghiên cứu, đề xuất các nguồn và thành phần TLNN nộp vào lưu trữ lịch sử.[1].

Tạp chí “Lưu trữ Việt Nam” số 1/2002 có bài “*Vấn đề thu thập và tổ chức khoa học tài liệu kèm theo phim điện ảnh*” của TS. Đào Xuân Chúc. Trong bài viết, tác giả đã phân tích kỹ những loại tài liệu kèm theo phim điện ảnh như đề cương kịch bản, kịch bản văn học, các bản thuyết minh, tranh ảnh, áp phích...cần phải được thu thập kèm theo phim và nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của tài liệu kèm theo “những tài liệu, hiện vật kèm theo phim điện ảnh này sẽ giúp cho các nhà nghiên cứu làm sáng tỏ thêm về nội dung và xuất xứ của một bộ phim, một đoạn phim hoặc một giai đoạn phát triển của điện ảnh. Chính vì vậy, cùng với việc tổ chức khoa học tài liệu lưu trữ phim điện ảnh để phục vụ cho công tác khai thác và sử dụng, còn cần phải tổ chức khối tài liệu kèm theo phim điện ảnh để phục vụ tra tìm được nhanh chóng và chính xác” [2,12]. Sau khi phân tích nguyên nhân của việc chưa thu thập tốt tài liệu kèm theo, trong số các đề xuất để giải quyết tình trạng yếu kém đó, tác giả đề nghị “Đề nghị Nhà nước sớm ban hành văn bản về việc giao nộp tài liệu lưu trữ phim điện ảnh để nhà nước quản lý, trong đó cần nhấn mạnh ngoài phần hình ảnh và âm thanh, cần có thêm các loại tài liệu kèm theo phim cũng phải nộp như phần hình ảnh và sửa đổi những quy định trước đây không hợp lý” [2,15].

Tác giả Đặng Anh Đào trong Tạp chí Lưu trữ Việt Nam, số 4/2002 có bài “*Quá trình thu thập, bổ sung, phục vụ khai thác sử dụng TLNN của các TTLTQG I, III*”. Sau khi tổng kết và đưa ra nhận xét về quá trình thu thập, bổ sung, phục vụ khai thác sử dụng TLNN ở hai TTLTQG, trong đó tác giả cho

rằng mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng “ không phải không gặp khó khăn, trở ngại và tồn tại: công tác thu thập, bổ sung tài liệu phim, ảnh, ghi âm có lúc chưa được chú trọng đầy đủ; khối lượng và diện thu thập tuy đã nhiều nhưng còn chưa đầy đủ và hoàn chỉnh” [14,129]. Về nhận xét này của tác giả, có một nội dung chúng tôi thấy chưa thật sát, chưa thật phù hợp với thực tế thu thập TLNN trong những năm qua đó là “khối lượng và diện thu thập tuy đã nhiều”. Với con số tác giả đưa ra trong 40 năm qua đã thu thập được “ hơn 200.000 phim ảnh, 500 cuộn phim điện ảnh và hơn 4.000 giờ băng ghi âm” đối với một TTLTQG thì hoàn toàn là con số còn quá ít so với thực tế tài liệu cần thu thập là hàng triệu tấm ảnh, hàng vạn cuộn phim và nhiều tài liệu ghi âm ở các cơ sở sản xuất. Cuối cùng, tác giả đề xuất “Để đưa công tác thu thập, bổ sung và khai thác sử dụng có hiệu quả đối với loại hình tài liệu nghe nhìn, Cục Lưu trữ Nhà nước cần ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ nộp lưu tài liệu phim, ảnh, ghi âm vào Lưu trữ quốc gia” [14,129]. Từ thực tiễn của một TTLTQG cần thu thập bổ sung TLNN, đây là những đề xuất rất cần thiết cho công tác chuyên môn và phục vụ cho cả công tác quản lý của nhà nước.

Trên Tạp chí Lưu trữ Việt Nam số 6/2002 có bài “ *Công tác sưu tầm TLNN tại Viện Phim Việt Nam* ” của Minh Trí. Sau khi nêu những kết quả sưu tầm TLNN của Viện phim Việt Nam, những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện một số văn bản của Nhà nước về sưu tầm tài liệu, tác giả nhấn mạnh: “ Ngay từ bây giờ phải làm tốt công tác sưu tầm, lưu trữ, bảo quản những bộ phim điện ảnh, một loại hình TLNN có liên quan đến lịch sử phát triển của xã hội loài người” [38, 203].

Trong luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Sơn với đề tài “*Tổ chức khoa học tài liệu ảnh ở TTLTQG III - Thực trạng và giải pháp*” năm 2003 đã phản ánh thực trạng tổ chức khoa học tài liệu ảnh ở TTLTQG III và đã đề xuất những giải pháp khoa học để tổ chức lại tài liệu ảnh kể cả việc thu thập TLNN từ các nguồn nộp lưu tài liệu ảnh. Trong phần kết luận, tác giả kiến nghị:

“3.1. Nhanh chóng nghiên cứu, soạn thảo trình Chính phủ ban hành Quyết định trong đó quy định Danh mục các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu tài liệu ảnh vào Lưu trữ Quốc gia. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng đầu tiên cho các TTLTQG cũng như cho cơ quan là nguồn nộp lưu....”;

3.3. Đề nghị Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước sớm nghiên cứu ban hành văn bản qui định thành phần, nội dung tài liệu ảnh cần nộp vào lưu trữ Quốc gia.

3.4. Đẩy mạnh công tác sưu tầm, thu thập tài liệu ảnh từ các cơ quan và cá nhân, gia đình, dòng họ. Nhà nước cần cấp kinh phí thường xuyên để có thể mua những tài liệu ảnh quý hiếm” [33,110-111].

Để giải quyết tốt những tồn tại trong tổ chức khoa học tài liệu ảnh ở TTLTQG III và ở các bộ ngành có liên quan, những kiến nghị trên là hợp lý. Kết quả của luận văn này là tài liệu tham khảo cho các Lưu trữ khác khi tổ chức tài liệu ảnh cũng như các cơ quan quản lý. Tuy nhiên tới nay, việc nghiên cứu Danh mục nguồn và thành phần tài liệu nộp lưu của tài liệu ảnh nói riêng và TLNN nói chung vẫn chưa được Cục VTLTNN tiến hành.

Tác giả Phạm Thị Huệ trong Lưu trữ Việt Nam số 5/2003 có bài “ *Vài nét về tài liệu ghi âm thời Đế nhị cộng hòa*”. Trong bài viết, tác giả đã nêu đặc điểm của tài liệu ghi âm thời kì Đế II Cộng hòa, việc chỉnh lý tài liệu ghi âm, thống kê một số thành phần (nội dung) chính của tài liệu ...Đặc biệt tác giả đã phân tích tình hình thực tế tài liệu ghi âm thời kì đó. So với chức năng, nhiệm vụ được giao của Sở Tin báo - Nha Báo chí Phủ Tổng thống Đế II Cộng hòa, căn cứ vào các sự kiện cần ghi âm, căn cứ vào một số bài nói, bài phát biểu ... được phát hành nhưng không trùng với 600 cuộn băng gốc, theo tác giả “ Điều đó chứng tỏ rằng, hiện nay bản gốc tài liệu ghi âm thời Đế II Cộng hòa có số lượng lớn hơn chứ không chỉ có 600 cuộn băng gốc như trên. Sự thất lạc tài liệu ghi âm có thể do chiến tranh hủy hoại, có thể do Mỹ -ngụy

mang đi khi chạy ra nước ngoài, có thể còn lưu trữ ở một số cơ quan nào đó. Thời gian tới cần phải có kế hoạch khảo sát để thu thập, bổ sung nguồn tài liệu này” [21,155]. Căn cứ một số thành phần tài liệu ghi âm còn thiếu so với nội dung đang lưu giữ cũng như nhận định thiếu về số lượng mà tác giả đưa ra, chúng ta có thể có căn cứ để bổ sung nội dung các nhóm tài liệu cũng như nghiên cứu để bổ sung nguồn nộp lưu TLNN.

Năm 2004, Tạp chí “Văn thư - Lưu trữ Việt Nam” số 1 đăng bài “*Máy ý kiến về công tác lưu trữ tài liệu ảnh ở nước ta hiện nay*” của tác giả Vĩnh Xuân. Tác giả Vĩnh Xuân đã khảo sát các nguồn tài liệu ảnh, cách thức tổ chức tài liệu ảnh ở Thư viện Khoa học Xã hội, Thông Tấn xã Việt Nam, Báo ảnh Việt Nam, Viện Khảo cổ học, Viện Dân tộc học, các báo Nhân dân, Quân đội nhân dân, Lao động, Tiền phong, Phụ nữ ... Tác giả nhận xét “ Để đảm bảo các yêu cầu của một kho lưu trữ ảnh, ở Việt Nam hiện nay, chưa có một nơi nào đáp ứng được”. [54, 14]. Với thực trạng công tác tổ chức tài liệu ảnh nói riêng và TLNN nói chung sau hơn 10 năm kể từ này tác giả đưa ra nhận xét trên, tới nay, nhận xét đó vẫn chưa lạc hậu. Tiếp theo, tác giả kiến nghị một số giải pháp “ 1) Thể chế hóa công tác lưu trữ tài liệu ảnh bằng các văn bản hướng dẫn (*qui định, chế độ, nguyên tắc*) về các qui trình nghiệp vụ lưu trữ tài liệu ảnh. Đồng thời tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn trực tiếp các cơ quan đang lưu trữ ảnh để đảm bảo tính thống nhất về nghiệp vụ và bước đầu quản lý được tài liệu không để bị mất, hỏng tiếp” [54, 14]. Để có một tổ chức bảo quản tập trung, góp phần giảm thiểu những nguy cơ hủy hoại tài liệu ảnh cũng như TLNN khác, tác giả đề xuất tiếp “ Khẩn trương xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật về kho tàng, trang thiết bị của một trung tâm Lưu trữ khoa học kỹ thuật, trong đó có kho để lưu trữ tài liệu ảnh, tài liệu khoa học kỹ thuật và các tài liệu nghe nhìn khác để bảo quản tập trung” [54,14].

Trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “ Thu thập tài liệu lưu trữ vào Lưu trữ lịch sử - Thực trạng và những vấn đề đặt ra” tháng 6/2015, ThS. Trần

Phuong Hoa có bài: “ *Tài liệu ảnh của các cơ quan – thành phần bị lãng quên khi giao nộp hồ sơ vào lưu trữ lịch sử*”. Tác giả đã nghiên cứu sự hình thành tài liệu ảnh trong hoạt động của lưu trữ các cơ quan. Trong phần tìm hiểu thực trạng quản lý và giao nộp tài liệu ảnh vào lưu trữ, tác giả khẳng định với những văn bản nhà nước đã ban hành, tài liệu ảnh là một thành phần của hồ sơ lưu trữ và khuyến nghị: “ Tài liệu ảnh cần được giao nộp theo hồ sơ lưu trữ vào lưu trữ lịch sử các cấp” [16, 76].

Ngoài ra còn một số bài trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học khác có đề cập đến TLNN ở các khía cạnh khác nhau của nghiệp vụ Lưu trữ TLNN như: Chính lý, xác định giá trị, thống kê, bảo quản, tổ chức sử dụng tài liệu v.v.

Tóm lại, các bài báo trên tập san, sau này là Tạp chí Lưu trữ, Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam đã bước đầu tìm hiểu giá trị của TLNN; nêu lên thực trạng công tác lưu trữ TLNN; các tác giả đề xuất một số kiến nghị chung chung về cách quản lý TLNN như phải quản lí thống nhất, phải duy trì chế độ bảo quản thích hợp...Trong các bài báo này, không thấy đề cập đến cách xây dựng nguồn và thành phần TLNN.

1.2.3. Về xác định nguồn và thành phần

Đề tài khoa học do Lã Thị Hồng chủ nhiệm, Mã số 89-98-017 “*Những cơ sở khoa học xác định nguồn bổ sung và thành phần tài liệu ảnh để Nhà nước quản lý*” năm 1991. Trong Đề tài này, bước đầu khảo sát một số cơ sở chuyên sản xuất tài liệu ảnh như Thông Tấn xã Việt Nam, Báo Ảnh Việt Nam ...; đã đề xuất một số nguồn nộp lưu để nhà nước quản lý nhưng cũng không chỉ rõ cấp nào quản lý. Các TTLTQG quản lý tập trung hay quản lý ở cơ sở sản xuất ra tài liệu đó. Về thành phần tài liệu ảnh, nhóm Đề tài đã nghiên cứu và bước đầu đưa ra một số nhóm nội dung tài liệu ảnh như: Cách mạng tháng Tám 1945, Bầu cử Quốc hội các khóa, tài liệu về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội... Tuy nhiên, nội dung các nhóm tài liệu còn quá chung chung. Đề tài

chưa nghiên cứu sâu về cơ sở khoa học xác định nguồn nộp lưu, đặc biệt là thành phần tài liệu; chưa nghiên cứu được các tiêu chuẩn, phương pháp xây dựng danh mục thành phần tài liệu. Do phạm vi nghiên cứu, nhóm đề tài chỉ mới bước đầu nghiên cứu xác định nguồn và thành phần tài liệu ảnh hưởng đến nhà nước quản lý, còn các loại hình tài liệu khác chưa được nghiên cứu [19,12-24].

Đề tài khoa học cấp Bộ “ *Nghiên cứu xác định nguồn và thành phần tài liệu nghe nhìn nộp vào Lưu trữ lịch sử* “ Mã số 2004- 98-05 bảo vệ năm 2007 do Thạc sĩ Nguyễn Minh Sơn làm chủ nhiệm Đề tài đã có một số đóng góp sau đây: Lần đầu tiên, Đề tài đã giới thiệu tình hình nghiên cứu về nguồn và thành phần tài liệu TLNN ở trong nước và trên thế giới. Đề tài đồng thời cũng đã nghiên cứu, phân tích và khái quát được những đặc điểm cơ bản của TLNN để có cơ sở lựa chọn chúng vào bảo quản nhà nước; Đề tài cũng đã nghiên cứu và đưa ra khái niệm của riêng mình về tài liệu lưu trữ nghe nhìn. Đề tài cũng trình bày khái quát thực trạng tổ chức TLNN hiện nay ở các bộ, ban ngành, các tỉnh; chỉ ra những ưu điểm, những tồn tại, thiếu sót cần thiết phải khắc phục bao gồm trên các mặt: về văn bản quy định về nghiệp vụ liên quan đến TLNN, văn bản về công tác tổ chức cán bộ; chỉ ra những nguyên nhân của những thành tựu và tồn tại để từ đó tìm ra những giải pháp hữu hiệu cho thời gian tới. Từ những nghiên cứu đó, lần đầu tiên Đề tài xác định được danh mục một số cơ quan thuộc diện nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử quốc gia và lưu trữ tỉnh; lần đầu tiên xác định được thành phần TLNN tiêu biểu thuộc diện nộp vào lưu trữ lịch sử [34]. Trên đây là một số đóng góp của Đề tài. Tuy nhiên, khi nghiên cứu kết quả của Đề tài, thấy rằng, Đề tài còn một số hạn chế sau đây:

- *Thứ nhất*: Mặc dù đã có khảo sát, tìm hiểu các công trình đã nghiên cứu về Đề tài này nhưng nhóm tác giả chưa nghiên cứu sâu, chưa cập nhật những công trình mới nhất, đặc biệt là ở nước ngoài. Chưa phân tích kỹ, sâu

và tổng kết về những gì đã được nghiên cứu, từ đó việc xác định nội dung và phạm vi nghiên cứu chưa thật rõ.

- *Thứ hai:* Do phạm vi Đề tài quá rộng (bao gồm cả Lưu trữ lịch sử, ở đây nhóm tác giả nghiên cứu phạm vi các TTLTQG và cả Lưu trữ tỉnh), vì vậy những vấn đề đặt ra không được nghiên cứu sâu. Cụ thể, không thể khảo sát tài liệu ở TTLTQG II và một số cơ quan, bộ ngành như Thư viện Khoa học xã hội, Viện Khảo cổ, Báo ảnh Việt Nam ... Chính vì vậy, khi đề xuất nhiều nhóm tài liệu bị thiếu.

- *Thứ ba:* Về cơ sở lý luận, đặc biệt, Đề tài chưa nghiên cứu sâu về cơ sở lý luận: Chưa nghiên cứu và do đó cũng chưa đưa ra được những tiêu chuẩn về nguồn nộp lưu và tiêu chuẩn thành phần tài liệu nộp lưu; chưa nghiên cứu phương pháp xây dựng Danh mục nguồn nộp lưu và thành phần tài liệu.

- *Thứ tư:* Về một số giải pháp kiến nghị của Đề tài: Có một giải pháp các tác giả đưa ra liên quan đến việc nên cho phép hay không cho phép thành lập Lưu trữ cố định ở một số cơ quan chuyên sản xuất TLNN. Trong giải pháp Mục 7.2, có nêu: “Đối với các cơ quan lớn sản xuất TLNN (như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam. v.v) mà hiện nay Chính phủ đang cho phép bảo quản tài liệu nghe-nhìn nên có 2 hướng giải quyết sau đây:

- Thứ nhất: Cần nghiên cứu để cho phép họ có thể lập Lưu trữ cố định. Nếu được lập Lưu trữ cố định thì tài liệu tất nhiên được bảo quản ở Lưu trữ cơ quan đó nhưng cần gửi Mục lục thống kê tài liệu cho các Trung tâm Lưu trữ quốc gia;

- Thứ hai: Nếu những cơ quan đó không được phép lập Lưu trữ cố định thì Nhà nước cần cấp kinh phí cho cơ quan đó hoặc cho các TTLTQG để sao lại một bộ tài liệu nhằm phục vụ cho hoạt động tuyên truyền của cơ quan đó và của Đảng và nhà nước”[34, 98-99].

Việc đề xuất các giải pháp cho một vấn đề cụ thể, về nguyên tắc, ta có thể đưa ra nhiều giải pháp để lựa chọn. Tuy nhiên, đứng trên quan điểm khoa học, người nghiên cứu cần phải đề xuất được một giải pháp khoa học và có tính khả thi. Tuy nhiên, Đề tài này vẫn chưa đưa ra được một giải pháp cụ thể và đặc biệt là có tính khả thi trong giai đoạn hiện nay.

Qua những công trình nghiên cứu trong nước, thấy rằng, vấn đề nghiên cứu xác định nguồn và thành phần TLNN nước cần nộp lưu vào các TTLTQG đã được đề cập, xem xét, nghiên cứu được một số nội dung sau đây:

1. Khẳng định được tầm quan trọng của TLNN. Bước đầu một số công trình đã khảo sát, đánh giá thực trạng đáng báo động của TLNN ở các lưu trữ cơ quan và ngay cả ở các TTLTQG về tình trạng vật lý và cả về tổ chức khoa học tài liệu.

2. Một số tác giả kiến nghị phải thành lập một cơ quan chuyên trách để thu thập, bảo quản và tổ chức sử dụng TLNN; cần phải nghiên cứu, ban hành Danh mục các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu TLNN.

3. Có một công trình đã bước đầu nghiên cứu cơ sở khoa học xác định nguồn và thành phần TLNN nộp vào các lưu trữ lịch sử. Tuy nhiên, nhiều vấn đề cơ bản trong việc nghiên cứu nguồn và thành phần TLNN chưa được đầu tư nghiên cứu ở mức sâu và đủ luận cứ khoa học, đó là:

Chưa thu thập đầy đủ dữ liệu liên quan cần thiết đến nguồn và thành phần TLNN. Để nghiên cứu xây dựng được danh mục nguồn và thành phần TLNN nộp lưu vào các TTLTQG, cần thiết phải khảo sát một cách quy mô, phạm vi rộng các cơ quan có TLNN và các cơ quan đang bảo quản tài liệu đó. Trên cơ sở những dữ liệu thu thập được mới xử lý thông tin chính xác. Cơ sở khoa học xác định nguồn nộp lưu mặc dù đã bước đầu được nghiên cứu nhưng riêng phần cơ sở lý luận chưa đủ sâu, chưa thật thuyết phục khi lập luận về các nguồn nộp lưu thường xuyên và nguồn nộp lưu không thường

xuyên. Cơ sở khoa học để xác định thành phần TLNN nộp lưu vào các TTLTQG chưa được nghiên cứu sâu, đặc biệt là phần cơ sở lý luận; hoàn toàn chưa nghiên cứu về tiêu chuẩn thành phần tài liệu; chưa nghiên cứu phương pháp xây dựng danh mục thành phần tài liệu. Việc xây dựng danh mục mẫu thành phần tài liệu trong Đề tài khoa học năm 2007 còn thiếu nhiều nhóm tài liệu quan trọng; chưa đưa ra được đề xuất có sức thuyết phục về thành lập Trung tâm Lưu trữ TLNN; chưa đưa ra được cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc lập hay không được phép lập lưu trữ cố định về TLNN ở các cơ sở lớn chuyên sản xuất TLNN.

1.3. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở MỘT SỐ NƯỚC VỀ VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN

Ở nhiều nước, song song với công tác lưu trữ tài liệu giấy, công tác lưu trữ TLNN đã được hình thành từ lâu và không ngừng phát triển. Là loại tài liệu với những chất liệu mang tin đặc thù so với tài liệu giấy nên TLNN luôn thu hút nhiều công trình nghiên cứu thể hiện dưới các dạng đề tài nghiên cứu khoa học, bài viết, tham luận tại các hội nghị, hội thảo; sách giáo khoa, giáo trình giảng dạy; các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế... Nghiên cứu tư liệu ở một số nước cho thấy những nội dung chính mà các nhà nghiên cứu thường tập trung vào là: các định nghĩa, khái niệm, thành phần, đặc điểm của TLNN; vai trò, ý nghĩa của chúng trong thế giới thông tin hiện nay, các tiêu chuẩn xác định giá trị và lựa chọn bổ sung vào lưu trữ nhà nước. Đặc biệt, vấn đề mà các nước quan tâm nhất là sự hình thành của tài liệu, phương pháp, kỹ thuật bảo quản và chế độ sử dụng v.v...

Hầu hết lưu trữ các nước xác định rằng, thành phần chính của TLNN bao gồm: tài liệu ảnh, phim điện ảnh, ghi âm, ghi hình. Có một số nước, ví dụ như Lưu trữ Canada, ngoài các loại tài liệu kể trên, thuộc nhóm tài liệu “nhìn” còn có các loại tranh vẽ nghệ thuật. [49].

- Ở Ôxtrâylia, trong giáo trình “*Gìn giữ tài liệu lưu trữ*”(năm 1999), các loại TLNN được đưa vào một chương gọi là “*Quản lý tài liệu ở dạng đặc biệt cùng với tài liệu bản vẽ, bản đồ, tài liệu điện tử*”. Xác định giá trị của TLNN, các nhà lưu trữ Ôxtrâylia khẳng định rằng giá trị của chúng chỉ được xác định trong một tổng thể cùng với các tài liệu khác đi kèm, ví dụ hồ sơ về sự ra đời một bộ phim, một cuốn băng ghi âm hay lời thuyết minh cho ảnh...[50].

- Lưu trữ Canada: Trong chương trình hướng dẫn toàn diện việc quản lý thông tin và tài liệu trong hệ thống các cơ quan chính phủ đã ban hành *Bản Hướng dẫn quản lý TLNN ở các cơ quan liên bang Canada* (năm 1993). Với tên gọi như trên, ngoài phần mục xác định các loại TLNN, nội dung chính của bản hướng dẫn tập trung vào hướng dẫn cụ thể cách sắp xếp, tổ chức, bảo quản và sử dụng TLNN. Theo hướng dẫn này thì, “TLNN là một văn bản có chứa thông tin của chính phủ dưới dạng những hình ảnh động và/ hoặc có cả âm thanh. Bất cứ một phim, ảnh, băng video, băng cassette hay đĩa CD nào được tạo ra hay thu thập như là một phần công việc của chính phủ đều được coi là một tài liệu, và phải được quản lý tốt theo các phương pháp quản lý thông tin tài liệu. Điều quan trọng phải ghi nhớ là những tài liệu nghe nhìn được tạo ra hay thu thập trong quá trình làm việc của chính phủ đều thuộc quyền sở hữu của chính phủ Canada, và tuyệt đối không thuộc quyền sở hữu của bất kỳ một cá nhân hay viên chức chính phủ nào” [49,10]. Đối với tài liệu ảnh, Lưu trữ Canada soạn thảo riêng Hướng dẫn quản lý tài liệu ảnh trong hệ thống cơ quan chính phủ Canada [49]. Nói chung các hướng dẫn trên đều tập trung vào các nguồn TLNN và ảnh sản sinh trong sự hoạt động của các cơ quan chính phủ và đều được điều chỉnh bởi luật pháp hiện hành về quyền sở hữu hay bản quyền. Sự gia tăng các loại hình TLNN trong thời đại công nghệ mới đó và đang buộc ngành lưu trữ các nước phải đầu tư nghiên cứu và tìm ra các giải pháp hữu hiệu nhất để đáp ứng các nhu cầu thu thập và bảo quản nguồn di sản văn hóa sống động này. Qua nghiên cứu có thể thấy rằng, ở đại

bộ phận các nước, mặc dầu có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết về lưu trữ nghe nhìn, nhưng chủ yếu đi sâu vào hướng dẫn thực tế, ít có các nước đi sâu vào nghiên cứu lý luận, đặc biệt là vấn đề xác định nguồn và thành phần tài liệu đưa vào lưu trữ.

Khác với các nước, lưu trữ Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay luôn được trang bị một hệ thống cơ sở lý luận đầy đủ nhất. Cùng với những loại hình tài liệu bằng giấy khác, lưu trữ tài liệu ảnh, phim điện ảnh và ghi âm, ghi hình đó được hình thành và không ngừng phát triển từ những năm đầu của nhà nước xô viết cho đến nay là Liên bang Nga. Ngoài những văn bản mang tính pháp lý, hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ mang tính chỉ đạo chung, còn có nhiều công trình liên quan đến công tác lưu trữ TLNN.

Một trong những công trình sớm nhất là Giáo trình đại học: “*Lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm*” của tác giả Kudin do Trường Đại học Lưu trữ và Lịch sử Matxcova cho ra đời năm 1960. Giáo trình đã trình bày những vấn đề cơ bản của lý luận và thực tiễn công tác của các Viện lưu trữ phim, ảnh và ghi âm, trong đó bao gồm các vấn đề như khái niệm và đặc điểm, phương pháp chế tác, thu thập và bổ sung, xác định giá trị, biên mục, thống kê, tra cứu và sử dụng từng thể loại TLNN. Giáo trình chủ yếu đưa ra những chỉ dẫn chi tiết, ít đề cập đến các tiêu chuẩn lý luận xác định nguồn cũng như thành phần TLNN nộp vào lưu trữ nhà nước [24]. Trong những năm tiếp theo, các nhà lưu trữ học Liên Xô đã nghiên cứu về các vấn đề xác định giá trị tài liệu nghe nhìn; thu thập tài liệu ảnh, phim điện ảnh, tài liệu ghi âm, tiêu chuẩn các nguồn bổ sung thường xuyên và không thường xuyên ...vào Viện Lưu trữ Phim điện ảnh, ảnh, ghi âm Liên Xô [73].

Năm 2004, Viện Nghiên cứu khoa học lưu trữ và văn kiện học đã soạn thảo *Hướng dẫn nghiệp vụ Lựa chọn tài liệu nghe nhìn vào bảo quản vĩnh viễn*. Bản hướng dẫn đó đưa ra các cơ sở pháp lý, nguyên tắc, tiêu chuẩn và

phương pháp lựa chọn TLNN; tổ chức và phương pháp tiến hành xác định giá trị TLNN. Đây là bản hướng dẫn nghiệp vụ mẫu để xác định thời hạn bảo quản TLNN và sử dụng cho việc soạn thảo các giáo trình nghiệp vụ khác về xác định giá trị và bổ sung tài liệu vào lưu trữ. Bản hướng dẫn được sử dụng cho các viện lưu trữ nhà nước ở Trung ương, địa phương cũng như các tổ chức lưu trữ có các hình thức sở hữu khác nhau.

Trong phần mở đầu, Bản hướng dẫn đó phân tích các nguyên nhân chính dẫn đến giảm sút số lượng TLNN bổ sung vào lưu trữ nhà nước Nga hiện nay như: do hệ thống chính trị thay đổi, tư nhân hóa, hàng loạt các cơ quan chuyên môn chuyển đổi từ sở hữu chung sang sở hữu riêng; hàng loạt các cơ quan chuyên môn bị giải thể, nhiều TLNN bị hủy để tái sử dụng, công nghệ kỹ thuật số với các loại tài liệu điện tử mới v.v... Xuất phát từ thực tế đó, Bản hướng dẫn phân tích cơ sở nền tảng pháp lý và nghiệp vụ bổ sung TLNN, làm rõ hơn các tiêu chuẩn để tiến hành lựa chọn TLNN vào bảo quản nhà nước. Bản hướng dẫn quy định việc lựa chọn TLNN vào lưu trữ nhà nước cần được tiến hành trên cơ sở hệ thống luật pháp của nước Nga, trong đó có: các cơ sở luật pháp Liên bang Nga về Thông Lưu trữ Liên bang Nga và các viện lưu trữ (năm 1993); Điều lệ về Thông Lưu trữ Liên bang Nga, Luật về Bản quyền (1993), Luật về Một bản bắt buộc (1994), Luật về Các phương tiện Thông tin đại chúng (1998), các văn bản dưới luật, hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia. Từ hệ thống pháp luật đó có thể rút ra những nội dung chỉ đạo chính là: Mọi văn bản pháp lý về công tác lưu trữ nói chung đều có thể áp dụng cho TLNN; TLNN có thời hạn bảo quản vĩnh viễn là một bộ phận không thể tách rời của Thông Lưu trữ Liên bang Nga; TLNN thuộc thành phần Thông Lưu trữ Liên bang Nga không phụ thuộc vào xuất xứ, chất liệu mang tin, nơi bảo quản, hình thức sở hữu được bảo quản ở các cơ quan, tổ chức đều là nguồn nộp lưu và chuyển giao vào lưu trữ nhà nước; TLNN được sản sinh hay đang được lưu giữ ở các cơ quan hay cá nhân (là nguồn nộp lưu) không

quá 3 năm kể từ ngày sản sinh, sau đó cần được đưa vào lưu trữ; TLNN được sản sinh hay đang được lưu giữ ở các cơ quan, tổ chức phi chính phủ và các cá nhân, sau khi xác định giá trị có thể chuyển giao vào lưu trữ trên cơ sở thỏa thuận với Lưu trữ liên bang Nga về chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước hoặc là ở dạng ký gửi.

Nội dung chính của Bản hướng dẫn tập trung vào lý giải 4 vấn đề chính: Nguồn bổ sung TLNN vào lưu trữ nhà nước; tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá và lựa chọn TLNN vào bảo quản vĩnh viễn; phương pháp lựa chọn TLNN vào bảo quản vĩnh viễn và bảng kê mẫu thành phần TLNN

Thứ nhất, nguồn bổ sung TLNN vào lưu trữ nhà nước là các thực thể có tư cách pháp nhân hay cá nhân cụ thể có tài liệu thuộc diện đưa vào bảo quản trong lưu trữ. Căn cứ theo Điều 29 của Luật Công dân LB Nga, các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu của của TLNN có quyền sở hữu, sử dụng tài liệu của mình và có quyền chuyển giao quyền sở hữu đó cho người khác. Nguồn bổ sung TLNN có thể là các tổ chức nhà nước có TLNN liên quan đến các cơ quan lưu trữ liên bang Nga thuộc diện đưa vào thành phần Phong Lưu trữ Liên bang Nga. Trong trường hợp này, hình thức sở hữu nhà nước đối với tài liệu không thay đổi. Nguồn bổ sung vào lưu trữ nhà nước có thể là các tổ chức phi chính phủ và cá nhân có TLNN thuộc thành phần Phong Lưu trữ Liên bang Nga trên cơ sở thỏa thuận với Lưu trữ Liên bang với điều kiện chuyển hình thức sở hữu từ tư nhân sang nhà nước. Các tổ chức phi chính phủ bảo quản TLNN có giá trị của các cơ quan tiền bối (là cơ quan nhà nước trước đó) thì căn cứ theo luật hiện hành, là nguồn bổ sung vào lưu trữ đến thời điểm chuyển giao tài liệu vào lưu trữ.

Thứ hai, về các tiêu chuẩn xác định các cơ quan, tổ chức và cá nhân là nguồn bổ sung TLNN vào lưu trữ nhà nước, Bản hướng dẫn đưa ra các tiêu chuẩn như: chức năng nhiệm vụ của cơ quan và sự lặp lại thông tin tài liệu

đang bảo quản trong lưu trữ, ý nghĩa của cá nhân có tài liệu. Tiêu chuẩn chức năng nhiệm vụ của cơ quan đòi hỏi phải xác định chức năng nhiệm vụ của cơ quan tổ chức như một thực thể sản sinh ra tài liệu. Thuộc nhóm này bao gồm các loại cơ quan, tổ chức thuộc bộ máy chính quyền và quản lý nhà nước, các cơ quan tổ chức chuyên môn và không chuyên; các tổ chức xã hội. Đối với các cá nhân là nguồn bổ sung có thể đó là những người mà hoạt động nghề nghiệp liên quan đến sự hình thành, lưu chuyển hoặc là nghiên cứu tài liệu như: tác giả, người thực hiện (biểu diễn), người thừa kế, các nhà sưu tập, người có quan hệ họ hàng thân cận, quan hệ đồng nghiệp với các nhân vật nổi tiếng hoặc có vai trò như một nhân chứng của các sự kiện có ý nghĩa quốc gia và xã hội, ý nghĩa thông tin tài liệu của cá nhân...

Sau khi đưa ra các tiêu chuẩn xác định nguồn bổ sung, Bản hướng dẫn đề xuất và giải thích các nhóm tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá và lựa chọn TLNN vào lưu trữ nhà nước. Ngoài 3 nhóm tiêu chuẩn xác định giá trị tài liệu đặc trưng chung cho các loại hình tài liệu là: *xuất xứ, nội dung và đặc điểm bên ngoài* còn có các *tiêu chuẩn đặc thù* đối với TLNN như: đặc điểm nhận biết nội dung thông tin, sự độc lập thông tin tài liệu không phụ thuộc vào một cơ quan hay tổ chức chuyên môn nhất định tạo ra tài liệu, tính hệ thống của tài liệu, sự hiện diện của các tài liệu khác đi kèm, sự thừa nhận của xã hội đối với giá trị của tài liệu.

Đề cập vấn đề lựa chọn TLNN vào bảo quản thường xuyên, bản hướng dẫn phân tích hệ thống các tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn đặc thù trong việc xác định giá trị TLNN, phương pháp lựa chọn và cách xây dựng các loại bảng kê các sự kiện, hiện tượng cùng với thành phần tài liệu cụ thể cần nhà nước bảo quản và thủ tục thu nhận tài liệu. Như vậy, sau gần 20 năm, với bản hướng dẫn này, lưu trữ TLNN của Liên bang Nga lại được trang bị một công cụ mới để không ngừng đáp ứng với hoàn cảnh mới của lịch sử. Cuối cùng trong bản phụ lục là bản kê mẫu thành phần TLNN [73].

Dưới thời các nước XHCN, lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm thường được các nước XHCN quan tâm và hợp tác nghiên cứu. Điển hình là năm 1981, Lưu trữ các nước CHDC Đức, Hungari, Ba Lan, Tiệp Khắc và Liên Xô đã phối hợp nghiên cứu *Những cơ sở khoa học lựa chọn tài liệu phim điện ảnh, ảnh và ghi âm vào bảo quản và sử dụng trong lưu trữ nhà nước* và trên cơ sở đó, năm 1983 đã ban hành *Những cơ sở phương pháp luận xác định giá trị tài liệu phim điện ảnh, ảnh và ghi âm*. Sự phát triển của công tác lưu trữ TLNN ở các nước đó dẫn tới hình thành nhiều tổ chức quốc tế. Một trong những tổ chức đó là Hiệp hội quốc tế Lưu trữ Nghe nhìn (IASA) thành lập năm 1969 tại Hà Lan với chức năng như một diễn đàn hợp tác quốc tế giữa các viện lưu trữ ghi âm và nghe nhìn các nước. IASA cung cấp và trao đổi mọi thông tin về các lĩnh vực lưu trữ nghe nhìn như thu thập, bảo quản, sử dụng, nghiên cứu và bản quyền tác giả v.v... Năm 2000, Tổ chức quốc tế - Hội đồng Phối hợp Hội Lưu trữ nghe nhìn (CCAAA) được thành lập thuộc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hiệp Quốc (UNESCO), trong đó có Hiệp hội Lưu trữ nghe nhìn là một thành viên. Tổ chức này đại diện cho quyền lợi của các tổ chức nghề nghiệp chuyên về lưu trữ nghe nhìn, bao gồm phim điện ảnh, phát thanh truyền hình và các loại TLNN khác. Hiện nay, thuộc UNESCO có 6 tổ chức thành viên đại diện cho các tổ chức loại hình TLNN như: AMIA - Hiệp hội Lưu trữ hình ảnh động; IASA - Hiệp hội Quốc tế Lưu trữ Ghi âm và nghe nhìn; ICA - Hội đồng Lưu trữ Quốc tế; FIAF - Liên đoàn Lưu trữ Phim điện ảnh quốc tế; FIAT - Liên đoàn Lưu trữ Truyền hình quốc tế và SEAPAVAA - Hiệp hội Lưu trữ nghe nhìn Đông Nam Á – Thái Bình Dương. CCAAA (Hội đồng Phối hợp Hội Lưu trữ nghe nhìn) lập ra cương lĩnh chung cho 6 tổ chức thành viên chia sẻ hợp tác trong những vấn đề liên quan đến nghề nghiệp của những người làm công tác lưu trữ nghe nhìn, trong đó trọng tâm là đảm bảo việc bảo quản và sự tồn tại của tài liệu hình ảnh và âm thanh động phục vụ cho các thế hệ hiện tại và tương lai. Điển hình

là trong năm 1988, UNESCO cùng với Hiệp hội Lưu trữ Phim quốc tế đó nghiên cứu, và phát hành bản *Hướng dẫn giữ gìn và bảo quản hình ảnh động*. Bản Hướng dẫn này là công cụ đầu tiên thừa nhận tính chất văn hóa của việc bảo quản hình ảnh động. Những năm qua, lĩnh vực lưu trữ nghe nhìn đã trải qua những biến đổi lớn về công nghệ và cấu trúc, trong đó nổi bật là các phương tiện truyền tin kỹ thuật số, do đó vấn đề bảo vệ di sản hình ảnh động càng được quan tâm. Xuất phát từ những biến đổi lớn đó, Hiệp hội Lưu trữ Nghe nhìn quốc tế đã soạn thảo và đề xuất nhiều loại văn bản mang tính pháp lý và nghiệp vụ quốc tế thống nhất chung cho công tác lưu trữ TLNN, trong đó có các chủ đề chính như: Hướng dẫn giữ gìn và bảo quản di sản nghe nhìn; Khuôn khổ chiến lược cho công tác đào tạo và phát triển, chính sách bản quyền, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp... Ngoài ra, hàng năm thường có các cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế về lưu trữ nghe nhìn. Đặc biệt, trong năm 2005 Hội đồng Phối hợp Hội Lưu trữ nghe nhìn (CCAAA) của UNESCO đã nghiên cứu và phát hành bản “*Công cụ để bảo toàn và bảo quản di sản nghe nhìn*” [75]. Với tên gọi là “Công cụ” (Instrument), văn bản này là một bước phát triển mới sau bản *Hướng dẫn giữ gìn và bảo quản hình ảnh động* đó được UNESCO phát hành năm 1988. Nó như một khuôn khổ cổ vũ cho việc bảo quản TLNN. Ở phần đầu, bản Công cụ đó đi sâu phân tích đặc điểm kỹ thuật hình thành và những chất liệu mang tin của TLNN như những yếu tố thách thức cho công tác bảo quản và sử dụng. Đề cập đến những nội dung chính như hoàn cảnh phải sửa đổi và bổ sung Bản hướng dẫn năm 1988, định nghĩa và thuật ngữ, sự biến đổi về kỹ thuật công nghệ, bản quyền và tiếp cận, đào tạo, hợp tác quốc tế v.v... Đặc biệt, Bản công cụ lần này nhấn mạnh yếu tố toàn cầu hóa hiện nay với sự hội nhập quốc tế cao trong mọi phương diện hoạt động của xã hội đó có tác động không nhỏ đến các khái niệm truyền thống về di sản quốc gia hay dân tộc. Do đó, khái niệm di sản dân tộc đối với TLNN đang đứng trước nhiều thách thức và đòi hỏi phải nghiên cứu và xem xét.

Về hệ thống kho lưu trữ tài liệu nghe nhìn của các nước trên thế giới, qua kết quả khảo sát và qua các tài liệu nghiệp vụ thấy rằng, các nước có nền kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật phát triển, đều tổ chức hệ thống kho lưu trữ TLNN như Nga (9 kho), Đức (2 kho) và các nước như Mỹ, Anh, Pháp, Trung quốc...đều có nhiều kho TLNN. Hệ thống các đài phát thanh, truyền hình, thông tấn đều có kho lưu trữ riêng.

Nói tóm lại, qua nghiên cứu một số tư liệu nước ngoài có thể nhận định như sau:

- Nhiều nước, đặc biệt là các nước phát triển đều đánh giá cao giá trị của TLNN. Xem TLNN là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc và thế giới, đồng thời là một bộ phận không thể tách rời của Phong lưu trữ quốc gia;

- Trên thế giới, công tác lưu trữ TLNN ở nhiều nước phát triển và được trang bị hệ thống văn bản hướng dẫn và giáo trình nghiệp vụ cơ bản; một số nước đã ban hành các văn bản xác định nguồn và thành phần TLNN để các lưu trữ lịch sử có cơ sở để thu thập và các cơ quan có cơ sở để nộp lưu;

- Công tác lưu trữ TLNN đã có sự hợp tác giữa các nước và có tiếng nói chung thông qua các tổ chức quốc tế và khu vực, các hội nghị, hội thảo quốc tế, các văn bản nghiệp vụ và tiêu chuẩn mang tính quốc tế; công tác lưu trữ TLNN đang chịu tác động của xu thế toàn cầu hoá với những biến đổi nhanh chóng về kỹ thuật công nghệ;

Tuy nhiên, chúng tôi cũng thấy rằng, quan niệm về loại hình tài liệu nghe nhìn của một số nước chưa thống nhất; một số nước cũng chưa có các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ TLNN; ít nước nghiên cứu về TLNN nói chung, nguồn và thành phần tài liệu nói riêng. Do vậy, tài liệu để tham khảo không có nhiều. Nghiên cứu kinh nghiệm thực tế và lý luận của nước ngoài là cơ sở tham khảo hữu ích cho công tác lưu trữ TLNN ở Việt Nam.

Như vậy, qua kết quả khảo sát, nghiên cứu tình hình trong và ngoài nước về xác định nguồn và thành phần TLNN, chúng tôi thấy rằng nhiều vấn đề chưa được nghiên cứu. Đây cũng là những vấn đề mới đặt ra cần được nghiên cứu trong Luận án này.

1/ Cần thiết phải khảo sát rộng và thu thập thêm dữ liệu về thành phần tài liệu nghe nhìn của các TTLTQG và các nguồn nộp lưu tài liệu để làm căn cứ thực tiễn khi xây dựng danh mục nguồn và thành phần TLNN;

2/ Nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn về mặt lý luận để làm cơ sở xác định nguồn nộp lưu; phương pháp xây dựng danh mục nguồn nộp lưu;

3/ Nghiên cứu sâu về mặt lý luận để làm cơ sở xác định thành phần TLNN; nghiên cứu mới về tiêu chuẩn thành phần TLNN và phương pháp xây dựng danh mục thành phần TLNN;.

4/ Cần nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và bổ sung nhiều nhóm nội dung thành phần tài liệu vào danh mục mẫu.

5/ Cần nghiên cứu phương pháp xây dựng nguồn nộp lưu và thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG.

Tiểu kết chương 1

Qua xem xét tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về xác định nguồn và thành phần TLNN, tác giả thấy rằng:

- Đối với ngoài nước: TLNN đã xuất hiện ở nước ngoài từ lâu. Các nhà lưu trữ, các nhà sử học và toàn thể xã hội nói chung đã ý thức rõ được tầm quan trọng và ý nghĩa lịch sử của TLNN nên đã nghiên cứu sâu về nhiều lĩnh vực của TLNN. Đặc biệt, để xác định rõ trách nhiệm của những cơ quan chuyên sản sinh TLNN trong việc bảo quản tài liệu cũng như giúp cho các lưu trữ lịch sử có cơ sở thu thập được tài liệu có nội dung tốt, phản ánh nhiều mặt khác nhau của đời sống xã hội, nhiều nước trên thế giới đã nghiên cứu xác

định rõ nguồn nộp lưu và thành phần TLNN nộp lưu vào lưu trữ lịch sử. Những kinh nghiệm của các nước đó trong lĩnh vực lưu trữ TLNN cho thấy muốn thu thập, bảo quản và khai thác sử dụng tốt tài liệu nghe- nhìn, cần thiết phải xác định được nguồn và thành phần TLNN nộp vào lưu trữ. Đó thật sự là kinh nghiệm và bài học quý giá đối với chúng ta.

- Đối với trong nước: Trong những năm qua, mặc dù chúng ta đã có nghiên cứu về TLNN nhưng chúng ta chưa có những công trình lớn nghiên cứu sâu về TLNN nói chung và việc xác định nguồn và thành phần TLNN nói riêng. Bước đầu mới có một công trình nghiên cứu cơ sở xác định nguồn nộp lưu và thành phần TLNN nộp vào các lưu trữ lịch sử. Tuy nhiên, nhiều vấn đề cơ bản trong việc nghiên cứu nguồn nộp lưu và thành phần TLNN chưa được đầu tư nghiên cứu ở mức sâu và đủ luận cứ khoa học, đó là: Cơ sở lý luận xác định nguồn nộp lưu; phương pháp xây dựng danh mục nguồn; Cơ sở lý luận xác định thành phần tài liệu; phương pháp xây dựng danh mục thành phần tài liệu...

Trên đây là những vấn đề đã được nghiên cứu; một số vấn đề bước đầu đã nghiên cứu nhưng chưa sâu, chưa có sức thuyết phục và đặc biệt là những vấn đề hoàn toàn chưa được xem xét, nghiên cứu. Đó cũng là mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của Luận án này.

Chương 2:

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NGHE NHÌN Ở CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Để có cơ sở xem xét, nghiên cứu cơ sở về lý luận xác định nguồn và thành phần TLNN; cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng danh mục nguồn nộp lưu và thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG, cần phải nghiên cứu đặc điểm tài liệu lưu trữ nghe nhìn, qui định hiện hành về nguồn và thành phần TLNN cũng như thực trạng công tác quản lý TLNN ở các TTLTQG cũng như Lưu trữ ở một số bộ ngành, cơ quan có TLNN.

2.1. ĐẶC ĐIỂM TÀI LIỆU NGHE NHÌN

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và đời sống vật chất cũng như tinh thần ngày một nâng cao, TLNN được hình thành nên ngày càng nhiều và có mặt ở hầu khắp các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Song để xác định được đâu là nguồn bổ sung chủ yếu, thường xuyên và đâu là nguồn bổ sung không thường xuyên thì đó là việc không dễ dàng. Để giải quyết vấn đề này, trước hết phải xuất phát từ khái niệm nguồn nộp lưu và những đặc điểm của TLNN so với tài liệu giấy và các loại hình tài liệu khác. Như khái niệm đã được phân tích và thống nhất: *Nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn là các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển giao trực tiếp tài liệu của mình vào bảo quản trong các lưu trữ theo qui định của pháp luật.*

Cơ quan, tổ chức hoạt động độc lập có nghĩa là cơ quan, tổ chức đó phải có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, văn thư và tổ chức biên chế riêng. Theo khái niệm như trên, có thể nói nguồn nộp lưu TLNN trong thực tế cũng như các nguồn nộp lưu tài liệu giấy. Vì các cơ quan có tài liệu giấy mang ý nghĩa như trên cũng đồng thời có thể có TLNN cần bảo quản nhà nước. Song vấn đề ở đây là cơ quan nào có TLNN là chủ yếu để nộp lưu

thường xuyên vào lưu trữ lịch sử? Để giải quyết vấn đề này trước hết cần hiểu rõ những đặc điểm của TLNN so với tài liệu giấy.

Đặc điểm rõ nhất của TLNN so với tài liệu giấy là nó ghi chép và làm tái hiện lại sự kiện, hiện tượng bằng hình ảnh và (hoặc) âm thanh trực quan. Nó không đi sâu phân tích nội dung bên trong của sự kiện như tài liệu chữ viết, mà làm sống lại một khoảnh khắc, hay một thời điểm của sự kiện đúng như nó đang diễn ra. Hình ảnh “nhìn thấy”, âm thanh “nghe thấy” được như thế, chủ yếu phản ánh hình thức bề ngoài của một hoạt động nào đó, và thông qua hình thức đó, bản chất của những hoạt động ấy được thể hiện. Ví dụ: khi xem một đoạn phim về buổi ký hiệp định giữa ta với nước ngoài, chúng ta chỉ thấy được khung cảnh của buổi lễ và nghe giới thiệu tóm tắt về nội dung của hiệp định. Nếu muốn nghiên cứu về xuất xứ, nội dung, ý nghĩa... của hiệp định thì phải nghiên cứu tài liệu giấy. Song những hình ảnh và âm thanh mà chúng ta nhìn thấy, nghe thấy được thì tài liệu chữ viết lại không thể thay thế.

Chính từ đặc điểm có thể ghi chép và tái hiện sự kiện bằng hình ảnh và âm thanh của TLNN mà dẫn đến nhận xét quan trọng là: *ở những cơ quan có chức năng thông tin tuyên truyền thì TLNN được dùng là phương tiện (hay công cụ) chính để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.* Điều này sẽ liên quan đến một loạt các vấn đề khi xác định nguồn nộp lưu như: Sự hình thành TLNN ở cơ quan đó nhiều hay ít? Cơ quan đó có phải là cơ quan chuyên môn về sản xuất TLNN hay không? Phạm vi đề tài mà TLNN ở cơ quan đó phản ánh rộng hay hẹp? Chuyên đề gì? Chất lượng kỹ thuật của TLNN? Giá trị nghệ thuật của những TLNN được sản sinh?...

Nếu như một cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về một ngành hay lĩnh vực nào đó thì nhiệm vụ chính của cơ quan sẽ là xây dựng ban hành văn bản, quản lý chỉ đạo thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, tổng kết... Để thực hiện những nhiệm vụ nói trên thì văn bản tài liệu giấy đóng vai trò chủ yếu để

ghi chép, truyền đạt các thông tin quản lý bằng ngôn ngữ chữ viết. TLNN ở những cơ quan đó cũng có thể được hình thành, nhưng chỉ đóng vai trò bổ trợ, thứ yếu, bổ sung cho tài liệu giấy trong một số trường hợp như: quản lý nhân sự, thi đua, tổng kết, hợp tác quốc tế, tuyên truyền giáo dục truyền thống... được hình thành không phải thường xuyên ở một đơn vị hay bộ phận mà chỉ đóng vai trò thứ yếu trong cơ quan.

Nếu như một cơ quan có chức năng sự nghiệp về một lĩnh vực chuyên môn như sản xuất, kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ... thì nhiệm vụ chính cũng là các hoạt động trực tiếp để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao hoặc doanh thu lớn. Để thực hiện nhiệm vụ đó thì phương tiện truyền đạt chủ yếu là văn bản tài liệu bằng giấy (chữ viết). TLNN cũng có nhưng chỉ được coi là thứ yếu giống như ở các cơ quan quản lý nhà nước và chỉ mang tính chất tuyên truyền, lưu niệm.

Trong khi đó, ở các cơ quan thông tấn, báo chí (đặc biệt là các báo hình, báo nói), các hãng phim, trung tâm sản xuất chương trình nghe nhìn... với nhiệm vụ thông tin tuyên truyền tới quảng đại quần chúng thì TLNN là phương tiện, công cụ hoạt động chính, chủ yếu. Ở các cơ quan này, TLNN được sản xuất ra hàng ngày với số lượng lớn, phản ánh các thông tin quan trọng nhất thuộc phạm vi đề tài mà nhiệm vụ cơ quan được giao. Tùy theo vị trí, chức năng nhiệm vụ của cơ quan trong hệ thống các cơ quan thông tấn, báo chí, cũng như trong hệ thống các cơ quan của ngành chuyên môn mà TLNN được sản sinh với số lượng lớn, phạm vi đề tài, chất lượng nội dung, kỹ thuật và nghệ thuật cũng khác nhau. Song so với tài liệu giấy thì TLNN ở những cơ quan này vẫn là chủ yếu, mang tính chuyên môn cao và là nguồn bổ sung thường xuyên TLNN vào bảo quản nhà nước.

Có thể nói, do đặc điểm dùng hình ảnh và âm thanh để ghi chép, tái hiện thực tế một cách sinh động nên TLNN thường được sản sinh ở những cơ

quan hay đơn vị có chức năng thông tin, tuyên truyền, giáo dục truyền thống và đây chính là nguồn nộp lưu chủ yếu và thường xuyên tài TLNN vào lưu trữ lịch sử các cấp.

Đặc điểm thứ hai của TLNN là chúng không phản ánh trực tiếp các hoạt động của người chụp hay cơ quan, mà đối tượng phản ánh phụ thuộc vào phạm vi đề tài mà tác giả hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ. Những cơ quan chuyên môn đầu ngành về thông tấn, báo hình, báo nói hay hãng phim tài liệu khoa học ở trung ương có phạm vi đề tài phản ánh là tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong cả nước. Trong khi ở địa phương cũng có Đài phát thanh, Đài truyền hình tỉnh để phản ánh tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, nhưng chỉ trong phạm vi tỉnh. Các báo khác ở trung ương như Lao động, Tiền phong, Thể thao... thì có phạm vi đề tài hẹp hơn để phục vụ cho các đối tượng nhất định theo chức năng nhiệm vụ được giao. Còn ở các cơ quan quản lý nhà nước hay cơ quan sự nghiệp chuyên môn khác thì các bộ phận có sản xuất TLNN thường chỉ phản ánh các hoạt động của cơ quan hay các đối tượng thuộc phạm vi quản lý với nội dung đề tài rất hẹp.

Tuy nhiên, giữa các cơ quan nói trên, TLNN không có khái niệm “trùng” hay “bị bao hàm” như với tài liệu giấy. Mặc dù có khi tất cả các cơ quan cùng ghi lại một sự kiện, nhưng kết quả là các TLNN đều phản ánh sự kiện đó với các góc nhìn khác nhau, quan điểm khác nhau, kỹ thuật và nghệ thuật thể hiện khác nhau. Do vậy, khi xác định nguồn nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử cần có sự phân loại các nhóm cơ quan chuyên môn và không chuyên môn để có cách đánh giá, lựa chọn TLNN cho phù hợp. Với các cơ quan chuyên môn cần áp dụng tổng hợp các tiêu chuẩn xác định giá trị tài liệu để lựa chọn TLNN, đặc biệt là tiêu chuẩn về kỹ thuật và nghệ thuật. Nhưng với các cơ quan không phải là chuyên môn cần lưu ý đến tính độc đáo của đề tài (đối tượng) phản ánh vì những sự kiện mà đã có ở cơ quan chuyên môn thì

cũng thường có ở cơ quan không chuyên môn; nhưng những sự kiện được phản ánh ở cơ quan không chuyên môn thì chưa chắc đã có ở cơ quan chuyên môn. Ví dụ khi có một sự kiện lớn ở một cơ quan thì thường mời các báo, đài đến để quay phim, ghi hình nhằm thông tin tuyên truyền về sự kiện đó. Nhưng có những sự kiện khi đang diễn ra tương như bình thường, may mắn được người trong cơ quan ghi lại, sau đó sự kiện lại trở nên quan trọng thì những TLNN mà cơ quan ghi được trở nên rất có giá trị [41- 43].

Tóm lại, những đặc điểm nói trên của TLNN giúp xác định được cơ quan nào là cơ quan chuyên môn về sản xuất và lưu giữ TLNN để làm phương tiện hoạt động chính của mình. Đó là các cơ quan dùng TLNN để thực hiện chức năng thông tin tuyên truyền, hoặc nghiên cứu về hình ảnh, âm thanh. Những cơ quan này sẽ là nguồn bổ sung thường xuyên TLNN vào lưu trữ lịch sử các cấp. Những đặc điểm này liên quan tới việc xây dựng danh mục thành phần TLNN cũng như lựa chọn tài liệu để nộp lưu vào các Lưu trữ lịch sử.

Bên cạnh đó, TLNN có đặc thù là được ghi trên các vật mang tin rất dễ bị tác động bởi yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ ẩm và các điều kiện vật lý khác do đó rất dễ bị hủy hoại so với tài liệu giấy. Một số loại hình TLNN chỉ khai thác được khi có thiết bị chuyên dụng.

Những đặc điểm, đặc thù trên của TLNN có ảnh hưởng và gây khó khăn cho việc xác định thành phần TLNN:

- *Khó khăn thứ nhất:* Thành phần tài liệu nghe nhìn bị thiếu nhiều ngay cả ở các Trung tâm Lưu trữ quốc gia cũng như ở các cơ quan lớn chuyên sản xuất tài liệu nghe nhìn như Đài THVN, Đài TNVN, TTXVN. Do việc thiếu thành phần tài liệu nên quá trình khảo sát để xây dựng danh mục gặp khó khăn.

- *Khó khăn thứ hai:* Do tài liệu nghe nhìn phải có tài liệu giấy kèm theo thuyết minh, chú thích nhưng trong rất nhiều tài liệu ở các cơ quan, tài liệu

giấy kèm theo thường không đủ hoặc thuyết minh sơ sài, thiếu nội dung cần thiết nên việc xác định thành phần TLNN cũng gặp khó khăn.

- *Khó khăn thứ ba:* Một số tài liệu nghe nhìn muốn xác định nội dung phải mở băng, đĩa để nghe (như băng đĩa ghi âm trước đây), điều này vừa làm tốn thời gian vừa dễ làm nản lòng cán bộ nghiệp vụ.

2.2. QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN

TÀI LIỆU NGHE NHÌN

2.2.1. Qui định về nguồn nộp lưu

Năm 1995 Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) đã ban hành Danh mục số 1 các cơ quan thuộc diện nộp lưu hồ sơ tài liệu vào các TTLTQG, trong đó bao gồm các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước với việc sản sinh tài liệu hành chính là chủ yếu như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam. Đây là văn bản đầu tiên chính thức đưa những cơ quan lớn có TLNN là chủ yếu trở thành nguồn nộp lưu tài liệu vào lưu trữ quốc gia.

Sau khi Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia năm 2001 ra đời, Thông tư 04/2006/TT-BNV ngày 11 tháng 4 năm 2006 hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào lưu trữ lịch sử các cấp, tiêu chuẩn để xác định nguồn nộp lưu thuộc Danh mục số 1. Ngày 25/5/2009, bằng Quyết định 116/QĐ-LTNN, Cục trưởng Cục VTLTNN ban hành Danh mục số 1 các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu cơ quan TTLTQG II với 6 cơ quan. Ngày 25/5/2009, Cục VTLTNN ban hành Quyết định 115/QĐ-LTNN v/v ban hành Danh mục số 1 các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào TTLTQG III với 190 cơ quan. Trong Quyết định đó, các cơ quan chuyên sản xuất TLNN như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam ... cũng được đưa vào danh mục. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện có những vướng mắc về mặt pháp lý do các cơ quan đó cũng được chính phủ cho phép bảo quản TLNN; hơn nữa quyết định của Cục

trường Cục VTLTNN không đủ cơ sở pháp lý bắt các cơ quan trên thực hiện. Chính vì vậy, Quyết định không có tính khả thi khi thu thập TLNN.

Đối với Tiêu chuẩn nguồn nộp lưu thuộc Danh mục số 2, Thông tư 04/2006/TT-BNV ngày 11 tháng 4 năm 2006 quy định một số tiêu chí chủ yếu như đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên môn then chốt, trọng yếu của ngành, lĩnh vực; có tổ chức bộ máy với quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; có điểm đặc biệt về địa bàn hoạt động, về lịch sử hình thành và phát triển...; phải mang tính đại diện cho nhóm các cơ quan, tổ chức có cùng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động trên cùng địa bàn và đang bảo quản những tài liệu có giá trị lịch sử hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức tiền thân hoặc do lịch sử để lại v.v... Với những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể như vậy, các TTLTQG có thể xây dựng và trình Cục VTLTNN ban hành Danh mục số 2. Nếu Danh mục số 2 được xây dựng, ban hành và đi vào thực tế, một khối lượng lớn tài liệu có giá trị, quan trọng và điển hình sẽ được thu thập, bảo quản, làm phong phú cho Phòng Lưu trữ quốc gia Việt Nam. Trên thực tế những năm qua, khối tài liệu quan trọng đó đã không được chỉnh lý, xác định giá trị, bảo quản theo qui định của nhà nước. Số lượng tài liệu bị hư hỏng theo thời gian rất nhiều do vậy TLNN còn lại quá ít. Thời gian qua, một số TTLTQG theo kế hoạch công tác, đã bước đầu khảo sát, xây dựng và trình Cục VTLTNN xem xét, thẩm định, ban hành Danh mục số 2. Tuy nhiên ngày 20 tháng 11 năm 2014, Bộ Nội vụ lại ban hành Thông tư số 17/2014/TT-BNV hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử các cấp. Theo nội dung Thông tư này, sẽ không còn phải nghiên cứu, xây dựng, ban hành Danh mục số 2 với các tiêu chuẩn của Thông tư 04/2006/TT-BNV ngày 11 tháng 4 năm 2006. Như vậy, những tài liệu điển hình, quan trọng của hàng trăm cơ quan sẽ không được nộp lưu vào các Lưu trữ lịch sử. Trong danh mục các cơ quan trước đây là Danh mục số 1, nay số lượng các

cơ quan sẽ tăng lên một số do bổ sung “ Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập” [66]. Đối với tài liệu xây dựng cơ bản, giữa Bộ Nội vụ và Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư Liên tịch số 01/2014/TTLT/BNV-BXD ngày 21 tháng 8 năm 2014 về hướng dẫn thành phần tài liệu dự án, công trình xây dựng nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử. Điều 3 của Thông tư này đã qui định rõ tiêu chuẩn cho các dự án, công trình đủ tiêu chuẩn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử các cấp [66].

Năm 2011, Quốc hội đã thông qua Luật Lưu trữ. Luật Lưu trữ đã đánh một dấu mốc quan trọng trong tiến trình xây dựng văn bản qui phạm pháp luật về công tác lưu trữ của Việt Nam. Thảm quyền thu thập tài liệu lưu trữ quốc gia nói chung được quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Luật Lưu trữ “ a) Lưu trữ lịch sử ở trung ương thu thập, tiếp nhận tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức trung ương của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cơ quan, tổ chức cấp bộ, liên khu, khu, đặc khu của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; các cơ quan, tổ chức trung ương của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và các tổ chức trung ương khác thuộc chính quyền cách mạng từ năm 1975 về trước; các doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật; các cơ quan, tổ chức của các chế độ xã hội tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam từ năm 1975 về trước” [56]. Theo nội dung được quy định trên, ta thấy các Lưu trữ lịch sử ở Trung ương (các TTLTQG) được phép thu thập tài liệu của các cơ quan đã hình thành, phát triển, đã tồn tại hoặc đang tồn tại qua các chế độ, qua các thời kỳ lịch sử. Có thể nói đây thật sự là cơ sở pháp lý quan trọng để các Lưu trữ lịch sử ở trung ương và các cấp có thẩm quyền của nhà nước xem xét, xây dựng danh mục các nguồn nộp lưu tài liệu nói chung và TLNN nói riêng.

Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ, tại Điều 14 của Nghị định đã quy định Thời hạn nộp lưu tài liệu lưu trữ của các ngành công an, quốc phòng, ngoại giao: “1. Tài liệu lưu trữ có giá trị bảo quản vĩnh viễn của các ngành công an, quốc phòng, ngoại giao phải nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử trong thời hạn 30 năm, kể từ năm công việc kết thúc, trừ tài liệu lưu trữ chưa được giải mật hoặc tài liệu lưu trữ cần thiết cho hoạt động nghiệp vụ hàng ngày.” [59]. Trong Khoản 2, Điều 14 cũng quy định: “2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm quy định thời hạn bảo quản tài liệu của ngành sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; thống nhất đầu mối tổ chức việc lựa chọn tài liệu lưu trữ có giá trị bảo quản vĩnh viễn đã đến hạn nộp lưu và giao nộp vào Lưu trữ lịch sử có thẩm quyền theo quy định của Luật lưu trữ.” [59].

Như vậy, hệ thống văn bản từ Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư đến các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Lưu trữ quốc gia đều quy định rõ về nguồn nộp lưu, thời hạn nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử. Tuy nhiên, trong các văn bản đó, chỉ mới quy định được các nguồn nộp lưu tài liệu nói chung, chưa quy định được riêng cho TLNN. Chính vì vậy, các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu thường chỉ chú ý tới tài liệu giấy mà ít chú ý tới TLNN.

Bên cạnh hệ thống văn bản nói trên, Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật số 31/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2006, tại Điều 46 quy định: “1. Trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày phim được cấp giấy phép phổ biến, cơ sở sản xuất phim tài trợ, đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp lưu trữ vật liệu gốc bao gồm gốc hình, gốc tiếng, kịch bản và tài liệu kèm theo phim cho cơ sở lưu trữ phim.

2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm lưu trữ phim của các cơ sở điện ảnh thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin và phim của các bộ, ngành, địa phương được cấp giấy phép phổ biến trong mạng lưới chiếu phim.

3. Cơ sở lưu trữ phim thuộc bộ, ngành lưu trữ phim lưu hành nội bộ; cơ quan nghiên cứu khoa học lưu trữ phim của cơ quan mình.

4. Cơ sở lưu trữ phim thuộc đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình lưu trữ phim của đài mình.” [57,58]. Thực hiện Luật Điện ảnh nói trên, các cơ quan được Chính phủ cho phép sưu tầm, lưu chiếu, lưu trữ TLNN. Đó là những cơ quan như, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cục Nghệ thuật biểu diễn, Viện Phim Việt Nam, Báo ảnh Việt Nam... Ví dụ trong Quyết định số 2388/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ của Viện Phim Việt Nam. Trong Quyết định quy định: Viện Phim Việt Nam là đơn vị sự nghiệp có thu, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng lưu chiếu phim, lưu trữ phim và bảo quản các tư liệu điện ảnh [60].

Trên đây là một số văn bản pháp lý về chức năng nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên sản xuất TLNN. Những cơ quan đó đang được phép lưu giữ TLNN với số lượng khá lớn. Tuy nhiên, bên cạnh đó, Luật Lưu trữ năm 2011 là văn bản quy phạm pháp luật cao nhất trong công tác lưu trữ cho phép các TTLTQG thu thập tài liệu lưu trữ, kể cả TLNN ở những cơ quan mà Luật Điện ảnh đã cho phép lưu giữ riêng. Từ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật này, chúng ta sẽ thấy rõ hơn những bất cập, chồng chéo trong các quy định của nhà nước đối với việc thu thập và lưu giữ TLNN.

2.2.2. Qui định về thành phần tài liệu

Chỉ hơn 4 tháng sau khi dành được độc lập, ngày 3 - 1 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Thông đạt số 1- C/cp đặt nền móng cho ngành Lưu trữ cách mạng Việt Nam. Tiếp sau đó không lâu, ngày 31 tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Chính phủ lâm thời ban hành Sắc lệnh số 18 đặt thể lệ lưu chiếu văn hóa phẩm, trong đó có phim điện ảnh và đĩa hát. Trong thời điểm lịch sử đó, qua Sắc lệnh

này, chúng ta thấy ngay từ khi mới ra đời, nhà nước ta đã quan tâm đến công tác tài liệu lưu trữ nói chung cũng như tài liệu phim ảnh, ghi âm nói riêng.

Trong Nghị định 142 -CP ngày 28 -9 -1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về công tác công văn, giấy tờ và công tác lưu trữ, tại Điều 24 đã qui định: “ hồ sơ, tài liệu lưu trữ được hình thành trong quá trình công tác của mỗi cơ quan gồm các công văn, tài liệu, văn kiện về khoa học kỹ thuật; phim ảnh, ảnh, dây ghi âm v.v.” [20, 41].

- Trong Công văn 171 -VF/TW ngày 01 -10 -1968 của Văn phòng TW Đảng ban hành Qui định về chế độ công tác văn thư lưu trữ công văn tài liệu mật, tại Mục 4 qui định:” Nhận nạp lưu các hồ sơ công văn tài liệu các băng ghi âm, ... của cấp ủy thuộc loại mật ” [20, 18].

- Công văn 1042 – CV /VPTW ngày 07/11/1995 của Văn phòng TW Đảng ban hành bản hướng dẫn lập hồ sơ đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố, qui định: “ Các loại ảnh, băng ghi âm, ghi hình về đại hội lập hồ sơ riêng và qui định “ Băng ghi âm, ghi hình, ảnh đại hội có thời hạn bảo quản là vĩnh viễn”. [20, 94].

- Pháp lệnh Bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia năm 1982, tại Điều 1 qui định rõ: “ tài liệu lưu trữ quốc gia phải là bản chính của văn kiện hoặc tài liệu khác ghi trên giấy, phim, ảnh, băng, đĩa ghi âm hoặc bằng các phương tiện ghi tin khác; trong trường hợp không còn bản chính mới được thay thế bằng bản sao có giá trị như bản chính”. [20, 375].

- Quyết định 168 - HĐBT ngày 26/12/1981 của Hội đồng Bộ trưởng v/v thành lập Phòng Lưu trữ quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tại Điều 3 qui định “ Thành phần phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam bao gồm bản chính (hoặc bản sao có giá trị như bản chính) của các văn kiện; tài liệu khoa học kỹ thuật (dự án, đồ án, bản vẽ, bản đồ, công trình nghiên cứu...); tài liệu chuyên môn (sổ sách, thống kê, biểu báo, hồ sơ nhân sự...);

bản thảo, bản nháp các tác phẩm văn học, nghệ thuật, âm bản và dương bản các bộ phim, các bức ảnh, microfilm; tài liệu ghi âm; khuôn đúc đĩa... hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, trong các thời kỳ lịch sử của xã hội Việt Nam ...”[20, 379].

- Quyết định 149 - LB/ CLT-TCTK ngày 23/10/1987 của Cục Lưu trữ nhà nước – Tổng cục Thống kê ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ hàng năm áp dụng cho ngành Lưu trữ ” trong đó đã qui định thống nhất đơn vị thống kê cho tài liệu phim, ảnh, ghi âm, [20, 432- 433].

Trong Thông tư 09/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nội vụ về chế độ báo cáo thống kê văn thư lưu trữ quy định thành phần TLNN gồm có: Cuộn phim, Cuộn băng Video, Cuộn băng ghi âm, Đĩa ghi hình, Đĩa ghi âm, Phim âm bản, ảnh, và Bản đồ. Ở đây, chúng tôi cho rằng, việc xếp tài liệu bản đồ vào nhóm TLNN là không hợp lý vì tính chất và nội dung tài liệu của nó không phù hợp so với định nghĩa nội dung TLNN của Việt Nam và các nước trên thế giới [65].

Trong Luật Lưu trữ 2011, tại Điều 2 đã qui định rõ: “ *Tài liệu* là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và vật mang tin khác.” và “ *Tài liệu lưu trữ* là tài liệu có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ. Tài liệu lưu trữ bao gồm bản gốc, bản chính; trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp” [56].

- Quyết định số 644/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt nội dung Đề án "Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý,

hiếm của Việt Nam và về Việt Nam", tại Khoản 2, Điều 1 của Quyết định ghi rõ: “ - Hình thức tài liệu sưu tầm:

+ Độc đáo về ngôn ngữ thể hiện, hình thức trình bày, kỹ thuật chế tác (hình vẽ, hoa văn, ký hiệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh...);” [68].

Trong Thông tư liên tịch số 01/ TTLT/BNV-BXD ngày 21 tháng 8 năm 2014 giữa Bộ Nội vụ và Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Thành phần tài liệu dự án, công trình xây dựng nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử, tại Điều 4 khoản 2 “ Loại hình tài liệu” cũng chỉ mới qui định chung là “ tài liệu phim, ảnh, băng, đĩa ghi âm, ghi hình...” [67].

Với một số văn bản trên chúng ta có thể khẳng định rằng, từ khá sớm, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quan tâm đến TLNN và đã khẳng định TLNN là một bộ phận quan trọng, không thể thiếu được trong thành phần Phong Lưu trữ quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên, tới nay, thành phần tài liệu mà các văn bản nhà nước đề cập đến chỉ mới nói đến thành phần tài liệu theo nghĩa là các loại hình TLNN; hoàn toàn chưa qui định đến thành phần theo nghĩa nội dung mà luận án đã thống nhất xem xét, nghiên cứu. Cũng chính do chưa qui định thành phần tài liệu nên các cơ quan chưa có cơ sở để thu thập, chỉnh lý và nộp lưu tài liệu.

2.3. QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NGHE NHÌN Ở CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA

2.3.1. Về thẩm quyền thu thập TLNN của các TTLTQG

- *TTLTQG I*: Quyết định số 164/QĐ-VTLTNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, trong đó qui định chức năng sưu tầm, chỉnh lý, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu, tư liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức trung ương và cá nhân thời kỳ Phong kiến, thời kỳ Pháp thuộc từ năm 1954 trở về trước [61].

Với chức năng và nhiệm vụ được quy định như vậy nên TTLTQG I sẽ không có nhiều TLNN do nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, do được giới hạn về thời gian từ năm 1954 trở về trước. Trước năm 1954, do các thiết bị, kỹ thuật quay phim, chụp ảnh chưa có nhiều, chưa thông dụng nên các cơ quan, tổ chức trung ương và cá nhân thời kỳ Phong kiến, thời kỳ Pháp thuộc đã không thể có điều kiện để tạo nên TLNN, do vậy sẽ không có nhiều TLNN.

Thứ hai, nhiều tài liệu đã bị chuyển về Pháp theo một Thỏa ước được ký giữa chính phủ Pháp và chính phủ Bảo Đại năm 1950.

Thứ ba, do nguyên nhân chiến tranh cũng như điều kiện khí hậu và phương tiện kỹ thuật bảo quản chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, việc sưu tầm tài liệu cá nhân chưa được đẩy mạnh; hơn nữa ở Việt Nam lúc đó, không có nhiều cá nhân có khả năng tự tạo ra tài liệu hoặc thu thập, bảo quản tốt tài liệu nghe nhìn.

Với những lý do trên, TTLTQG I hiện không có nhiều tài liệu nghe nhìn của thời kỳ trước năm 1954 để thu thập, bảo quản và tổ chức sử dụng.

- *TTLTQG II*: Quyết định số 165/QĐ-VTLTNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. TTLTQG II có chức năng sưu tầm, thu thập, chỉnh lý, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu, tư liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức trung ương và cá nhân thời kỳ Phong kiến, thời kỳ Pháp thuộc, Mỹ - Ngụy và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn từ Đồng Nai vào phía Nam.

Đối với nhiệm vụ sưu tầm, thu thập tài liệu, trong Quyết định ghi rõ “Sưu tầm, thu thập, bổ sung tài liệu, tư liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo thẩm quyền được giao” [62]. Với thời gian dài và không gian

rộng như vậy, khi có đầy đủ cơ sở pháp lý và điều kiện nhân lực, chắc chắn TTLTQG II sẽ sưu tầm, thu thập được nhiều TLNN.

* *TTLTQG III*: Quyết định số 166/QĐ-VTLTNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ quốc gia III. Trong đó qui định chức năng sưu tầm, thu thập, chỉnh lý, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu, tư liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức trung ương và cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn từ Quảng Bình trở ra. “Thực hiện việc thu thập, sưu tầm, bổ sung tài liệu lưu trữ đối với các phong, sưu tập thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Trung tâm.” [63]. Với nhiệm vụ thu thập tài liệu của các cơ quan, tổ chức trung ương từ sau năm 1945 của Nhà nước ta, TTLTQG III có điều kiện thuận lợi để thu TLNN do số lượng cơ quan, tổ chức, cá nhân có tài liệu ngày càng nhiều hơn.

- *TTLTQG IV*: Theo Quyết định số 167/QĐ-VTLTNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, chức năng, nhiệm vụ của TTLTQG IV được quy định: sưu tầm, thu thập, chỉnh lý, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu Mộc bản triều Nguyễn, tài liệu, tư liệu của các cơ quan, tổ chức trung ương và cá nhân thời kỳ Phong kiến, Pháp thuộc và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn từ Quảng Trị đến Bình Thuận.

Đối với chức năng sưu tầm, thu thập tài liệu lưu trữ, trong Quyết định ghi rõ “ Thu thập, sưu tầm, bổ sung tài liệu lưu trữ đối với các phong, sưu tập thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Trung tâm” [64].

Đối với các cơ quan, tổ chức thời Phong kiến và Pháp thuộc, do yếu tố thời gian đã lâu và thời kỳ đó, khoa học kỹ thuật chưa phát triển cao, đặc biệt

là kỹ thuật sản xuất thiết bị nghe nhìn chưa phát triển nên chắc chắn không thể có nhiều TLNN. Đối với các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn từ Quảng Trị đến Bình Thuận, số lượng các cơ quan cũng không nhiều do các cơ quan đó chủ yếu chỉ đóng trên địa bàn Thủ đô và thành phố Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, TTLTQG IV cũng khó có thể thu thập được nhiều TLNN do các yếu tố khách quan mang lại.

Như vậy, theo các văn bản quy định của nhà nước về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho 4 TTLTQG, các Trung tâm đều có chức năng thu thập tài liệu, tất nhiên trong đó có TLNN. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các trung tâm thực hiện nhiệm vụ thu thập tài liệu.

2.3.2. Thành phần TLNN đang được bảo quản tại các TTLTQG Việt Nam

Để nghiên cứu xây dựng danh mục TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG được đầy đủ, chính xác và thuận lợi, cần phải tìm hiểu, nghiên cứu xem hiện nay các Trung tâm đang bảo quản những nhóm tài liệu gì, nội dung phản ánh vấn đề gì; nhóm tài liệu quan trọng nào còn thiếu ở các TTLTQG. Khi có được bức tranh tổng thể về nội dung tài liệu ở các TTLTQG kết hợp với nội dung TLNN đang bảo quản ở các cơ quan sản xuất TLNN sẽ cho chúng ta một cái nhìn khái quát, hệ thống về nội dung TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG.

- *Tài liệu trước Cách mạng tháng Tám 1945*: Qua số liệu khảo sát, TLNN trước Cách mạng tháng Tám ở các TTLTQG không có nhiều về số lượng và nghèo nàn về nội dung. Tài liệu ghi âm và tài liệu phim điện ảnh hoàn toàn không có mà chỉ có một số ít tài liệu ảnh tại TTLTQG II và TTLTQG III.

Khối tài liệu ảnh này chiếm số lượng không lớn, khoảng gần 1.000 bức ảnh với ba thể loại chủ yếu là ảnh sự kiện, ảnh chân dung và ảnh phong cảnh. Đối với ảnh phong cảnh, đối tượng mà những bức ảnh thể hiện không chỉ

trong phạm vi trên đất nước Việt Nam mà còn phản ánh một số hoạt động, phong cảnh ở các nước Đông Dương. Tới nay, tại TTLTQG I vẫn còn một số ít tài liệu ảnh vẫn nằm trong hồ sơ của các phong lưu trữ thời kì thuộc địa.

+ *Khối ảnh sự kiện*: Ảnh sự kiện bao gồm ảnh tài liệu, thời sự, báo chí, khoa học...chụp các sự kiện, hiện tượng xảy ra hàng ngày trong đời sống xã hội và tự nhiên. Ảnh sự kiện được hình thành nhằm phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục cho các hoạt động kinh tế, khoa học và các mục đích khác. Vì nó kịp thời ghi lại các sự kiện, hiện tượng mới xảy ra thường không bao giờ lặp lại nên có ý nghĩa thực tiễn và lịch sử. Do vậy, ảnh sự kiện là một trong những nguồn tư liệu có giá trị để nghiên cứu khoa học và lịch sử.

Trong thời kì này, tuy số lượng ảnh không nhiều nhưng có nội dung khá phong phú. Một số sự kiện quan trọng trong lịch sử nước ta từ khi chưa có Đảng Cộng sản và sau khi có Đảng đều được thể hiện ở đây. Nhiều bức ảnh thật sự có giá trị như bức ảnh: “ Những chiến sĩ trong vụ “Hà Thành đầu độc” mưu sát bọn thực dân Pháp ở Hà Nội bị bắt giam” [41, 174], ảnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội Tua của Đảng cộng sản Pháp năm 1920 [41, 151] hay hình ảnh của đồng chí đồng chí Nguyễn Ái Quốc chụp ảnh lưu niệm cùng với các đại biểu tham dự Đại hội lần thứ 5 Quốc tế Cộng sản họp ở Mát- xơ- va.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp, trong đó nổi bật nhất là phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh năm 1930. Trong khối tài liệu ảnh trước Cách mạng tháng Tám còn lưu giữ được khá nhiều những hình ảnh chân thực và sinh động về sự kiện này.

Ngoài ra, nhiều sự kiện khác cũng được ghi lại bằng hình ảnh và được bảo quản tại nơi đây về thắng lợi của các đảng viên Cộng sản tranh cử vào

Viện Dân biểu Bắc kỳ; Phong trào Dân chủ 1936-1939; những hình ảnh tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp đối với người dân Việt Nam; hình ảnh Pháp tuyển mộ dân ta làm lính đánh thuê cho chúng hoặc bắt dân ta, tù nhân của ta làm những công việc nặng nhọc, vất vả như bị bắt đi kéo xe lăn đường...

Tại TTLTQG II và III còn có một số ảnh về Chiến tranh Thế giới thứ 2 diễn ra trên bán đảo Đông Dương: Đó hoạt động quân sự của quân Đồng minh chống phát xít Nhật, sự kiện Nhật hất cẳng Pháp ở Đông Dương...

+ *Khối ảnh chân dung*: Những bức ảnh chân dung có giá trị là ảnh về những người có công lao, đóng góp đối với dân tộc, với đất nước như chân dung các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các anh hùng, chiến sĩ thi đua trên các lĩnh vực, các nhà khoa học, văn nghệ sĩ nổi tiếng kể cả những nhân vật lịch sử thuộc các chế độ cũ.

Trong khối ảnh chân dung thời kì trước Cách mạng, có nhiều hình ảnh về các nhân vật yêu nước, các chiến sĩ cộng sản. Đó là hình ảnh của ông Vua trẻ Duy Tân, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học... Đặc biệt, chiếm một khối lượng lớn tài liệu ảnh trong khối này là chân dung các chiến sĩ cách mạng, các đồng chí lãnh đạo của Đảng như chân dung Nguyễn Ái Quốc năm 1920, khi Người còn hoạt động ở Pháp; đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương; đồng chí Lê Hồng Phong năm 1931 và năm 1935; đồng chí Lê Duẩn năm 1931 và năm 1939 khi ông hoạt động trong Xứ uỷ Trung kỳ; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Khánh Toàn năm 1931; Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) năm 1936.

Ngoài ra, còn có các nhân vật lịch sử khác như các vua triều Nguyễn và các đại thần như chân dung của Vua Bảo Đại, Phó vương Hoàng Cao Khải, Nguyễn Hải Thần, Cường Để...chân dung một số tri phủ, vợ con và gia đình họ cũng được thể hiện ở khối này...[41].

Khối ảnh chân dung này sẽ giúp ích rất nhiều cho việc triển lãm, trưng bày tại các Viện bảo tàng, các nhà lưu niệm, trong các tác phẩm nghiên cứu về lịch sử nói chung hoặc nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của các vị tiền bối cách mạng của ta cũng như một số nhân vật lịch sử khác. Hiện nay, TTLTQG III là một trong số ít cơ quan còn giữ được những bức ảnh quý hiếm này.

+ *Khối ảnh phong cảnh*: Ảnh phong cảnh là những hình ảnh về phong cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử, phong cảnh kiến trúc, phong ảnh công nghiệp, nông nghiệp, cảnh nông thôn, miền núi... qua các thời kì lịch sử. Trong ảnh phong cảnh còn có cả cảnh sinh hoạt, lao động đời thường của nhiều tầng lớp nhân dân.

Khối ảnh phong cảnh thời kì này khá phong phú, ngoài hình ảnh phong cảnh của Việt Nam còn có ảnh của các nước láng giềng như Lào, Căm-pu-chia...

Phong cảnh về thủ đô Hà Nội được thể hiện nhiều hơn cả. Khối ảnh phản ánh cảnh sinh hoạt đời thường của nhân dân ở nhiều vùng khác nhau chiếm một khối lượng không nhỏ; cảnh sinh hoạt, lao động của nhân dân ta được thể hiện khá rõ nét. Ở đây không chỉ có những cảnh ở Việt Nam mà còn có cả các cảnh sinh hoạt ở Căm-pu- chia.

Như vậy, tuy với số lượng ảnh không thật nhiều nhưng khối ảnh trước Cách mạng tháng Tám thực sự là nguồn tư liệu quý. Đó là những hình ảnh chân thực sinh động, phản ánh nhiều mặt của lịch sử Việt Nam ta trong một giai đoạn khá dài. Trước hết đó là những sự kiện quan trọng trong lịch sử đất nước, những cuộc khởi nghĩa, những phong trào cách mạng, sự kiện Nhật hất cẳng Pháp v. v. Tóm lại, đây là nguồn tư liệu có giá trị nhiều mặt phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hoá, kinh tế và nhiều mặt khác; đồng thời đây cũng là nguồn tư liệu quý để phục vụ cho các Viện bảo tàng, các nhà lưu niệm... Vấn đề là cần phải tổ chức khoa học khối tài liệu ảnh quý hiếm này để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu sử dụng của đông đảo các nhà nghiên cứu hiện nay.

- *Tài liệu sau Cách mạng tháng Tám 1945.* Ngoài thành phần TLNN của cơ quan đó, một khối lượng khá lớn TLNN phản ánh nhiều sự kiện chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội của đất nước ta từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay. Một số nhóm tài liệu nghe- nhìn chính như:

+ *Tài liệu ảnh:* Hiện nay, TTLTQG III đang bảo quản 106.466 ảnh và 24.767 tấm phim. Thẻ loại và nội dung khá phong phú. Bên cạnh ảnh sự kiện còn có khá nhiều ảnh chân dung và phong cảnh.

Với nhóm ảnh sự kiện: Một số ảnh quý nhưng không nhiều về Cách mạng tháng Tám diễn ra ở Hà Nội và một số tỉnh thành; ảnh về Ngày lễ Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội; những hình ảnh bảo vệ chính quyền Cách mạng; Phong trào Nam tiến; các phong trào ủng hộ Cách mạng. Một số hoạt động của các cơ quan lập pháp: Hoạt động bầu cử Quốc hội khóa I năm 1946 trên phạm vi cả nước; hoạt động của lãnh đạo Quốc hội trong và ngoài nước; Phái đoàn Quốc hội Việt Nam đi Pháp dự Hội nghị Fontainebleau năm 1946; Hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Cộng hòa Pháp năm 1946; Hoạt động của Quốc hội Việt Nam; Xây dựng công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; ảnh về các mặt đời sống, sản xuất, chiến đấu của đồng bào Khu tự trị Việt Bắc. Bên cạnh đó còn có khá nhiều ảnh về hoạt động của Bộ Ngoại giao, Bộ Thủy lợi. Trong khối ảnh giai đoạn 1954 đến trước Đổi mới năm 1986 có một khối lượng ảnh khá lớn về các hoạt động về kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao...

Trong ảnh chân dung: có chân dung các vị lãnh đạo Đảng và nhà nước, các anh hùng lao động, anh hùng quân đội, các chiến sĩ tiêu biểu trên các mặt trận; các nhà khoa học, văn nghệ sĩ tiêu biểu; chân dung các cá nhân tiêu biểu trong các lĩnh vực hoạt động khác của xã hội; chân dung các nhân vật lịch sử thuộc chính quyền thân Pháp, thân Mỹ...

Trong ảnh phong cảnh: có phong cảnh thiên nhiên; di tích lịch sử - văn hoá nhiều vùng miền của Tổ quốc; ảnh phong cảnh nông nghiệp, nông thôn vùng tự do, vùng mới giải phóng Cao - Bắc - Lạng; cảnh sinh hoạt ở chiến khu Việt Bắc; Liên khu IV, Thừa Thiên và các vùng tự do khác; cảnh các thành phố...[42,43,44,45].

Hiện nay, TTLTQG II hiện đang lưu giữ 104.800 ảnh. Nội dung của Suu tập ảnh ghi lại những hoạt động của các nhân vật cao cấp trong bộ máy chính quyền Quốc gia Việt Nam và VNCH như: Hoạt động của Quốc trưởng, Tổng thống, Phó Tổng thống (bầu cử, tuyên thệ nhậm chức, phát biểu, đọc thông điệp, chủ tọa, dự các cuộc họp, lễ, trình thư ủy nhiệm, tiếp kiến các phái đoàn trong và ngoài nước, đi kinh lý, đi thăm các địa phương, các cơ quan, các tổ chức, công du nước ngoài, thăm viếng các nguyên thủ các nước); Hoạt động của Chủ tịch ủy ban Lãnh đạo quốc gia; Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương; Hoạt động của Thủ tướng, các Phó thủ tướng và phu nhân; Hoạt động của một số nhân vật quan trọng khác như: Thủ hiến Nam Việt, Đại biểu Chính phủ tại Nam Việt, Cố vấn Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Thục, các bộ trưởng, thứ trưởng khác; Hoạt động của các cấp chính quyền địa phương, các tôn giáo...Liên quan tới 2 cuộc chiến tranh, Trung tâm II hiện còn lưu giữ một số TLNN khác về hoạt động quân sự của chính quyền Việt Nam Cộng hòa; của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ từ 1945 tới năm 1975.

Bên cạnh đó ở TTLTQG II còn có một khối lượng vi ảnh khá lớn với số lượng 12.484 ảnh, chụp 68 cuốn sách do thư viện Khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trao tặng, ngôn ngữ tài liệu là Hán – Nôm. Trong số đó có nhiều cuốn sách có giá trị như: Chiêm thành khảo, An Nam kỷ lược, Đại Nam quốc thư tập (Thư từ trao đổi giữa Tây Sơn và Vua Càn Long), Đại Việt sử ký toàn thư (tập 1, 2, 3, 4), Hà Nội địa dư, Kim Vân Kiều, Nam sử diễn ca...

Ngoài ra, TTLTQG II còn lưu giữ Khối microfilm (97 cuốn) do Thư viện Quốc hội Mỹ gửi tặng chụp các ấn phẩm thời Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln 1833-17/5/1897; Microfilm chụp các bộ Châu bản triều Nguyễn thời Gia Long và Minh Mạng [39].

+ *Tài liệu ghi âm*: TTLTQG III đã thu thập và bảo quản hơn 10.000 giờ băng ghi âm. Tài liệu ghi âm về các kì họp của Quốc hội; những bài phát biểu quan trọng của Hồ Chủ tịch (Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, bài nói chuyện với đồng bào Việt Nam ở Pháp năm 1946, các bài phát biểu tại các hội nghị, lời chúc mừng năm mới...). Một khối lượng đáng kể tài liệu ghi âm về Hội nghị Paris từ lúc bắt đầu năm 1969 đến 1973 được bảo quản tại Trung tâm; Băng ghi âm về Lễ truy điệu Hồ Chủ tịch; các bài phát biểu của đại diện các nước, các tổ chức quốc tế ủng hộ Việt Nam tại các hội nghị, hội thảo...; các cuộn băng ghi lại những giờ phút lịch sử hào hùng của dân tộc, những sự kiện chính trị trọng đại của đất nước; các chương trình liên hoan ca nhạc toàn quốc...[46,47].

Ở TTLTQG II: Trung tâm đang quản lý khối tài liệu 597 cuộn băng gốc, 599 cuộn băng sao, 122 đĩa CD-Rom với 429 giờ phát. Thời gian tài liệu: 1967-22/4/1975. Nội dung chủ yếu của khối tài liệu ghi âm này là: Tài liệu về hoạt động của Quốc Hội, bầu cử Tổng thống 1969; Tài liệu về hoạt động của Hội đồng Đô-Tỉnh-Thị (1971-1972); Tài liệu về hoạt động của Chính phủ (1968-22/4/1975) như các phiên họp Hội đồng Nội các của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Hội đồng Tổng trưởng, Hội đồng Bình định và Phát triển TW, Hội đồng Tái thiết và Phát triển Quốc gia, Hội đồng Cố vấn, Hội đồng các Sắc tộc; Các cuộc hội thảo về bình định xây dựng tại các Vùng Chiến thuật, về kế hoạch cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa phương, về cải tổ hành chánh công vụ, về vấn đề trợ cấp cho phé binh, cựu chiến binh và gia đình tử sĩ; Tài liệu về hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, đoàn thể (1969-1973)...

Bên cạnh tài liệu ghi âm các sự kiện, Trung tâm II còn lưu giữ một khối lượng đĩa hát có thời gian từ trước năm 1975. Đây là khối tài liệu quý, hiếm chủ yếu được tiếp quản từ Phòng Nạp bản-Nha văn khố và Thư viện Quốc gia, Phủ Tổng thống VNCH [40].

+ *Tài liệu phim điện ảnh*: Hiện nay TTLTQG III chỉ bảo quản được 372 cuộn với nội dung chủ yếu liên quan đến Tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969; Phim tài liệu về đại sứ của nước ta trình quốc thư tại một số quốc gia; Hoạt động của Khu tự trị Việt Bắc. Đặc biệt có nhiều bộ phim về tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ chống nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Các bộ phim tài liệu phim thời sự - tài liệu này do Việt Nam và một số hãng phim nước ngoài như Pháp, Nhật, Mỹ, Nga... quay trong thời gian cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến tranh chống đế quốc Mỹ. Đặc biệt, hậu quả cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân của Mỹ được ghi lại khá nhiều trong các cuộn phim; hậu quả chất độc gia cam do quân Mỹ gây nên. Gần đây, Trung tâm thu được hàng trăm cuộn phim thời sự về hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc [48].

Qua thành phần TLNN đang bảo quản tại các TTLTQG thấy rằng: Về khối lượng, tới nay các TTLTQG mới thu được còn quá ít TLNN: Tài liệu ảnh có 211.266 tấm và 96.194 tấm phim âm bản; Ghi âm: 4.316 cuộn, 5.601 đĩa CD với 10.429 giờ phát; Phim: 377 cuốn; 421 băng Video; CD Mộc bản: 580 đĩa... Hiện nay thiếu tài liệu về hoạt động của các bộ, ban ngành trung ương, đặc biệt là tài liệu về hoạt động của lãnh đạo, các hội nghị, hội thảo lớn của ngành; tài liệu phản ánh các hoạt động chuyên môn của bộ ngành hầu như không có; Tài liệu về các sự kiện lịch sử quan trọng như tài liệu về Cách mạng tháng Tám, khởi nghĩa ở các địa phương, Lễ thoái vị của Vua Bảo Đại... cũng bị thiếu.

Hiện nay, Khối TLNN đang được bảo quản ở các TTLTQG tuy không nhiều nhưng nó đã góp phần nghiên cứu các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã

hội...; góp phần tái hiện nhiều sự kiện lịch sử. Với việc khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ nhẹ nhàng ngày càng tăng về số lượng, đặc biệt được sử dụng để tham gia xây dựng các bộ phim thời sự - tài liệu; nhận thức xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của tài liệu lưu trữ ngày càng tăng. Từ đó nâng cao được ý thức giữ gìn, bảo vệ tài liệu lưu trữ cho cộng đồng xã hội.

Qua khảo sát, nghiên cứu thành phần TLNN ở các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, thấy rằng ở các trung tâm đã bước đầu thu được một khối lượng tài liệu không lớn; đủ cả các loại hình: Phim, ảnh, ghi âm, ghi hình; nhiều tài liệu có giá trị, phản ánh nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, góp phần thiết thực vào việc nghiên cứu các mặt khác nhau của đời sống xã hội. Tuy nhiên, khối lượng tài liệu thu thập được còn quá ít so với thực tế tài liệu được sản sinh; thành phần tài liệu thiếu nghiêm trọng.

2.3.3. Về bảo quản tài liệu

Hiện nay, các TTLTQG đã được nhà nước đầu tư để bảo quản TLNN. Trong số diện tích này, mỗi Trung tâm đều được dành một số phòng kho nhất định để bảo quản TLNN; có kho lạnh sâu để bảo quản tài liệu; mỗi loại hình (tài liệu ảnh, phim, tài liệu ghi âm) đều được để riêng theo nhiệt độ và độ ẩm thích hợp.

Riêng đối với TTLTQG III, theo Dự án xây Kho Lưu trữ tài liệu khoa học kỹ thuật và Phim ảnh ghi âm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hiện nay đang thi công, dự kiến cuối năm 2017 sẽ hoàn thành thì diện tích dành cho bảo quản TLNN là 300 m². Với diện tích này, Trung tâm có thêm điều kiện cơ sở vật chất để thu thập tài liệu của các bộ ngành.

Diện tích kho tàng đã được tăng lên đáng kể, bước đầu đáp ứng được việc bảo quản TLNN, mỗi Trung tâm, trung bình đã dành được từ 40 – 100 m² để bảo quản TLNN. Tuy nhiên, ngoài TTLTQG I, diện tích kho của các Trung tâm khác cũng đã bắt đầu hết sức chứa, (*xem biểu dưới đây*):

DIỆN TÍCH KHO TÀNG Ở CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA
(Theo báo cáo của các TTLTQG năm 2015)

STT	Các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia	Diện tích toàn bộ sàn kho(m ²)	Sức chứa của kho năm 2015 (mét giá)	Sức chứa của kho có thể đáp ứng tới năm
1	TTLTQG I	5.040	12.800	2030
2	TTLTQG II	6.830	19.532	2018
3	TTLTQG III	6.643	12.687	2017
4	TTLTQG IV	1.311	4.300	2016
	Tổng cộng	19.824	49.319	

Để có thể thu thập TLNN từ lưu trữ các bộ ngành, các Trung tâm Lưu trữ quốc gia cần sớm có kế hoạch mở rộng diện tích kho tàng, mua sắm các trang thiết bị chuyên dụng để bảo quản những tài liệu đó.

2.3.4. Về phục vụ khai thác sử dụng tài liệu

Với nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, hàng năm, các TTLTQG đã cố gắng phục vụ tốt nhu cầu sử dụng tài liệu của độc giả. Trung bình mỗi năm, mỗi TTLTQG phục vụ khoảng 1.500 lượt độc giả. Trong số độc giả đó, trung bình mỗi năm chỉ có khoảng 50 lượt độc giả khai thác TLNN; chỉ phục vụ được gần 600 ảnh, 30 giờ băng ghi âm. Nguyên nhân chính dẫn đến số lượng độc giả ít và tài liệu phục vụ khai thác không nhiều là do thành phần nội dung TLNN còn nghèo nàn. Hiện nay, phòng đọc tài liệu của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia đã được trang bị khá đầy đủ các thiết bị để khai thác tài liệu lưu trữ nói chung và TLNN nói riêng; diện tích phòng đọc trung bình trên 100 m²; đội ngũ viên chức đông đảo, có trình độ và trách nhiệm cao. Nếu TLNN từ các cơ quan nộp lưu gửi đến, việc phục vụ khai thác sẽ gặp nhiều thuận lợi.

2.4. QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NGHE NHÌN Ở CÁC CƠ QUAN SẢN XUẤT VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU NGHE NHÌN

2.4.1. Thẩm quyền quản lý tài liệu nghe nhìn

Thực hiện Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật số 31/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2006 và các nghị định, thông tư liên quan đến phim điện ảnh, hiện nay tại các cơ quan sản xuất và lưu giữ tài liệu nghe nhìn, đặc biệt là tài liệu điện ảnh. Luật cho phép các cơ quan đó như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Viện Phim Việt Nam được phép lưu giữ tài liệu phim. Bên cạnh đó, Luật Điện ảnh còn cho phép cơ sở lưu trữ phim thuộc bộ, ngành lưu trữ phim lưu hành nội bộ; cơ quan nghiên cứu khoa học lưu trữ phim của cơ quan mình.. Như vậy, về mặt luật pháp, tài liệu nghe nhìn, cụ thể đây là tài liệu phim điện ảnh đã được nhà nước giao trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho các cơ quan sản xuất và lưu giữ tài liệu tự bảo quản tại cơ quan mình.

Thực tế hiện nay lưu trữ của các bộ ngành, các cơ quan đang trực tiếp quản lý tài liệu nghe nhìn cùng với tài liệu giấy.

2.4.2. Thực trạng giao nộp tài liệu nghe nhìn

2.4.2.1. Kết quả giao nộp tài liệu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia

TLNN là một loại hình tài liệu đặc biệt gồm có ảnh chụp, phim điện ảnh, băng đĩa video và băng đĩa ghi âm. Loại tài liệu này nếu không có phương tiện và chế độ bảo quản thích hợp thì chỉ trong thời gian rất ngắn đã bị hư hỏng. Vì thế ở các nước trên thế giới có chế độ thu thập, bảo quản và sử dụng riêng đối với loại hình tài liệu này.

Mặc dù về lý luận và các văn bản pháp lý của Nhà nước trong lĩnh vực Lưu trữ đều đã khẳng định một số các cơ quan lớn thường xuyên sản sinh ra TLNN là các cơ quan thuộc diện nộp lưu vào các Trung tâm lưu trữ quốc gia, nhưng trên thực tế, việc này vẫn chưa thực hiện được. Điều này thể hiện rõ nhất qua thực tế công tác thu thập TLNN ở các TTLTQG trong suốt thời gian qua.

Do chức năng, nhiệm vụ như đã phân tích trên đây, TTLTQG I hiện nay hầu như không có TLNN (chỉ còn một số tấm ảnh kèm theo sót lại trong tài liệu giấy). Theo qui định của nhà nước, TTLTQG II có trách nhiệm sưu tầm, thu thập, bảo quản tài liệu của chế độ cũ; tài liệu của Mặt trận Dân tộc

Giải phóng Miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đến tháng 4-1975; tài liệu hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức trung ương của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trụ sở đóng trên lãnh thổ từ tỉnh Bình Thuận trở vào phía Nam. Như vậy phạm vi các cơ quan thuộc thẩm quyền thu thập tài liệu của TTLTQG II cũng rất rộng. Tuy nhiên, hiện nay Trung tâm II chỉ lưu giữ được gần 104.800 ảnh (cả âm bản), Ghi âm: 597 cuộn băng gốc, 599 cuộn băng sao, 122 đĩa CD-Rom với 429 giờ phát, 4396 đĩa hát. Tuyệt đại đa số những TLNN này là do lưu trữ thuộc chế độ Việt Nam Cộng hòa để lại. Rõ ràng một TTLTQG với chức năng, nhiệm vụ được giao như vậy nhưng khối lượng TLNN mới thu được như vậy là quá ít.

- TTLTQG III: Công tác thu thập tài liệu phim, ảnh, ghi âm những năm 1995 trở về trước đã được chú ý và đạt được một số kết quả: đã tiếp nhận và bảo quản tốt những tài liệu phim, ảnh thuộc các phong lưu trữ của các Bộ, ngành chuyển giao sang và thu trong các dịp giải thể các Liên khu 3, 4, Tả Ngạn, các Khu Tự trị Việt - Bắc, Tây - Bắc và tài liệu của các tỉnh Miền Nam do cán bộ và chiến sỹ tập kết mang ra. Từ sau khi TTLTQG III được thành lập, Phòng Lưu trữ tài liệu Phim - ảnh - Ghi âm bước đầu được củng cố. Trung tâm đã đẩy mạnh công tác sưu tầm, thu thập và ứng dụng công nghệ thông tin vào bảo quản và sử dụng loại hình tài liệu này. Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, Trung tâm đã tăng cường hướng dẫn lựa chọn tài liệu, đôn đốc việc chuẩn bị nộp lưu tài liệu ở một số bộ, ngành.

Đối với phim điện ảnh, băng hình: Theo qui định của Chính phủ, Viện Phim Việt Nam được giao nhiệm vụ cụ thể là thu thập, lưu trữ, bảo quản tất cả các bộ phim điện ảnh và truyền hình thuộc các ngành, các địa phương trong cả nước. Bên cạnh đó Cục Lưu trữ Nhà nước lại chưa được Nhà nước giao nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực này mà chỉ có một số văn bản với nội dung rất chung chung. Chính vì vậy thời gian qua Trung tâm rất khó thực hiện việc thu thập tài liệu phim điện ảnh. Mặc dù có vướng mắc về cơ chế như vậy nhưng trước đây TTLTQG I và sau này TTLTQG III vẫn tiến hành công tác

thu thập và đã thu được 372 cuộn cuộn phim, chủ yếu là phim thời sự - tài liệu từ các bộ, ban, ngành; 311 cuộn băng Video.

Đối với tài liệu ảnh và ghi âm: Thời gian qua, Trung tâm III đã có nhiều cố gắng để thu thập khối tài liệu quan trọng nhưng rất dễ bị hủy hoại này. Hiện nay Trung tâm đã thu được 106.466 ảnh và 24.767 tấm phim; 3719 cuộn và 1080 đĩa, tương đương 10.000 giờ tài liệu ghi âm chủ yếu từ Văn phòng Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội... [41-48].

Ngoài các cơ quan do đặc thù chuyên ngành đã sản sinh ra số lượng khá lớn tài liệu phim ảnh, ghi âm, như: Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; có 9 cơ quan, tổ chức bảo quản 1 số lượng tài liệu phim ảnh, ghi âm: Văn phòng Quốc hội (9.000 tấm ảnh, 36 băng video, 1.800 cuộn băng ghi âm và 133 CD-ROM ghi âm), Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hoá- Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục Quản lý tài nguyên nước, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt...

Do thiếu những văn bản hướng dẫn cụ thể về thu thập, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu nghe- nhìn vào Lưu trữ quốc gia; do điều kiện kho tàng không đảm bảo; do trình độ cán bộ lưu trữ còn hạn chế nên Lưu trữ các bộ ngành cũng như TTLTQG III gặp không ít khó khăn, lúng túng trong công việc. Một số cơ quan đã thật sự quan tâm đến thu thập bảo quản tài liệu lưu trữ nghe nhìn và đã đạt được một số kết quả tốt như: Văn phòng Quốc hội, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thông tin... Nhiều cơ quan đã có quy định chặt chẽ, rõ ràng và có phương tiện bảo quản tốt như: Viện Phim Việt Nam (bảo quản phim điện ảnh), Trung tâm Tư liệu ảnh của Thông tấn xã Việt Nam (bảo quản tài liệu ảnh), Trung tâm bảo quản băng ghi âm của Đài Tiếng nói Việt Nam, Trung tâm Tư liệu Đài truyền hình Việt Nam, Trung tâm Tư liệu Dầu khí Việt Nam...

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các TTLTQG thực hiện thường xuyên công tác sưu tầm, thu thập tài liệu vào lưu trữ quốc gia. Số lượng tài liệu thu thập vào các TTLTQG đã từng bước được tăng lên; bước

đầu đã thu được một số TLNN; chất lượng tài liệu nộp lưu bước đầu đã được cải thiện. Tình hình thu thập tài liệu của các TTLTQG được thể hiện ở Thống kê dưới đây:

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH THU THẬP TÀI LIỆU
TẠI CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA đến 2015**
(Theo báo cáo của các TTLTQG năm 2015 gửi Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)

STT	Trung tâm Lưu trữ quốc gia	Số lượng tài liệu nghe-nhìn đã thu thập về Trung tâm
1	TTLTQG I	
2	TTLTQG II	- Ảnh: 104.800 ảnh (cả âm bản) - Ghi âm: 597 cuộn băng gốc, 599 cuộn băng sao, 122 đĩa; CD-Rom với 429 giờ phát; - 4396 đĩa hát; 184 đĩa CD Mộc bản;
3	TTLTQG III	- 106.466 ảnh và 24.767 tấm phim - Phim điện ảnh: 372 cuộn - Ghi âm: 3719 cuộn và 1080 đĩa (10.00 giờ); - Video: 311 cuộn;
4	Trung tâm Lưu trữ QG IV	396 đĩa CD Mộc bản
5	Tổng	- Ảnh: 211.266 tấm và 96.194 tấm phim âm bản; - Ghi âm: 4.316 cuộn, 5.601 đĩa CD với 10.429 giờ phát; - Phim: 377 cuộn; 421 băng Video; - Mộc bản: 580 đĩa CD; - Đĩa hát: 4396.

2.4.2.2. Những thuận lợi, khó khăn, tồn tại trong việc thu thập TLNN

a) Thuận lợi

- Trong những năm qua, công tác thu thập, bổ sung nói chung và TLNN nói riêng bước đầu được quan tâm và đã thu được một số tài liệu nhất định, trong đó có nhiều tài liệu có giá trị từ Văn phòng Quốc hội, Bộ Văn hóa, Bộ Lao động- Thương binh và xã hội cũng như từ nhiều cá nhân, gia đình, dòng họ (mặc dù các cá nhân, gia đình, dòng họ không phải là nguồn nộp lưu bắt

buộc). Tuy nhiên qua phân tích, tổng hợp số liệu tại các TTLTQG thấy rằng, khối lượng tài liệu thu thập được như vậy là quá ít so với tài liệu cần thu thập.

- Chất lượng tài liệu nộp lưu đã từng bước được cải thiện, nhìn chung tài liệu đã được bảo quản tương đối tốt, tình trạng vật lý tài liệu bình thường; tài liệu bước đầu được phân loại.

- Một số cơ quan đã bước đầu quan tâm đến việc thu thập, chỉnh lý và nộp lưu TLNN như Văn phòng Quốc hội (gần 4.000 tấm ảnh; hơn 3.000 giờ băng ghi âm, 10 cuộn băng Video, 15 bộ sưu tập ảnh, 07 CD ảnh).

Bên cạnh đó, phương tiện sản xuất TLNN ngày nay tương đối phổ biến, chất lượng khá tốt, giá rẻ và dễ sử dụng... Đây là một số thuận lợi bước đầu trong công tác thu thập TLNN về Lưu trữ hiện hành của các cơ quan

b) Khó khăn

- Thiếu cơ sở vật chất: Ngoài các cơ quan có chức năng sản xuất TLNN, tất cả các cơ quan còn lại không có kho chuyên dụng để bảo quản TLNN. Tại các TTLTQG, với diện tích kho tàng cho bảo quản TLNN hiện nay, bước đầu chỉ tạm đủ để thu thập, bảo quản TLNN mới thu thập được. So với TLNN đang được bảo quản tại các lưu trữ hiện hành các bộ ban ngành thì diện tích kho tàng như vậy không thể đủ để bảo quản. Cơ chế để tháo gỡ các vấn đề như bản quyền, kinh phí vật tư để sản xuất thêm bản lưu, kho tàng, thiết bị cũng chưa được giải quyết.

Qua số liệu báo cáo, khảo sát tại một số cơ quan trên thấy rằng, trừ cơ quan chuyên sản xuất TLNN là Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, chỉ có Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch – cơ quan có tính chất công tác đặc thù, thường sản sinh nhiều TLNN nên còn lưu giữ được khá nhiều TLNN; các cơ quan khác còn lại không có nhiều TLNN trong kho lưu trữ hiện hành của mình. Điều đó chứng tỏ công tác thu thập TLNN không được thực hiện tốt và thường xuyên.

**TÌNH HÌNH TÀI LIỆU NGHE NHÌN BẢO QUẢN
Ở MỘT SỐ CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

(Theo báo cáo thống kê của các cơ quan gửi Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước năm 2015)

Loại hình tài liệu	Văn phòng Quốc hội	Bộ Lao động-Thương binh & XH	Thông tấn xã Việt Nam	Bộ Văn hóa –Thể thao và Du lịch	Đài Truyền hình Việt Nam
a. Tài liệu ghi hình					
- Tổng số bộ phim/đoạn phim		41		440.990	70
- Cuộn phim				1.002.129	22.000
- Tổng số cuộn băng Video	36		400	1.238.978	23.287
- Tổng số đĩa	28	28	125	2.209.596	546
b. Tài liệu ghi âm					
- Tổng số cuộn băng (gốc hoặc sao thay gốc)				717	
- Tổng số đĩa	242			566	
c. Tài liệu ảnh					
- Tổng số phim gốc hoặc sao thay gốc)			19.076	350	16.265
- Tổng số ảnh (gốc hoặc sao thay gốc)	13.256			20.821	71.778

- Về thu thập, chỉnh lý TLNN ở các cơ quan: Số lượng cơ quan thu thập, chỉnh lý và nộp lưu TLNN vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia quá thấp. Trong số 22 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chỉ có 3 cơ quan bước đầu thực hiện (chiếm mới gần 13,2%). Nếu tính theo số lượng 190 cơ quan thuộc nguồn nộp lưu thì tỉ lệ cơ quan không nộp TLNN lên tới 98,43%. Nhiều cơ quan chưa thu thập, chưa chỉnh lý kịp thời TLNN, không bảo quản theo đúng qui định nên tình trạng vật lý đáng báo động và do vậy cũng không có nhiều tài liệu để nộp lưu vào các TTLTQG. Tâm lý, nhận thức của một số lãnh đạo những cơ quan chuyên sản xuất TLNN thường cho rằng, nộp lưu tài liệu vào lưu trữ là nộp lưu tài liệu giấy còn ở đây là loại hình khác nên không bắt buộc phải nộp lưu như các cơ quan khác.

Đặc biệt có những Lưu trữ bộ, ngành hoàn toàn không quan tâm đến việc thu thập, bảo quản khối tài liệu này, cũng chính vì vậy mà phần lớn tài liệu bị hư hỏng hoàn toàn.

- Về hệ thống văn bản nghiệp vụ thu thập TLNN: Hệ thống các văn bản pháp luật về lưu trữ TLNN vẫn còn chông chéo như đã nêu ở trên dẫn đến việc các cơ quan lớn có nhiều TLNN đều có chức năng “lưu trữ quốc gia”, không chịu giao nộp TLNN vào lưu trữ lịch sử. Chưa có văn bản cụ thể của nhà nước hướng dẫn nghiệp vụ thu thập, chỉnh lý, xác định giá trị TLNN để nộp vào Lưu trữ quốc gia;

- Về cán bộ. Ở các TTLTQG chưa có đủ cán bộ có trình độ để giúp Lưu trữ các bộ ngành trong việc lựa chọn, xác định giá trị TLNN; Lưu trữ các bộ ngành chưa được bố trí đủ số cán bộ làm công tác lưu trữ nói chung; trình độ cán bộ lưu trữ còn hạn chế nên Lưu trữ các bộ ngành cũng như các TTLTQG gặp không ít khó khăn, lúng túng trong công việc.

Những khó khăn trên là nguyên nhân chính gây nên tình trạng khó khăn khi thu thập TLNN về các TTLTQG. Ngoài ra còn có nguyên nhân khác như:

- Các cơ quan lớn thường xuyên sản xuất TLNN là những cơ quan chuyên môn về lĩnh vực này, có hệ thống máy móc, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại cùng với đội ngũ cán bộ chuyên môn được đào tạo chuyên sâu về các loại tài liệu này, trong khi các TTLTQG vẫn đang còn trong tình trạng lạc hậu, yếu kém cả về kho tàng, máy móc, trang thiết bị và kể cả về trình độ cán bộ. Thực trạng trên không tạo được niềm tin về chuyên môn để các cơ quan lớn có TLNN giao nộp tài liệu.

- TLNN ở các cơ quan này là sản phẩm hoạt động không chỉ về vật chất mà còn là sản phẩm tinh thần (liên quan đến bản quyền tác giả của cơ quan và các cá nhân), đồng thời là phương tiện hoạt động của cơ quan nên

gặp khó khăn, vướng mắc khi giao nộp “đứa con tinh thần” của mình cho cơ quan khác.

- Nếu các cơ quan giao nộp bản gốc cho lưu trữ thì bắt buộc cơ quan phải có một bản khác để làm phương tiện hoạt động. Kinh phí để có bản TLNN khác thay thế không phải là nhỏ. Vì vậy các TTLTQG muốn thu được TLNN thì phải có cơ chế đầu tư kinh phí của nhà nước cho việc này.

Những khó khăn trên cũng như nguyên nhân của những tồn tại đó rõ ràng cần phải được các cấp có thẩm quyền nghiên cứu và tìm cách giải quyết.

Từ thực trạng giao nộp TLNN trong thời gian qua, những khó khăn, bất cập trong các văn bản quản lý nhà nước, để có thể góp phần làm tốt hơn công tác thu thập, nộp lưu, bảo quản và khai thác sử dụng TLNN, cần phải tập trung quản lý TLNN. Để góp phần xây dựng các văn bản về tập trung quản lý TLNN, bước đầu tiên là nhất thiết phải nghiên cứu các tiêu chuẩn nguồn nộp lưu; xây dựng, ban hành văn bản qui định nguồn nộp lưu TLNN vào các TTLTQG.

Tiểu kết chương 2

Qua nghiên cứu tình hình quản lý TLNN ở các TTLTQG thấy rằng các trung tâm đã được giao thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ nói chung, trong đó có tài liệu lưu trữ nghe nhìn. Hiện nay, các TTLTQG đang bảo quản một số lượng không nhiều tài liệu lưu trữ nghe nhìn có giá trị về nhiều mặt đối với đời sống xã hội. Tuy nhiên, số lượng tài liệu này hoàn toàn chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác ngày càng tăng của xã hội.

Bước đầu đã được tạo điều kiện về nhân lực, vật chất, kho tàng để thu thập, bảo quản TLNN. Việc tổ chức sử dụng TLNN đang gặp nhiều bất cập, số lượng độc giả nghiên cứu TLNN hàng năm quá ít do thành phần, số lượng tài liệu quá ít; thiết bị khai thác tài liệu đó đã bị hư hỏng, không tương thích...

Các qui định về thẩm quyền quản lý nguồn nộp lưu vẫn còn chung chung, chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng. Các TTLTQG chưa được phân định cụ thể sẽ thu TLNN của cơ quan nào; cơ quan nào thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử. Qui định về thành phần TLNN cũng chưa có mà chỉ mới đề cập một cách chung chung.

Việc giao nộp TLNN chưa tiến hành thường xuyên; số lượng tài liệu giao nộp còn quá ít so với thực tế tài liệu đang bảo quản ở lưu trữ các bộ ngành.

Các cơ quan chuyên sản xuất và lưu giữ TLNN cũng được pháp luật qui định cho phép lưu trữ TLNN. Chính vì vậy những cơ quan đó không nộp lưu tài liệu vào các TTLTQG.

Tất cả yếu kém, những khó khăn, trở ngại trên chủ yếu do chưa có qui định cụ thể về nguồn nộp lưu và thành phần nộp lưu TLNN. Chính vì vậy, việc nghiên cứu cơ sở để xây dựng danh mục cơ quan là nguồn nộp lưu và thành phần TLNN cần nộp lưu đặt ra vô cùng cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Chương 3

CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM

3.1. CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN VỀ NGUỒN NỘP LƯU TÀI LIỆU NGHE NHÌN

3.1.1. Cơ sở lý luận

TLNN có những đặc điểm của riêng nó, xuất phát từ những đặc điểm đó, việc xác định nguồn nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử đã được các nhà lưu trữ nghiên cứu và đã thống nhất đưa ra những tiêu chuẩn chung và cơ bản. Tuy nhiên, cần phải xem xét, bổ sung một số khía cạnh sau đây:

3.1.1.1. Tiêu chuẩn mục đích, chức năng và nhiệm vụ chính của cơ quan là việc tổ chức sản xuất và lưu giữ TLNN.

Trong thực tế, Tiêu chuẩn này có nghĩa là: để thực hiện mục đích, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình đã được giao, cơ quan đó phải xác định việc sản xuất TLNN và lưu giữ nó phải là nhiệm vụ quan trọng và nhiệm vụ chính của mình. TLNN là phương tiện chính, chủ yếu để ghi chép, truyền đạt thông tin do cơ quan đó sản xuất thì cơ quan đó chính là nguồn bổ sung tài liệu thường xuyên vào lưu trữ lịch sử. Đó thường là các cơ quan thông tấn, báo hình, báo nói như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Viện Phim Việt Nam thuộc Bộ VH TT & DL ... Trong quá trình nghiên cứu mục đích, chức năng, nhiệm vụ chính của các cơ quan, cần lưu ý đến những điểm sau:

- TLNN thể hiện chức năng nhiệm vụ chính của cơ quan ở mức độ nào? Ví dụ: Báo Ảnh Việt Nam dùng ảnh làm ngôn ngữ thể hiện chính, trong khi các báo khác thì ảnh chỉ mang tính minh họa. Có báo đăng tải nhiều ảnh như các báo Thể dục Thể thao, Văn hóa Nghệ thuật, Báo Ảnh Việt Nam... do

các phóng viên của báo tự đi chụp về; song cũng có báo chỉ sao chép lại ảnh từ Thông tấn xã Việt Nam hoặc các báo khác để sử dụng ở báo mình mang tính minh họa. Đối với nhiều cơ quan quản lý nhà nước hay cơ quan sự nghiệp khác thì phương tiện thể hiện chức năng nhiệm vụ chính là tài liệu giấy được ghi lại bằng chữ viết; còn TLNN cũng có nhưng chỉ là hỗ trợ với mục đích tuyên truyền. Vì vậy những cơ quan này chỉ là các nguồn bổ sung không thường xuyên TLNN vào lưu trữ lịch sử.

- Vị trí của cơ quan sản xuất TLNN trong tổ chức ngành và tổ chức bộ máy nhà nước. Cơ quan càng lớn càng thể hiện mức độ quan trọng, quy mô sản xuất, sự chuyên môn hóa, phạm vi phản ánh, chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật càng cao. Phương tiện kỹ thuật, số lượng phóng viên và trình độ tay nghề có vai trò quan trọng trong việc thể hiện vị trí của cơ quan sản xuất và giá trị của TLNN.

- Vị trí của cơ quan ở Trung ương hay địa phương? Trực thuộc cơ quan chủ quản cấp trên nào? Điều này rất cần để xác định cơ quan này sẽ thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử nào: Lưu trữ lịch sử thuộc Văn phòng Trung ương Đảng hay TTLTQG hoặc Trung tâm lưu trữ tỉnh..?

Vấn đề vị trí cơ quan còn cho thấy mức độ chuyên môn của cơ quan về TLNN, phạm vi đề tài phản ánh, số lượng tài liệu hình thành hàng năm... để xác định cơ quan này thuộc nhóm nguồn bổ sung thường xuyên, chuyên môn hay không thường xuyên. Ví dụ: các cơ quan như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam là những cơ quan sự nghiệp thuộc Chính Phủ, có chức năng nhiệm vụ làm công tác thông tin tuyên truyền trong phạm vi toàn quốc nên phải thuộc diện nộp lưu tài liệu thường xuyên, chủ yếu vào TTLTQG. Báo Nhân dân là cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, báo Tiền phong là cơ quan của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, báo Lao động thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, báo Phụ nữ

thuộc TƯ. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam... nên thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng. Báo ảnh Việt Nam trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam, Hãng phim Tài liệu khoa học trung ương trực thuộc Cục Điện ảnh... là các cơ quan nhà nước ở Trung ương nên thuộc diện nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ quốc gia. Trong khi ở cấp tỉnh có những cơ quan thường xuyên sản sinh ra TLNN như Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật tỉnh... thì thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Trung tâm lưu trữ tỉnh.

- Chuyên đề phản ánh rộng hay hẹp, chung hay cụ thể. Qua đó thấy được mức độ quan trọng và số lượng TLNN được sản sinh hàng năm là thường xuyên hay không thường xuyên. Ví dụ: Thông tấn xã Việt Nam có phạm vi hoạt động rộng, là cơ quan đầu ngành về thông tấn báo chí nên được tham gia ghi lại tất cả các sự kiện quan trọng của đất nước. Các tờ báo ngành nhiều khi phải xin sao lại ảnh của Thông tấn xã. Nhưng cũng có những sự kiện của ngành mà chỉ cơ quan hoặc đơn vị có chức năng tuyên truyền của ngành ghi lại được như ảnh, băng hình, băng ghi âm về hội nghị tổng kết ngành, hội thảo khoa học, lễ kỷ niệm, trao phần thưởng thi đua... Việc hình thành những TLNN đó ở ngành, tuy nhiên không thường xuyên nên các cơ quan này không phải là nguồn nộp lưu thường xuyên TLNN vào lưu trữ lịch sử.

- Mức độ sử dụng TLNN thể hiện chức năng của cơ quan. Tùy theo mức độ, TLNN là phương tiện thể hiện chức năng chính của cơ quan. Báo ảnh Việt Nam dùng ảnh làm ngôn ngữ thể hiện chính, trong khi đối với các báo khác thì ảnh chỉ mang tính minh họa. Có báo đăng tải nhiều ảnh như các báo về thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật... do các phóng viên tự đi chụp về, song cũng có báo chỉ sao chép lại ảnh từ Thông tấn xã hoặc từ các báo khác.

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước hay cơ quan sự nghiệp chuyên ngành khác thì phương tiện thể hiện chức năng nhiệm vụ chính là tài liệu giấy

được ghi lại bằng chữ viết, còn TLNN cũng có, nhưng chỉ là bổ trợ với các mục đích tuyên truyền. Vì vậy những cơ quan này chỉ là các nguồn bổ sung không thường xuyên TLNN vào bảo quản nhà nước.

- Cơ quan trực tiếp sản xuất TLNN hay chỉ đi sưu tầm hoặc sao in lại để thực hiện chức năng nhiệm vụ: Những cơ quan trực tiếp sản xuất TLNN thì có nhiều tài liệu gốc, đồng thời có các văn bản đi kèm đầy đủ hơn, xuất xứ của tài liệu rõ ràng hơn. Còn những cơ quan không trực tiếp sản xuất thì có hai khả năng: hoặc kế thừa được bản gốc, hoặc chỉ có bản sao. Văn bản đi kèm của những tài liệu này thường không đầy đủ, không rõ ràng hoặc có khi sai lệch. Điều này làm giảm giá trị của TLNN của cơ quan đó. Đồng thời, các cơ quan không trực tiếp sản xuất TLNN thì số lượng TLNN không tăng lên thường xuyên, nên không thể là nguồn bổ sung thường xuyên TLNN vào lưu trữ lịch sử.

Như vậy, tiêu chuẩn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đối với việc sản xuất và lưu giữ TLNN là tiêu chuẩn quan trọng khi xác định cơ quan, tổ chức đó có thuộc nguồn nộp lưu thường xuyên hay không thường xuyên TLNN vào lưu trữ lịch sử hay không [34].

3.1.1.2. Tiêu chuẩn đối tượng phản ánh và số lượng tài liệu hiện có

Đây là tiêu chuẩn chỉ có thể xác định được qua nghiên cứu khảo sát thực tế.

Đối tượng phản ánh của tài liệu lưu trữ nói chung phải là thực tế khách quan, tức là cuộc sống thực trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đối tượng phản ánh của TLNN cũng vậy. Song đối với TLNN, việc xác định được đối tượng phản ánh của TLNN cần lưu trữ liên quan đến việc xác định thể loại nào trong các loại hình nghệ thuật nhiếp ảnh, điện ảnh được quan tâm lựa chọn đưa vào lưu trữ lịch sử. Ở đây có hai loại đối tượng phản ánh của TLNN cần được phân biệt: Nếu đối tượng phản ánh là hình ảnh

và âm thanh có thực trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... có ý nghĩa quốc gia thì thể loại ảnh sự kiện, ghi âm sự kiện, phim thời sự hoặc phim tài liệu- khoa học là các đối tượng cần thu thập vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia. Như vậy những cơ quan có đối tượng TLNN quan trọng đó sẽ là nguồn nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ quốc gia. TLNN với nội dung như vậy nhưng có ý nghĩa ở cấp địa phương thì cơ quan có tài liệu đó sẽ nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử cấp tỉnh.

Đối với những cơ quan có tài liệu là các loại hình nghệ thuật nhiếp ảnh, điện ảnh, ca múa nhạc (biểu diễn) thì các loại ảnh nghệ thuật, ảnh phong cảnh, phim truyền hình, phim truyện, ghi âm nghệ thuật... phục vụ cho nghiên cứu về lịch sử phát triển của các loại hình nghệ thuật này, cũng là lịch sử phát triển của các ngành văn hóa thì không phải là nguồn thường xuyên và là đối tượng bắt buộc phải nộp lưu vào lưu trữ quốc gia. Nếu các cơ quan đó có những tài liệu được lựa chọn điển hình thì những cơ quan đó thuộc loại cơ quan nộp lưu không thường xuyên. Xuất phát từ việc phân biệt đối tượng phản ánh của TLNN như trên giúp xác định cơ quan nào sản xuất thể loại TLNN nào thì sẽ là nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử.

Số lượng tài liệu hiện có cũng rất quan trọng. Đây là một tiêu chuẩn để xác định cơ quan đó thuộc nguồn nộp lưu thường xuyên hay không. Nếu một cơ quan còn giữ lại được quá ít những tài liệu thì không nhất thiết phải đưa cơ quan đó vào Danh mục nộp lưu bởi chỉ cần một đôi lần đến thu thập thì số lượng TLNN đã hết.

3.1.1.3. Tiêu chuẩn tính toàn vẹn thông tin trong các tài liệu nghe nhìn.

Ở đây, Tiêu chuẩn tính toàn vẹn thông tin trong TLNN của một cơ quan. tổ chức sản xuất TLNN bao gồm tính độc đáo, mới mẻ, khả năng thể hiện thông tin khác hơn so với các tài liệu khác đã bảo quản trong kho lưu trữ. Ví dụ: tài liệu ảnh về phong cảnh của địa danh lịch sử do một phóng viên

chụp sẽ khác so với ảnh về địa danh ấy do một chuyên gia không ảnh chụp từ máy bay, hoặc hình ảnh một cuộc duyệt binh tại Quảng trường Ba Đình do nhiếp ảnh gia chụp trên mặt đất sẽ khác so với ảnh hay phim quay từ trên máy bay trực thăng do Cơ quan không ảnh thực hiện. Những thước phim hay tấm ảnh chụp được từ trên cao do góc độ, kỹ thuật quay hay chụp ảnh sẽ có những nét độc đáo, mới mẻ so với thực hiện trên mặt đất. Đó là những sản phẩm của các cơ quan không ảnh. Như vậy, các cơ quan không ảnh cần phải được xem xét để đưa vào nguồn nộp lưu. [34].

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Để xác định các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu TLNN vào các TTLTQG, ngoài cơ sở lý luận đã trình bày ở phần trên, cần xem xét cơ sở thực tiễn của các nguồn. Chính cơ sở thực tiễn góp phần quan trọng để quyết định danh mục các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu.

3.1.2.1. Xác định một số nguồn nộp lưu TLNN thường xuyên vào các TTLTQG Việt Nam

Hiện nay, một số cơ quan có chức năng, nhiệm vụ sản xuất và lưu giữ TLNN lớn của quốc gia như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam...

- Đài Truyền hình Việt Nam:

Nghị định 18/2008/NĐ-CP, ngày 04/02/2008 của Chính phủ đã quy định vị trí và chức năng của Đài Truyền hình Việt Nam là “ Đài Truyền hình Việt Nam là đài truyền hình quốc gia, là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và cung ứng các dịch vụ công”....[69]. Khi thực hiện các chức năng trên bằng Chương trình truyền hình, Đài Truyền hình Việt Nam bắt buộc phải tổ chức sản xuất các chương nghe nhìn. Trong những năm qua, Đài Truyền hình Việt Nam ngày càng mở thêm nhiều kênh truyền hình, ngoài

VTV 1, ngày nay có thêm VTV2, VTV3, VTV4 ..., phát sóng 24/24 h và truyền tín hiệu tới mọi miền xa xôi của Tổ quốc, kể cả biên giới, hải đảo là những vùng trước đây sóng truyền hình quốc gia đều không vươn tới được. Để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, hàng năm, Đài Truyền hình sản sinh ra một khối lượng tài liệu rất lớn và có giá trị.

Hiện nay, Đài Truyền hình Việt Nam đã được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ như vậy, luật pháp cho phép Đài sản xuất và lưu giữ TLNN. Để bảo quản TLNN, Đài có riêng một Trung tâm Tư liệu với số lượng viên chức tới 45 người, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn về lưu trữ cũng như đội ngũ chuyên viên kỹ thuật đủ đáp ứng yêu cầu công tác; hệ thống kho tàng khá hiện đại với hơn 1000 m² sàn kho, hệ thống điều hòa, hút ẩm thường xuyên đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm thích hợp. Hiện Trung tâm đang bảo quản 275 hộp phim, 575 cuộn phim, 57.811 ảnh, 45 giờ băng ghi âm. Trong số tài liệu đó, để phục vụ cho công tác bảo quản thuận lợi, đặc biệt là phục vụ khai thác, sử dụng nhanh chóng, hiệu quả, trong những năm gần đây, Đài đã tiến hành số hóa được khoảng 60% số lượng TLNN có trong kho. Dự kiến trong vòng 3 năm tới, Đài sẽ số hóa hết toàn bộ khối TLNN còn lại. Theo báo cáo khảo sát, từ 2006 tới nay, Đài không dùng kỹ thuật cũ để quay phim, chụp ảnh trên phim nhựa hay ghi âm từ tính mà chỉ dùng kỹ thuật số. Xu hướng ứng dụng kỹ thuật số trong ghi âm, ghi hình ngày càng mạnh mẽ và tất yếu. Những cơ sở dữ liệu đã được số hóa đều được lưu giữ ở nhiều nơi và trên các thiết bị bảo quản chuyên dụng khác nhau như trên ổ cứng, đĩa DVD, băng từ ... Nhiều ý kiến của các nhà quản lý cũng như chuyên gia cho rằng, những TLNN đã số hóa hoàn toàn cần thiết nộp vào TTLTQG. Một số ý kiến lại cho rằng, những tài liệu đó vẫn nên cần giữ lại tại nơi sản xuất ra nó.

Qua khảo sát, nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ, thực trạng công tác bảo quản, nhân lực, kho tàng, thiết bị và nội dung tài liệu ... của Đài, chúng tôi thấy rằng, việc Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ cho Đài như vậy là

phù hợp, đã hoàn toàn tạo mọi điều kiện pháp lý cần thiết cho Đài để hoạt động có hiệu quả. Về thực trạng công tác quản lý TLNN của Đài, Đài đã có riêng một Trung tâm để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để bảo quản, khai thác, sử dụng tài liệu; đội ngũ cán bộ bước đầu đáp ứng yêu cầu của công tác lưu trữ; kho tàng, trang thiết bị đầy đủ. Với những điều kiện như trên, chúng tôi thấy rằng, TLNN cần thiết được bảo quản tại Đài Truyền hình. Hàng năm, Đài cần phải báo cáo thống kê số lượng các loại hình tài liệu. Đối với những tài liệu đặc biệt có giá trị, Đài cần gửi danh mục cho cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ biết. Đối với khối TLNN đã được số hóa, tài liệu đó cần được chuyển vào bảo quản vĩnh viễn ở các TTLTQG vì các lý do:

- Đài không dùng đến khối TLNN đó do đã có cơ sở dữ liệu số hóa hoàn toàn có thể phục vụ nhanh chóng, tiện dụng, đảm bảo chất lượng.

- Bổ sung tính toàn vẹn của phong trong các TTLTQG khi bên cạnh tài liệu giấy, còn có khối TLNN.

- Bảo hiểm bản chính, bản gốc tách khỏi cơ sở dữ liệu trong trường hợp thiên tai, địch họa. Nếu không may xảy ra thiên tai, địch họa, hệ thống máy móc chứa cơ sở dữ liệu cũng như hệ thống kho tàng bị phá hủy, chúng ta vẫn có bản chính, bản gốc TLNN ở các TTLTQG để khôi phục, cung cấp những thông tin cần thiết.

Về vấn đề bản quyền liên quan đến khối bản gốc, bản chính của khối tài liệu đã được số hóa chuyển giao cho cơ quan khác, tôi cho rằng cần có một văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước qui định rõ về vấn đề này để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- *Đài Tiếng nói Việt Nam* là cơ quan truyền thông có truyền thống lâu đời trong số các cơ quan truyền thông được thành lập từ ngay sau Cách mạng tháng 8-1945. Hiện nay, với Nghị định 16/2008/NĐ-CP, ngày 04/02/2008 của Chính phủ, vị trí và chức năng của Đài được quy định: “ Đài Tiếng nói Việt

Nam là đài phát thanh quốc gia, là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh, phát thanh trên Internet, phát thanh có hình và báo viết” [70]. Với chức năng như vậy, Đài Tiếng nói Việt Nam đã có thêm các hình thức tuyên truyền so với trước đây khi có phát thanh trên Internet, phát thanh có hình và cả báo viết. Như vậy những TLNN được phát trên Internet và các chương trình phát thanh có hình là loại hình tài liệu mới, nó cần phải được quan tâm cả nội dung và hình thức trong quá trình thu thập, lưu giữ và sử dụng thông tin. Trung tâm Âm thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam có kho tư liệu băng ghi âm bảo quản băng gốc từ năm 1955 đến nay với hơn 30.000 giờ băng.

Gần 10 năm nay, Đài gần như không còn sử dụng kỹ thuật ghi âm từ tính trên băng từ mà chỉ dùng ghi âm kỹ thuật số. Việc lưu trữ dữ liệu kỹ thuật số không đòi hỏi nhiều diện tích kho tàng, việc sử dụng lại nhanh chóng, tiện lợi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng. Tới năm 2016, Đài đã số hóa được 40% giờ băng ghi âm. Qua kết quả khảo sát thấy rằng, những tài liệu đã được số hóa, hầu như không bao giờ sử dụng lại bản gốc. Những dữ liệu đã số hóa hoàn toàn có thể đáp ứng nhanh chóng, tiện lợi nhu cầu sử dụng. Các chuyên gia và nhiều nhà quản lý đặt ra vấn đề bảo quản tài liệu gốc đã được số hóa. Một số nhà quản lý và chuyên gia vẫn cho rằng, Đài cần tiếp tục bảo quản những tài liệu đã được số hóa để phòng trường hợp dữ liệu bị virus hay các trường hợp bất trắc xảy ra; một số khác thấy không cần thiết do dữ liệu số hóa đã được lưu giữ trên nhiều vật mang tin, do vậy nên lựa chọn những tài liệu có giá trị và nộp vào bảo quản ở các Trung tâm Lưu trữ quốc gia. Chúng tôi đồng ý với quan điểm này cũng với những lý do như đã nêu đối với tài liệu của Đài Truyền hình Việt Nam.

- *Thông tấn xã Việt Nam*, vị trí, chức năng, nhiệm vụ cũng quy định rõ trong Nghị định 24/2008/NĐ-CP ngày 03/3/2008 “Thông tấn xã Việt Nam là cơ quan sự nghiệp thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tấn nhà nước trong việc phát tin, văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước; cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; thu thập, phổ biến thông tin bằng các loại hình báo chí phục vụ các đối tượng có nhu cầu ở trong nước và ở nước ngoài” [71]. Trong các loại hình báo chí mà Thông tấn xã Việt Nam sản xuất, khối tài liệu nghe - nhìn, đặc biệt là tài liệu ảnh thường luôn chiếm khối lượng lớn và rất có giá trị, trong nhiều trường hợp là thông tin độc quyền. Trong cơ cấu tổ chức của Thông tấn Xã Việt Nam có hai đơn vị: Ban biên tập sản xuất ảnh báo chí và Báo ảnh Việt Nam là hai kho tư liệu ảnh lớn nhất trong cả nước và hiện nay đang lưu giữ hơn 600.000 tấm ảnh từ năm 1945 tới nay. Hiện nay, nhìn chung ảnh tại Ban Biên tập ảnh và Báo Ảnh Việt Nam đều đã được chỉnh lý theo các chuyên đề; các chuyên đề đều được đưa vào album ảnh và thường có ảnh mẫu và nội dung kèm theo. Những năm gần đây, các phóng viên đều dùng máy ảnh kỹ thuật số nên không còn phim; ảnh chụp được lưu vào File ảnh kỹ thuật số. Từ năm 2011, Thông tấn xã Việt Nam đã bắt đầu số hóa phim gốc. Tới nay đã tiến hành số hóa được 2000 phim trong tổng số 100.000 phim (chiếm 2%). Đối với những phim đã được số hóa, với các lý do như đã phân tích đối với tài liệu của Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói Việt Nam, chúng tôi cho rằng cần phải nộp lưu vào các TTLTQG.

- *Viện phim Việt Nam*: Chức năng, nhiệm vụ của Viện Phim Việt Nam cũng đã được qui định rõ trong Quyết định số 2388/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo đó, Viện Phim Việt Nam là đơn vị sự nghiệp có thu, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng lưu chiếu phim, lưu trữ phim và bảo quản các tư liệu điện ảnh; nghiên cứu lý luận, công nghệ lưu trữ điện ảnh; khai thác và phổ biến các

tư liệu điện ảnh theo quy định của pháp luật. Như vậy, Viện có chức năng thu thập, lưu trữ... TLNN [72]. Với 13 phòng ban chức năng và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trong đó có các phòng chuyên môn như: Phòng Bảo quản phim, Phòng Lưu chiếu và Sưu tầm, phòng Hồ sơ Phim mục, Phòng Khai thác và Phổ biến tư liệu... với những chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Hiện nay Viện Phim Việt Nam đang bảo quản 20.760 bộ phim với 44.118 cuốn phim. Đây là số lượng phim khá lớn trong thời điểm hiện nay của nước ta. Với đội ngũ cán bộ có trình độ, Viện đang thực hiện việc sưu tầm, tiếp nhận phim, tài liệu kèm theo phim lưu chiếu, lưu trữ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp theo Luật Điện ảnh; Đánh giá, phân loại, hệ thống hóa, lập hồ sơ nội dung phim, lưu trữ các tác phẩm điện ảnh và tư liệu theo qui trình, qui định của quốc gia và quốc tế (FIAF); Tu sửa bảo dưỡng, phục hồi chất lượng phim nhựa, băng hình trong quá trình bảo quản và khai thác sử dụng; Phục chế nhằm tái tạo các bản phim, băng đã bị hư hại.

Cùng với trình độ chuyên môn cao và phương tiện đồng bộ, hiện đại, hiện nay cán bộ kĩ thuật của Viện đã làm chủ công nghệ tu sửa bảo dưỡng, phục hồi, phục chế, nâng cấp chất lượng phim lưu trữ trên hệ thống điện tử kĩ thuật số; in chuyển phim nhựa loại 35mm, 16mm (đường tiếng quang học) sang các định dạng băng Betacam số, Betacam SP, DV, đĩa DVD, các định dạng tệp số thông thường MPEG2, MOV...; kết hợp chỉnh màu, độ hạt, khuôn hình; quét hình ảnh độ phân giải 2K, SD... Cán bộ chuyên môn của Viện còn có thể làm phụ đề tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh cho phim trên chất liệu băng Betacam hoặc DVD; dựng phim các loại định dạng MOV, AVI, băng Betacam,... độ phân giải SD và HD.

Như vậy, với thực trạng nói trên cả về mặt pháp lý lẫn cơ sở thực tiễn, Viện Phim Việt Nam là một cơ sở lưu trữ chuyên ngành hội đủ các tiêu chuẩn để thực hiện chức năng lưu trữ phim điện ảnh. Mặc dù về mặt lí luận, có thể

xếp Viện phim Việt Nam vào nguồn nộp lưu tài liệu, song cơ sở pháp lý, đặc biệt là cơ sở thực tiễn thì Viện Phim là một đơn vị lưu trữ độc lập. Do vậy Viện Phim Việt Nam không phải là cơ quan nộp lưu tài liệu vào các TTLTQG. Tuy nhiên, về mặt quản lý nhà nước, Cục VTLTNN Bộ Nội vụ là cơ quan quản lý nhà nước về công tác văn thư lưu trữ cần phải nắm được tình hình bảo quản, sử dụng TLNN ở Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch nói chung và ở Viện Phim nói riêng. Vì vậy, Viện Phim Việt Nam là cơ quan sự nghiệp của Bộ có trách nhiệm báo cáo thống kê tài liệu hàng năm về Cục VTLTNN. Qua đó các TTLTQG nắm được tình hình quản lý TLNN ở Viện Phim.

Những cơ quan trên đều đã được nhà nước cho phép sản xuất và lưu giữ TLNN. Thành phần tài liệu khá đa dạng, phong phú, phản ánh nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, phản ánh nhiều mặt hoạt động trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của đất nước ta hiện nay.

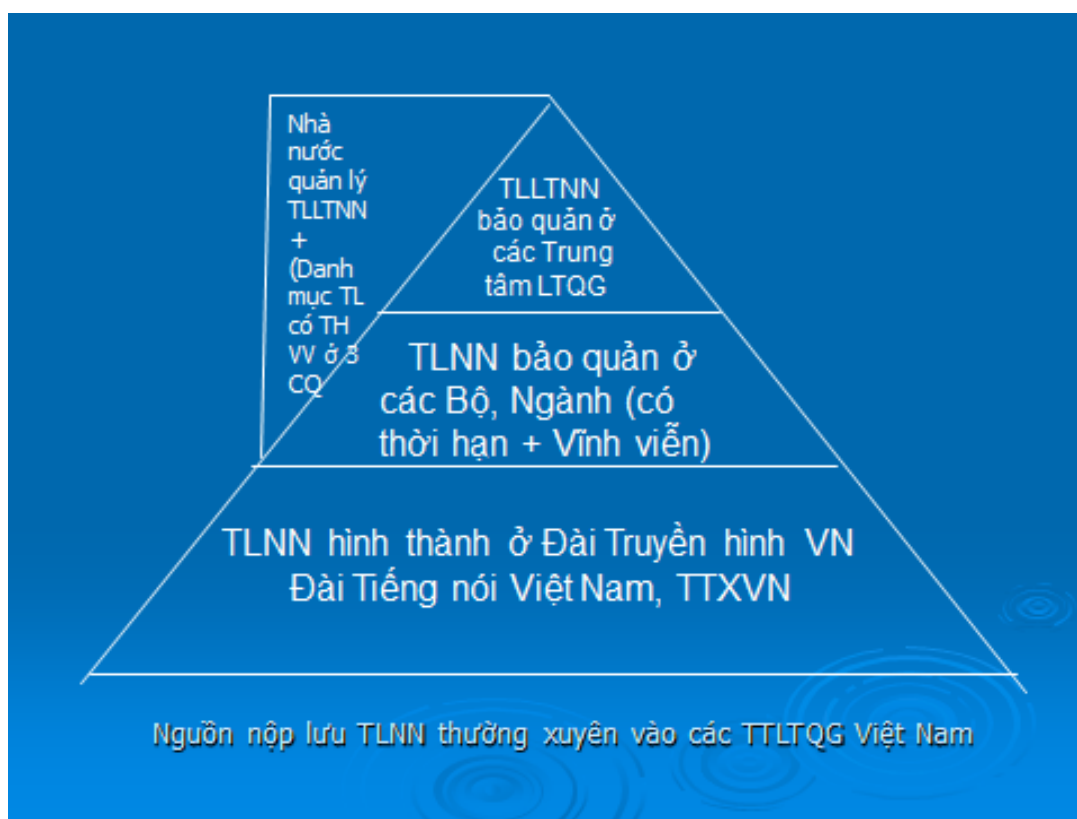
- *Về sản xuất:* Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và điều kiện kinh tế của đất nước sau gần 30 năm đổi mới, ngày nay các cơ quan trên cũng như nhiều cơ quan khác đã được trang bị nhiều thiết bị quay phim, chụp ảnh, ghi âm khá hiện đại và đồng bộ. Điều này đã dễ dàng và nhanh chóng tạo nên một khối lượng đáng kể TLNN. Bên cạnh đó, kỹ thuật quay phim, chụp ảnh được tự động hóa cao nên chất lượng ghi âm ghi hình được tăng lên đáng kể. Chính khả năng tự động hóa cao nên nhiều người có khả năng sử dụng chúng.

- *Về bảo quản:* Hiện nay những cơ quan nói trên đã được xây một số phòng kho để bảo quản tài liệu. Bước đầu diện tích tích đáp ứng được sức chứa tài liệu. Điều kiện trang thiết bị nhìn chung đồng bộ, khá hiện đại; nhiệt độ và độ ẩm trong kho được duy trì ổn định thường xuyên theo qui định.

Qua tình hình thực tiễn công tác quản lý TLNN của các cơ quan chuyên sản xuất và lưu giữ TLNN nói trên, chúng tôi thấy rằng:

- Đối với các cơ quan chuyên sản xuất và lưu giữ TLNN của nhà nước, hàng năm cần nộp vào Lưu trữ nhà nước những tài liệu đã số hóa và gửi báo cáo, danh mục tài liệu có giá trị về Cục VTLTNN.

- Đối với Viện Phim Việt Nam, với chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng và có hệ thống kho tàng, cơ sở vật chất, thiết bị máy móc hiện đại; số lượng và trình độ cán bộ như hiện nay, Viện Phim cần được bảo quản TLNN độc lập; không thuộc nguồn nộp lưu vào các TTLTQG. Tuy nhiên, về mặt quản lý nhà nước, hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu, Viện Phim cần báo cáo Danh mục TLNN có giá trị về cơ quan quản lý nhà nước là Cục VTLTNN.



3.1.2.2. Xác định một số nguồn nộp lưu TLNN không thường xuyên vào các TTLTQG Việt Nam

Theo các tiêu chuẩn nguồn nộp lưu tài liệu không thường xuyên, đó là những cơ quan không có chức năng chủ yếu là sản xuất TLNN như Lưu trữ các bộ ngành, cơ quan ngang bộ như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính; cơ quan thuộc chính phủ như Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam ...; Lưu trữ ở các cục, ban có chức năng quản lý nhà nước ở các bộ, cơ quan ngang bộ như Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam (thuộc Bộ Giao thông vận tải); các viện như Viện Năng lượng, Viện Công nghiệp thực phẩm (Bộ Công thương); các tập đoàn, tổng công ty như Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông, Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam ... Tại những cơ quan đó, qua khảo sát thực tế, TLNN không có nhiều về số lượng. Nội dung của chúng thường không rộng, không phong phú và chủ yếu phản ánh hoạt động của chính cơ quan đó.

Đối với nhóm cơ quan này, việc giao nộp TLNN sẽ được tiến hành bình thường cùng với tài liệu giấy mà pháp luật đã qui định.



3.2. CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN

Nhờ giá trị về nhiều mặt của khối tài liệu TLNN và do nhu cầu sử dụng TLNN phục xã hội ngày càng tăng nên ngày nay độc giả rất quan tâm đến việc khai thác sử dụng khối tài liệu này. Việc tổ chức sử dụng rộng rãi tài liệu lưu trữ nói chung và tài liệu TLNN nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng, cần thiết và cấp bách. Nó không những phục vụ cho việc tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của Đảng ta; nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu phong tục tập quán của các dân tộc và các nhu cầu khác của xã hội mà nó còn phục vụ đặc lực cho việc tuyên truyền, giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Ngày nay, các cơ quan được trang bị nhiều thiết bị quay phim, chụp ảnh tốt và nhiều người có khả năng sử dụng thiết bị đó nên dễ dàng tạo ra những tài liệu lưu trữ nghe nhìn có giá trị.

Tuy nhiên từ trước tới nay, việc thu thập tài liệu lưu trữ nghe nhìn tại các TTLTQG Việt Nam còn gặp rất nhiều khó khăn, thật sự chưa đáp ứng được các nhu cầu thông tin ngày càng cao của xã hội. Trên thực tế, tài liệu lưu trữ nghe nhìn nộp lưu vào lưu trữ cơ quan và vào lưu trữ lịch sử còn quá ít. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để phục vụ cho việc thu thập TLNN. Chính vì vậy, trong nhiều năm qua, các TTLTQG chưa thật làm tốt công tác thu thập TLNN, chưa thu thập được thường xuyên, đầy đủ những TLNN có giá trị; nhiều cơ quan có TLNN cũng chưa biết chọn tài liệu gì để đưa vào lưu trữ; các TTLTQG chưa có cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn để hướng dẫn các Lưu trữ lựa chọn tài liệu nộp lưu. Để góp phần tạo điều kiện khắc phục những khó khăn, tồn tại nói trên, việc nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định thành phần TLNN để thu thập là rất cần thiết và có ý nghĩa cả về mặt thực tiễn và lý luận.

Trước hết, việc nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định thành phần TLNN để thu thập sẽ giúp cho cơ quan quản lý có cơ sở khoa học ban hành các văn bản qui định thành phần TLNN;

Thứ hai, việc nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định thành phần TLNN giúp cho lưu trữ các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu và lưu trữ lịch sử có cơ sở để lựa chọn, chỉnh lý, xác định giá trị. Các TTLTQG có cơ sở để thu thập những TLNN có giá trị.

Từ những cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn ở các TTLTQG, đặc biệt là thực tiễn ở Lưu trữ các bộ ngành, tác giả nghiên cứu, xem xét đề xuất một số cơ sở khoa học cho việc lựa chọn, xây dựng Danh mục TLNN.

3.2.1. Cơ sở lý luận

Ở đây chúng tôi xem xét, nghiên cứu những nhóm nội dung tài liệu nào làm cơ sở để đưa vào danh mục thành phần TLNN. Như vậy, thành phần TLNN đưa vào danh mục phải là những nhóm nội dung tài liệu có giá trị phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa và góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiêu chuẩn nội dung tài liệu là tiêu chuẩn quan trọng vì xét cho cùng, như Luật Lưu trữ qui định “Tài liệu là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân” [56]. Nếu một tài liệu không chứa một thông tin gì thì sẽ chẳng có ý nghĩa và không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của tài liệu. Tiêu chuẩn về một số nội dung khái quát dưới đây sẽ định hướng khi nghiên cứu, xây dựng Danh mục và những tài liệu có mang nội dung đó sẽ được xem xét đưa vào Danh mục để sau này thu thập vào lưu trữ lịch sử.

- Tài liệu lưu trữ nghe nhìn phải phản ánh những dấu mốc, sự kiện trong quá trình hình thành và phát triển của nhà nước Việt Nam với các chế độ xã hội khác nhau; tài liệu về các cuộc cách mạng.

Nhà nước Việt Nam trong quá trình hình thành và phát triển của mình, đã trải qua hàng ngàn năm. Từ đầu thế kỉ 20 trở về trước, do trình độ khoa học kĩ thuật của nhân loại chưa phát triển, do điều kiện kinh tế nghèo nàn, lạc hậu và khí hậu khắc nghiệt của đất nước nên chúng ta không thể có được những tài liệu về các dấu mốc, sự kiện lịch sử đã qua. Tuy nhiên, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 tới nay, nhờ nhiều thành tựu của khảo cổ học, chúng ta từng bước hiểu được nhiều dấu mốc, sự kiện về nhà nước thời các Vua Hùng qua Thành Cổ Loa, Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, lịch sử người Việt cổ ... Những dấu mốc đó đã để lại một phần trên các di chỉ khảo cổ học. Nhờ kỹ thuật quay phim, chụp ảnh hiện đại nên chúng ta đã ghi lại được thực trạng cũng như những biến đổi sinh hóa qua thời gian, đặc biệt là khi khai quật những ngôi mộ cổ. Nếu không có kỹ thuật hiện đại ghi lại tình trạng trang phục, màu da, xương tóc, thực phẩm, đồ tùy táng... chúng ta sẽ không có điều kiện xem xét, nghiên cứu hoặc thấy được tình trạng hiện vật khi khai quật bởi cùng với thời gian, nhiều hiện vật bị thay đổi về chất, màu sắc và cả về hình thức v.v. Như vậy, những dấu mốc đó từ hiện vật đã phần nào được thể hiện trên những tấm ảnh, thước phim sống động, giúp cho việc nghiên cứu khoa học và tuyên truyền văn hóa.

Từ đầu thế kỉ 20 tới nay, xã hội Việt Nam trải qua nhiều biến cố, đặc biệt là sau Cách mạng tháng Tám 1945 dẫn tới thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; lực lượng thân Pháp, thân Mỹ dưới sự bảo trợ của chúng cũng thành lập các nhà nước riêng. Tất cả những sự kiện quan trọng đó đều có ảnh hưởng lớn đến sinh mệnh dân tộc, sinh mệnh hàng triệu người dân, từ đó nó liên quan đến các cuộc chiến tranh, các biến cố lớn khác. Chính vì vậy, những TLNN phản ánh những dấu mốc đó góp phần phản ánh tiến trình lịch sử nhà nước Việt Nam và đây là những tài liệu hết sức quan trọng và cần thiết phải đưa vào Danh mục cần thu thập, nộp lưu.

- Tài liệu phản ánh các sự kiện, thành tựu, hoạt động tiêu biểu của các ngành, các lĩnh vực.

Ngày nay, do có nhiều thuận lợi về các mặt kinh tế, thiết bị kĩ thuật và con người nên có thể nói bất cứ cơ quan nào, bộ ngành nào cũng đều có điều kiện ghi lại những sự kiện, những thành tựu, những hoạt động tiêu biểu của ngành, lĩnh vực mình. Đó là các kì đại hội, hội nghị, hội thảo; các chuyến đi công tác trong và ngoài nước của lãnh đạo cơ quan; các hoạt động tiêu biểu của cơ quan như liên hoan văn nghệ, thi đấu thể thao, hoạt động từ thiện... đến nhiều hoạt động mang tính chuyên môn của mình cũng thường được để lại dấu ấn trên phim ảnh. Khi lựa chọn trong số những tài liệu đấy, ta có thể có được những tài liệu có giá trị phản ánh hoạt động về nhiều mặt của cơ quan đó một cách hết sức chân thực, sinh động và thuyết phục cùng với tài liệu giấy.

- Tài liệu phản ánh những sự kiện về các cuộc khởi nghĩa, cuộc đấu tranh cách mạng giữ nước và giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Trong lịch sử Việt Nam thời cận đại, rất tiếc chúng ta không có tài liệu về các cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Nam Kỳ, Đô Lương... Tài liệu về cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 cũng không có nhiều. Chúng ta hiện nay vẫn chưa tìm được bất cứ tấm ảnh, thước phim nào cận cảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945, không có bất cứ ảnh hay thước phim nào ghi lại cảnh Vua Bảo Đại trao ấn kiếm ngày 30-8-1945 cho đại diện chính quyền Cách mạng ...Có thể nói, đó là những tổn thất rất lớn đối với việc nghiên cứu lịch sử dân tộc. Do vậy hiện nay, việc tìm kiếm, thu thập thêm hình ảnh về những sự kiện đó vẫn là những nhu cầu cấp thiết đối với chúng ta.

Tài liệu về cuộc đấu tranh cách mạng giữ nước và giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua bước đầu được sưu tầm, thu thập với khối lượng đáng kể. Tuy nhiên, so sánh, đối chiếu với thực tế lịch sử thì còn thiếu nhiều. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giữ nước từ Cách

mạng tháng Tám đến nay diễn ra vô cùng gian nan, khốc liệt, đầy gian khổ, hy sinh nhưng cũng rất vẻ vang. Đây là một giai đoạn lịch sử vinh quang và hào hùng của dân tộc. Chính vì vậy, việc sưu tầm, lựa chọn những tài liệu về nội dung này là vô cùng quan trọng và cần thiết. Mặc dù những sự kiện diễn ra trong giai đoạn này chưa lùi xa so với chúng ta nhưng do tính chất lý hóa của tài liệu nghe nhìn dễ bị hủy hoại bởi khí hậu khắc nghiệt nên cần nhanh chóng sưu tầm, thu thập những tài liệu có nội dung đó.

- Tài liệu phản ánh các hoạt động xác lập, đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia Việt Nam đối với lãnh thổ, đất liền, biển đảo và biên giới quốc gia.

Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước. Chính vì ý nghĩa quan trọng đó nên những TLNN nào phản ánh những hoạt động trên, cần phải được thu thập, lưu giữ vĩnh viễn.

- Tài liệu về những hoạt động chống phá Cách mạng

Trong lúc các lực lượng Cách mạng “ quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” thì một lực lượng phản động với sự giúp đỡ đặc lực của nước ngoài đã tiến hành các cuộc chiến tranh, các hoạt động chống phá Cách mạng ở mọi nơi, mọi lúc và với nhiều hình thức dã man, khốc liệt nhất. Chúng ta buộc phải đương đầu với các cuộc chiến tranh phi nghĩa đó và phải chịu những tổn thất vô cùng lớn. Chiến thắng của chúng ta đã phải trả bằng giá rất đắt với hàng triệu người hy sinh và bị thương, hàng trăm thành phố, làng mạc, nhà máy, xí nghiệp bị phá hủy... Những tài liệu về hoạt động chống phá cách mạng càng góp phần làm rõ thêm tội ác của chúng và làm rõ hơn tính chính nghĩa trong các cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và vì hòa bình của chúng ta, làm vẻ vang thêm giá trị của chiến thắng và giá trị của hòa bình.

- Tài liệu phản ánh bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam với 54 dân tộc anh em từ bao đời nay đã tồn tại, sinh sống và cùng nhau dựng nước và giữ nước. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa riêng từ phong tục tập quán, lễ hội, ngôn ngữ, ẩm thực, trang phục, văn học, nghệ thuật v.v. Việc lưu giữ được những TLNN về bản sắc văn hóa đó không chỉ có tác dụng nghiên cứu lịch sử các dân tộc mà cao hơn thế là duy trì, gìn giữ và phát triển những nét đẹp văn hóa của dân tộc đó, của dân tộc Việt Nam và góp phần vào việc bảo tồn những giá trị văn hóa của nhân loại.

- Tài liệu phản ánh thân thế, sự nghiệp và dấu ấn của các nhân vật lịch sử, cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu

Mỗi thời đại, mỗi thời kì lịch sử đều để lại những dấu ấn, những sự kiện và những nhân vật lịch sử liên quan đến những dấu ấn, sự kiện đó. Và trong các tài liệu lưu trữ nói chung và TLNN nói riêng, vai trò cá nhân trong lịch sử luôn được nhắc đến. Không thể trung thực, chính xác, khách quan và đầy đủ khi nghiên cứu các sự vật, hiện tượng mà không nghiên cứu các nhân vật lịch sử, cá nhân, gia đình dòng họ tiêu biểu liên quan trực tiếp đến sự kiện đó. Chính họ đã góp phần quan trọng tạo nên dấu ấn lịch sử. Chính vì vậy, để có một cái nhìn đầy đủ khách quan đối với sự thật lịch sử, chúng ta phải sưu tầm, thu thập lựa chọn được những tài liệu kể cả của các nhân vật lịch sử phản diện.

Trong quá trình xây dựng danh mục thành phần tài liệu; lựa chọn, đánh giá giá trị tài liệu, cần vận dụng thêm nhóm tiêu chuẩn nội dung sau. Khi vận dụng được nhóm tiêu chuẩn nội dung này, giá trị của thành phần TLNN sẽ được tăng lên khi được xem xét trong tổng thể và bổ sung cho nội dung của nó:

+ Về ý nghĩa của sự kiện, đối tượng, con người được quay, chụp trên ảnh, trên phim.

Giá trị của một bộ phim, một bức ảnh phụ thuộc rất nhiều vào sự kiện, đối tượng hoặc con người mà nó phản ánh. Đối tượng mà nó phản ánh càng có ý nghĩa bao nhiêu thì tài liệu đó càng có ý nghĩa bấy nhiêu.

+ Về mức độ làm sáng tỏ thời gian, địa điểm của các sự kiện.

Bằng kỹ thuật đặc biệt của mình, nhiếp ảnh, điện ảnh có khả năng ghi lại một khoảnh khắc nhất định ở một địa điểm nào đó. Nhờ vậy, địa điểm và thời gian trên phim, ảnh cũng chính là địa điểm thời gian xảy ra sự kiện.

+ Về mức độ phản ánh đầy đủ về con người hoặc sự kiện.

Thông thường khi một sự kiện lớn xảy ra, có thể sẽ có nhiều phim, ảnh ghi lại sự kiện đó. Trong đó có những góc quay hay bức ảnh chi tiết, hoặc những góc quay hay bức ảnh khái quát toàn bộ hoặc một phần sự kiện.

+ Về mức độ tin cậy.

Vận dụng tiêu chuẩn này để đánh giá TLNN nói chung và đặc biệt là tài liệu ảnh nói riêng là một vấn đề hết sức quan trọng bởi trên thực tế tài liệu ảnh thường không được chú thích cẩn thận hay không có tài liệu giấy kèm theo. Đối với tài liệu ảnh, một vấn đề quan trọng bậc nhất là xem nội dung của tấm ảnh có thể hiện bản chất của sự kiện không, có thật sự tin cậy không.

+ Về Tiêu chuẩn thông tin mới:

Những tấm ảnh hay những thước phim ghi lại những sự việc, sự kiện như các lễ kỉ niệm diễn ra hàng năm hay các năm chẵn, cần phải chú ý đến những thông tin mới mà nó phản ánh. Lễ kỉ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9, kỷ niệm ngày Chiến thắng 30-4 các năm chẵn thường có duyệt binh, diễu hành, số lượng người tham gia đông, trình diễn các loại vũ khí mới, nội dung các diễn văn chào mừng cũng khác... Như vậy, cùng một sự kiện kỷ niệm nhưng vào các dịp kỷ niệm khác nhau sẽ mang lại những thông tin mới. Chính vì vậy khi xây dựng danh mục thành phần tài liệu nghe – nhìn, cần chú ý thông tin mới qua những sự kiện lặp lại hàng năm.

+ Về Tiêu chuẩn tài liệu chữ viết kèm theo:

Giá trị một tài liệu chỉ được công nhận, khẳng định và nhân lên khi có lời chú thích đầy đủ và đáng tin cậy. Một bức ảnh nếu không có lời chú thích sẽ là một bức ảnh câm, một cuộn băng ghi âm nhưng không xác định được ai phát biểu, phát biểu ở đâu, khi nào v.v sẽ không có giá trị vì chúng ta không thể hiểu hết nội dung, bản chất sự kiện được ghi trên ảnh hay thể hiện trong băng ghi âm.

+ Về Tiêu chuẩn các góc quay, các kiểu ảnh:

Thông thường một sự kiện, hiện tượng nào đó thường được các nhà quay phim, nhiếp ảnh ghi lại ở nhiều góc độ khác nhau. Mỗi một lần bấm máy ở những góc độ khác nhau như vậy đều tạo nên một kiểu phim, ảnh. Những kiểu phim, ảnh đó tất nhiên không trùng nhau và khi hợp lại sẽ cho ta thấy được một bức tranh tổng thể ở nhiều bình diện khác nhau.

+ Về Tiêu chuẩn nghệ thuật: TLNN (mà chủ yếu là phim điện ảnh, nhiếp ảnh) khác với tài liệu hành chính, tài liệu kỹ thuật ở chỗ nó vừa mang tính thời sự, vừa có tính nghệ thuật. Do vậy, tiêu chuẩn nghệ thuật là một trong những tiêu chuẩn đặc thù để xác định giá trị TLNN. Một bộ phim, một bức ảnh có giá trị nghệ thuật cao phải mang lại xúc cảm cho người xem, tạo được nhiều ấn tượng sâu sắc [4 - 6, 33-37].

3.2.2. Cơ sở thực tiễn về tài liệu

Để có cơ sở xây dựng Danh mục thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG Việt Nam, ngoài cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý, tác giả đặc biệt quan tâm đến việc khảo sát, nghiên cứu cơ sở thực tiễn ở một số cơ quan trung ương, đặc biệt là các cơ quan có trách nhiệm sản xuất tài liệu lưu trữ nghe nhìn như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam ... và cho rằng đây là cơ sở vô cùng quan trọng. Cơ sở thực tiễn đó chính là thành phần nội dung TLNN đã và đang được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan.

- *TLNN trước Cách mạng tháng Tám 1945*: Qua khảo sát TLNN ở các cơ quan Trung ương, thấy rằng một số cơ quan như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam... đã thu thập, bảo quản và sử dụng một số TLNN trước Cách mạng tháng Tám 1945 nhưng chủ yếu là tài liệu ảnh. Nội dung chủ yếu của khối tài liệu này về đời sống của nhân dân ta, sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp, đặc biệt là quá trình khai thác khoáng sản thiên nhiên, các cây công nghiệp; hình ảnh quân đội Nhật hoàng chiếm Đông Dương... Trong khối ảnh về phong cảnh, có nhiều ảnh về sinh hoạt ở các thành phố lớn và một số làng quê Việt Nam. Chân dung của nhiều quan lại Pháp, quan lại Việt Nam cũng được lưu giữ khá nhiều. Đặc biệt, khối ảnh chân dung về các nhà cách mạng Việt Nam như Nguyễn Ái Quốc, Lê Duẩn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập ... do thực dân Pháp truy nã, xét xử...

Khối tài liệu phim điện ảnh, tài liệu nghi âm không có. Nguyên nhân của sự thiếu vắng này chủ yếu là do điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ khoa học kỹ thuật phát triển mức thấp. Bên cạnh đó, điều kiện khí hậu khắc nghiệt đã làm hủy hoại nhiều tài liệu.

- *TLNN sau Cách mạng tháng Tám*

+ *Trong các cơ quan trung ương không thuộc diện sản xuất TLNN*. Qua khảo sát ở một số cơ quan như Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư... thấy rằng, TLNN không có nhiều ở các phòng lưu trữ mà chủ yếu ở các phòng ban. Mỗi cơ quan đều có 4 nhóm TLNN chính thuộc lĩnh vực hoạt động của cơ quan. *Nhóm thứ nhất*: Tài liệu về Đại hội, hội nghị, hội thảo. Đó là tài liệu về các kì đại hội Đảng, Đại hội Công đoàn, Đoàn Thanh niên; các hội nghị lớn toàn ngành hay của cơ quan; các cuộc hội thảo khoa học trong nước và quốc tế... *Nhóm thứ hai*: Hoạt động của lãnh đạo cơ quan. Đây là những tài liệu trong các chuyến đi công tác trong và ngoài nước, các hoạt động chuyên môn của lãnh đạo cơ

quan. *Nhóm thứ ba* là hoạt động chung của ngành/cơ quan (văn nghệ, thể thao, hoạt động từ thiện, tham quan, du lịch, nghỉ mát và các hoạt động khác). *Nhóm tài liệu thứ tư* phản ánh hoạt động chuyên môn của ngành đó. Ví dụ: Tài liệu về hoạt động trong ngành Giáo dục, ngoài 3 nhóm tài liệu trên, có nhóm: *Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Giáo dục*. Trong nhóm này có một số tài liệu về một số nội dung như: Hoạt động Giáo dục Mầm non (Nhà trẻ; mẫu giáo); Hoạt động Giáo dục Phổ thông (Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông); Hoạt động Giáo dục Nghề nghiệp (Dạy nghề; Trung học chuyên nghiệp); Hoạt động Giáo dục Đại học và sau Đại học (Cao đẳng; Thạc sĩ; Tiến sĩ...)

+ *Nhóm cơ quan trung ương có chức năng sản xuất TLNN* như: Đài truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam ... Kết quả khảo sát nội dung tài liệu thấy rằng, ngoài 4 nhóm nội dung tài liệu trên đây, các cơ quan này còn có thêm một khối lượng khá lớn TLNN phản ánh nhiều sự kiện chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội của đất nước ta từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay. Một số nhóm tài liệu nghe- nhìn chính như:

* *Cách mạng tháng Tám 1945 và xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền Cách mạng*. Trong nhóm tài liệu này có một số ít hình ảnh về chuẩn bị khởi nghĩa; khởi nghĩa giành chính quyền ở các địa phương như Hà Nội, Sài Gòn..., tổ chức Lễ Tuyên bố Độc lập 2 tháng 9 năm 1945 tại Hà Nội; tổng Tuyển cử bầu Quốc hội - các kỳ họp I, II, của Quốc hội khóa I; bảo vệ thành quả cách mạng; các cuộc đấu tranh ngoại giao; Phong trào Nam tiến để ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Miền Nam; các phong trào quần chúng ủng hộ Cách mạng, Tuần lễ Vàng, phong trào rộng khắp về thanh toán nạn mù chữ (diệt giặc đói)...

* *Các hoạt động chính trị*. Hoạt động của chính quyền các cấp như một số phiên họp của Hội đồng Chính phủ; các hội nghị, các cuộc họp của các ban, ngành Trung ương; các phiên họp, hội nghị của chính quyền các tỉnh vùng

tự do. Hoạt động của các đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, các phong trào quần chúng thi đua ái quốc của các ngành địa phương, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua công, nông, binh năm 1951 cũng được phản ánh trong tài liệu.

* *Các hoạt động quân sự*: Những hình ảnh về những ngày tháng đầu toàn quốc kháng chiến, các chiến dịch quân sự và các trận đánh lớn; phong trào du kích ở các nơi, dân công hỏa tuyến, các công binh xưởng; tội ác của giặc Pháp và tay sai đối với nhân dân ta; hình ảnh về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ; quân Pháp rút khỏi Việt nam; các chiến sĩ cách mạng miền Nam tập kết ra Bắc và tiếp tục lao động trên mọi miền Tổ quốc. Tiếp theo, những hình ảnh về các hoạt động quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở cả hai miền Nam Bắc; các hình ảnh, thước phim về hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây nam và biên giới phía Bắc... Các hình ảnh về tổng động viên, tuyển quân, rút quân khỏi Căm-pu-chia cũng được ghi lại khá đầy đủ.

* *Các hoạt động Kinh tế*: Trong hoạt động kinh tế, hình ảnh về một số lĩnh vực được ghi lại như: Nông- lâm nghiệp, thủy lợi, hải sản, công nghiệp, giao thông vận tải...

* *Các hoạt động Văn hóa - xã hội - thông tin*: Nhiều hình ảnh phản ánh hoạt động nhiều mặt của lĩnh vực giáo dục, nghệ thuật, Y tế, Thể dục thể thao, Phát thanh, Truyền hình...

Riêng trong lĩnh vực nhiếp ảnh, ngoài những khối ảnh trong các cơ quan, tổ chức phản ánh ở mức độ khác nhau những nội dung trên đây, còn có một số loại ảnh mang tính chất đặc thù như ảnh chân dung. Đây là chân dung các vị lãnh đạo Đảng và nhà nước, các anh hùng lao động, anh hùng quân đội, các chiến sĩ tiêu biểu trên các mặt trận; các nhà khoa học, văn nghệ sĩ tiêu biểu; chân dung các cá nhân tiêu biểu trong các lĩnh vực hoạt động khác của xã hội; chân dung các nhân vật lịch sử thuộc chính quyền thân Pháp, thân Mỹ...

Trong ảnh phong cảnh có phong cảnh thiên nhiên; di tích lịch sử - văn hoá nhiều vùng miền của Tổ quốc; ảnh phong cảnh nông nghiệp, nông thôn vùng tự do, vùng mới giải phóng Cao - Bắc - Lạng; cảnh sinh hoạt ở chiến khu Việt Bắc; Liên khu IV, Thừa Thiên và các vùng tự do khác; cảnh các thành phố, nông thôn trên nhiều vùng miền của Tổ quốc...

* *Ngoại giao - hợp tác quốc tế.* Khối ảnh về ngoại giao, hợp tác quốc tế chiếm một khối lượng đáng kể. Đó là tài liệu về Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ ngành...tiếp đón, hội đàm, dự các hội nghị trong nước; các chuyến đi thăm và làm việc của lãnh đạo ở nước ngoài...

Qua kết quả khảo sát thành phần TLNN ở các cơ quan trung ương có thể thấy rằng khối lượng tài liệu ở các cơ quan đó không nhiều về số lượng và không phong phú về nội dung. Tài liệu chủ yếu ở các phòng ban; số lượng tài liệu bảo quản tại lưu trữ cơ quan không có nhiều. Ở các cơ quan trung ương có chức năng sản xuất TLNN còn lại, bên cạnh những nhóm tài liệu trên còn bảo quản một khối lượng tài liệu trước và sau Cách mạng tháng Tám phản ánh nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Đây là khối tài liệu quý và có giá trị về nhiều mặt của chúng ta.

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã nghiên cứu cơ sở lý luận xác định tiêu chuẩn về nguồn nộp lưu TLNN, trong đó đã nghiên cứu sâu về tiêu chuẩn mục đích, chức năng và nhiệm vụ chính của cơ quan là tổ chức sản xuất và lưu giữ tài liệu nghe nhìn; Tiêu chuẩn đối tượng phản ánh và số lượng tài liệu hiện có; Tiêu chuẩn tính toàn vẹn thông tin trong các tài liệu nghe nhìn. Tuy nhiên, để có cơ sở khoa học khi xây dựng danh mục cơ quan là nguồn nộp lưu vào các TTLTQG, tác giả dành sự quan tâm đặc biệt để nghiên cứu cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của các nguồn. Trên cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn, tác giả cho rằng, một số cơ quan có chức năng sản xuất và lưu giữ TLNN là nguồn nộp lưu nhưng cách thức nộp lưu, thành

phần tài liệu nộp lưu cần được nghiên cứu kỹ, xem xét, chọn lọc. Trong quá trình xác định nguồn nộp lưu, phải chú ý đến hoạt động thực tế của cơ quan, tính pháp lý; vị trí, chức năng của nó trong hệ thống cơ quan Nhà nước. Nếu những yếu tố trên không đủ cơ sở thì không thể đưa vào danh mục nguồn nộp lưu. Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 thấy rằng, các cơ quan sản xuất TLNN như Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói, Thông tấn xã Việt Nam cần nộp lưu tài liệu đã số hóa và gửi báo cáo, thống kê, danh mục tài liệu có giá trị cho các TTLTQG. Riêng Viện Phim Việt Nam, với thực tiễn cơ sở pháp lý và điều kiện bảo quản mọi mặt hiện nay, không thuộc nguồn nộp lưu vào các TTLTQG, tuy nhiên có trách nhiệm báo cáo thống kê tài liệu hàng năm về các TTLTQG;

Để có cơ sở khoa học xác định được tiêu chuẩn về thành phần TLNN, cần thiết phải nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của nó. Đặc biệt cần phải biết vận dụng các phương pháp sử liệu học, phương pháp thông tin và phương pháp hệ thống. Bên cạnh đó cần phải nghiên cứu, vận dụng những tiêu chuẩn xác định giá trị tài liệu nghe – nhìn như tiêu chuẩn xuất xứ, nhóm tiêu chuẩn nội dung, nhóm tiêu chuẩn đặc điểm bề ngoài. Qua nghiên cứu cơ sở pháp lý thấy rằng, ngay từ khi mới thành lập nước Việt Nam DCH, nhà nước ta đã quan tâm đến việc bảo quản tài liệu trong đó có TLNN. Những năm sau này, mặc dù Nhà nước tiếp tục quan tâm đến thu thập, bảo quản tài liệu lưu trữ nhưng không có văn bản nào đề cập, dù là gián tiếp đến thành phần TLNN. Qua kết quả khảo sát tài liệu ở các TTLTQG và Lưu trữ một số bộ ngành thấy rằng khối lượng TLNN không lớn; có đủ các loại hình: Phim, ảnh ghi âm, ghi hình. Nội dung TLNN phản ánh nhiều mặt hoạt động: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... của chính quyền trung ương của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của Việt Nam Cộng hòa trước đây. Đây là cơ sở thuận lợi và quan trọng để xây dựng Tiêu chuẩn về thành phần tài liệu nghe- nhìn.

Quá trình nghiên cứu các tiêu chuẩn về thành phần TLNN thấy rằng, Tiêu chuẩn nội dung tài liệu là quan trọng nhất. Bên cạnh đó, 2 tiêu chuẩn về hình thức tài liệu cũng như xuất xứ tài liệu cũng cần được nghiên cứu, xem xét và vận dụng bởi nếu đáp ứng được cả những tiêu chuẩn đó thì tài liệu sẽ có giá trị hơn. Để có cơ sở sau này đề xuất danh mục thành phần TLNN cần nộp lưu, trong Chương 3 đã tổng hợp được những nội dung chính, những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... được phản ánh trong TLNN ở các cơ quan trung ương.

Kết quả nghiên cứu cơ sở để xác định nguồn nộp lưu và thành phần nộp lưu sẽ là cơ sở quan trọng để nghiên cứu phương pháp xây dựng Danh mục nguồn và Danh mục thành phần tài liệu điển hình cần nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam.

Chương 4

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC NGUỒN VÀ DANH MỤC THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM

4.1. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC NGUỒN NỘP LƯU TÀI LIỆU NGHE NHÌN VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA

4.1.1. Mục đích, ý nghĩa

Danh mục nguồn nộp lưu TLNN là Danh mục để các TTLTQG làm căn cứ xem xét, nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện trình Cục VTLTNN thẩm định. Sau khi thẩm định, Cục VTLTNN trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt, ban hành. Quyết định ban hành Danh mục các cơ quan là nguồn nộp lưu TLNN là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan trung ương thực hiện việc lựa chọn, giao nộp vào các TTLTQG. Đồng thời các TTLTQG có cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch làm việc với các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu mình.

4.1.2. Phương pháp xây dựng

Theo qui định của Nhà nước hiện nay, việc thực hiện xây dựng Danh mục nguồn nộp lưu thuộc trách nhiệm của các TTLTQG do các Trung tâm Lưu trữ quốc gia theo thẩm quyền của mình có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan lựa chọn tài liệu để nộp lưu. Chính vì vậy, họ có điều kiện hiểu rõ được chức năng nhiệm vụ, điều kiện kho tàng, nhân lực, thành phần nội dung tài liệu, đặc biệt là TLNN. Để có thể xây dựng được Danh mục các nguồn nộp lưu, các TTLTQG trước hết phải căn cứ vào thẩm quyền quản lý tài liệu theo thời kỳ lịch sử, theo phạm vi địa lý đã được quy định trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ví dụ, TTLTQG III được giao quản lý tài liệu của các cơ quan trung ương từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 tới nay và về phạm vi địa lý, từ tỉnh Quảng Bình trở ra phía Bắc. Trên cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và đặc biệt là cơ sở thực tiễn đã phân tích trên đây, việc xây dựng được Danh mục nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn nộp vào lưu trữ lịch sử cần thực hiện theo các bước sau đây:

Bước 1. Nghiên cứu chức năng nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước; phát hiện những cơ quan, tổ chức có sản xuất hoặc lưu giữ nhiều TLNN để làm phương tiện hoạt động chính. Ở bước này, cần lưu ý đến những vấn đề sau:

- Việc ghi chép, truyền đạt thông tin bằng hình ảnh và âm thanh có phải là chức năng chính của cơ quan, tổ chức hay không;
- Vị trí, vai trò của cơ quan, tổ chức trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước và trong hệ thống ngành;
- Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- Thời gian thành lập;
- Phạm vi hoạt động, chuyên đề phản ánh ...

Kết quả nghiên cứu của bước 1 là Danh mục sơ bộ các cơ quan, tổ chức có sản xuất và lưu giữ TLNN để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Bước 2. Nghiên cứu khảo sát trực tiếp các cơ quan, tổ chức theo Danh mục sơ bộ đã lập ở bước 1 với các nội dung chính như sau:

- Xác định tên đơn vị tổ chức, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trực tiếp sản xuất và lưu giữ TLNN;
- Tìm hiểu xuất xứ khối TLNN hiện có do cơ quan tự sản xuất hay do sưu tầm hoặc sao chép lại từ các nguồn khác;
- Các thể loại và loại hình TLNN (tài liệu ảnh; phim điện ảnh, phim thời sự, tài liệu, khoa học, nghệ thuật...; tài liệu ghi âm, băng ghi hình ...);
- Đối tượng, phạm vi phản ánh của TLNN hiện có;
- Số lượng khối tài liệu (tổng số và số lượng hình thành hàng năm) và mức độ đầy đủ theo thành phần bộ (bản gốc, bản phát hành, tài liệu giấy đi kèm);
- Mức độ tin cậy của tài liệu (bản gốc, bản sao, có đủ thuyết minh không?);
- Tình trạng kỹ thuật;
- Sơ bộ về giá trị lịch sử và thực tiễn của khối tài liệu...

Kết quả của bước 2 là dự thảo Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử với hai nhóm: nguồn nộp lưu thường xuyên và nguồn nộp lưu không thường xuyên.

Bước 3. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử theo trình tự sau:

- Trình Hội đồng xác định giá trị tài liệu của lưu trữ lịch sử để xem xét, đánh giá và thông qua danh mục đó;

- Người đứng đầu lưu trữ lịch sử trình Hội đồng Thẩm tra xác định giá trị tài liệu của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để thông qua (đối với TTLTQG là Cục VTLTNN);

- Người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình cấp có thẩm quyền ký quyết định ban hành. Đối với các TTLTQG thì Danh mục nguồn nộp lưu tài liệu phải do Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt; đối với Trung tâm lưu trữ tỉnh thì nguồn nộp lưu tài liệu vào phải do Chủ tịch tỉnh ký quyết định ban hành.

Một số lưu ý khi thực hiện các bước trên như sau:

Thứ nhất: Việc xây dựng và ban hành Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu TLNN vào lưu trữ lịch sử có thể được kết hợp với việc xây dựng và ban hành Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu tài liệu nói chung (bao gồm cả tài liệu giấy và TLNN) vào lưu trữ lịch sử. Trong trường hợp này cần có sự phân nhóm các cơ quan mà có TLNN thường xuyên nộp lưu vào lưu trữ lịch sử, hoặc có hướng dẫn cụ thể về thành phần tài liệu phải nộp lưu của từng cơ quan hoặc từng nhóm cơ quan.

Thứ hai: Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu TLNN (hoặc tài liệu nói chung) vào lưu trữ lịch sử cần phải được bổ sung, sửa đổi khi các cơ quan, tổ chức trong Danh mục có thay đổi về tên gọi, hoặc không có TLNN để nộp lưu nữa (vì thay đổi chức năng nhiệm vụ chẳng hạn). Đồng thời những cơ quan, tổ chức có thể đang từ nguồn nộp lưu thường xuyên TLNN chuyển sang nhóm những cơ quan, tổ chức là nguồn nộp lưu không thường xuyên, hoặc ngược lại [36].

4.1.3. Danh mục nguồn nộp lưu tài liệu nghe nhìn vào các TTLTQG

Cách thức giao nộp tài liệu nghe nhìn đối với các cơ quan sản xuất và lưu giữ TLNN được thực hiện theo phân tích ở Mục 3.1.2.1 (Chương 3).

- Đối với *nguồn nộp lưu thường xuyên*: Đó là các cơ quan trực tiếp sản xuất và lưu giữ TLNN, hàng năm họ cần nộp lưu khối tài liệu đã số hóa vào Lưu trữ quốc gia. Đối với khối tài liệu còn lại, cần gửi báo cáo thông kê tài liệu cho TTLTQG.

- Đối với *nguồn nộp lưu không thường xuyên*: Đó là nhóm cơ quan còn lại thuộc danh mục nguồn nộp lưu tài liệu vào các TTLTG. Khi nộp lưu tài liệu giấy, những cơ quan đó đồng thời nộp luôn TLNN có giá trị đã được lựa chọn. Trong trường hợp chưa đến lượt nộp lưu tài liệu giấy nhưng có nhu cầu nộp TLNN, cơ quan đó vẫn có thể làm các thủ tục cần thiết để liên hệ nộp lưu. Tất nhiên, trước khi giao nộp tài liệu, các cơ quan đó cần phải làm các thủ tục cần thiết theo qui định trong việc lựa chọn tài liệu nộp lưu.

Hiện nay, Viện Phim Việt Nam là cơ quan lưu trữ phim đặc thù, do có đầy đủ các điều kiện cần thiết từ yếu tố pháp lý, kho tàng, thiết bị, nhân lực, trình độ cán bộ nên Viện Phim chỉ cần hàng năm gửi báo cáo thông kê danh mục Phim đang bảo quản tại Viện cho cơ quan quản lý nhà nước biết.

4.1.3.1. Nguồn nộp lưu thường xuyên

(nộp lưu tài liệu đã được số hóa cùng với danh mục tài liệu có giá trị còn lại):

1. Đài Truyền hình Việt Nam
2. Đài Tiếng nói Việt Nam
3. Thông tấn xã Việt Nam

4.1.3.2. Nguồn nộp lưu không thường xuyên:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ; các cục, ban có chức năng quản lý nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; các cơ quan sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tập đoàn, tổng công ty nhà nước có TLNN có giá trị.

Các Bộ, cơ quan ngang bộ

1. Văn phòng Quốc hội
2. Văn phòng Chủ tịch nước
3. Tòa án nhân dân tối cao
4. Kiểm toán Nhà nước
5. Văn phòng Chính phủ
6. Thanh tra Chính phủ
7. Bộ Quốc phòng
8. Bộ Công an
9. Bộ Ngoại giao
10. Bộ Nội vụ
11. Bộ Tư pháp
12. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
13. Bộ Tài chính
14. Bộ Công thương
15. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
16. Bộ Giao thông Vận tải
17. Bộ Xây dựng
18. Bộ Tài nguyên và Môi trường
19. Bộ Thông tin và Truyền thông
20. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
21. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
22. Bộ Khoa học và Công nghệ
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo
24. Bộ Y tế
25. Ủy ban Dân tộc
26. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

b) Các cơ quan thuộc chính phủ

1. Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
2. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
4. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
5. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

c) Một số cục, ban có chức năng quản lý nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (ví dụ):

1. Ban Tôn giáo Chính phủ
2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương
3. Tổng cục Thống kê
4. Tổng cục Thuế
5. Tổng cục Năng lượng
6. Tổng cục Đường bộ Việt Nam
7. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng

.....

d) Một số cơ quan sự nghiệp công lập thuộc bộ/ cơ quan ngang bộ/ cơ quan thuộc Chính phủ (ví dụ):

1. Học viện Tài chính
2. Trường Đại học Thủy lợi
3. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
4. Trường Đại học Ngoại thương
5. Bệnh viện Bạch Mai
6. Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức
7. Đại học Quốc gia Hà Nội
8. Viện Chiến lược Ngân hàng
9. Báo Ảnh Việt Nam

.....

đ) Một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước

1. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
2. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
3. Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
4. Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy
5. Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin)
6. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro Vietnam)
7. Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam (Vinachem)
8. Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex)
9. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
10. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
11. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

.....

4.2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM

4.2.1. Mục đích, ý nghĩa

Danh mục thành phần TLNN phục vụ cho việc lựa chọn những tài liệu có giá trị, đúng mục đích, nội dung cần cho việc bảo quản vĩnh viễn.

Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn tiêu biểu dưới đây được lập nên qua kết quả khảo sát ở một số TTLTQG, lưu trữ một số bộ, ban, ngành. Danh mục thành phần tài liệu này về cơ bản phản ánh được những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước kể từ khi tài liệu nghe nhìn xuất hiện ở nước ta còn lưu giữ được nhưng nhiều tài liệu vẫn chưa được nộp vào lưu trữ lịch sử. Bên cạnh đó, Danh mục tài liệu này thể hiện được hoạt động chính của các ngành, lĩnh vực hoạt động của nhà nước ta. Cần phải nghiên cứu nguyên tắc xây dựng Danh mục thành phần TLNN

4.2.2. Nguyên tắc xây dựng Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn

Ngoài các nguyên tắc chung như nguyên tắc lịch sử, nguyên tắc tổng hợp và toàn diện; trong Danh mục, nguyên tắc phân loại tài liệu nghe nhìn theo ngành, lĩnh vực hoạt động được coi là nguyên tắc cơ bản nhất.

Dựa trên yêu cầu về tiêu chuẩn TLNN, trước hết cần phải phân tài liệu theo ngành, lĩnh vực theo nguyên tắc từ chung đến riêng, từ lớn đến nhỏ, từ khái quát đến chi tiết, đến mức độ có thể tìm thấy một vấn đề cụ thể nào đó. Có thể phân TLNN theo 3, 4 cấp độ hoặc nhiều hơn. Số lượng cấp độ tài liệu nông sâu phụ thuộc vào sự phát triển của ngành, lĩnh vực đó cũng như phụ thuộc vào số lượng tài liệu. Ví dụ, ngành Giáo dục hoặc ngành Y. Trên thực tế có thể phân các cấp độ tài liệu thành 4,5 hoặc có thể 6 cấp độ do sự phát triển của ngành đó cũng như do số lượng tài liệu hiện có ở Lưu trữ bộ ngành đó.

Ngoài ra, việc phân cấp độ tài liệu cũng cần phải tính tới xu hướng phát triển của lĩnh vực nào đó. Có thể hiện tại, lĩnh vực đó chưa thành một ngành nhưng phân tích xu hướng phát triển của lĩnh vực đó phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế nước ta trong tương lai gần thì có thể xây dựng thành một lĩnh vực. Ví dụ lĩnh vực Dịch vụ Công cộng. Trong đó có nhiều lĩnh vực nhỏ đang ngày càng phát triển với tốc độ nhanh như: Nhà ở, cấp điện, cấp thoát nước, cung cấp khí đốt, công viên, vệ sinh đô thị, nghĩa trang...

+ *Cấp độ tài liệu thứ nhất.* Trong cấp độ này, thành phần tài liệu theo các ngành, các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội trong phong Lưu trữ quốc gia Việt Nam được phản ánh trong tài liệu lưu trữ nghe nhìn. Về nguyên tắc, thông tin trong TLNN cũng như các vật mang tin khác đều chứa thông tin thuộc một ngành hay lĩnh vực nào đó và ở một cấp độ nào đó. Thông tin với thuộc tính của nó phải phản ánh một vấn đề gì đó nằm trong các ngành, lĩnh vực xã hội nên không thể có thông tin chung chung. Tài liệu lưu trữ nghe nhìn là một thành phần quan trọng của Phong Lưu trữ Quốc gia Việt Nam nên ở các mức độ khác nhau, nó phản ánh các thông tin về hoạt động của các ngành, các lĩnh vực. Hiện nay, khi nghiên cứu Khung Phân loại Thông tin tài liệu sau Cách mạng tháng Tám 1945 tới nay, thấy rằng, một số đề mục chính như: Quân sự, Công an, Ngoại giao, Lao động – Xã hội, Giáo

dục, Văn hóa – Thông tin, Y tế, Nông nghiệp, Thủy lợi, Công nghiệp...có thể được nghiên cứu, vận dụng khi xây dựng Danh mục thành phần tài liệu. Đây là nhóm tài liệu lớn nhất, chung nhất và ta có thể gọi đây là nhóm tài liệu *cấp độ 1*. Tuy nhiên, việc lượng hóa các ngành, lĩnh vực hoạt động xã hội (cấp độ 1) cũng chỉ mang tính chất tương đối vì việc phân chia các đề mục không thể đáp ứng, không thể thỏa mãn được với sự đồng nhất của cách phân chia ngành, lĩnh vực hiện tại của bộ máy nhà nước. Trong thực tế ở các TTLTQG, các cơ quan nhà nước ở trung ương, đặc biệt là các cơ sở sản xuất, lưu giữ tài liệu nghe nhìn, TLNN ở dạng cấp độ 1 nói trên khá nhiều. Chính vì vậy, cấp độ tài liệu thứ nhất là cần thiết, quan trọng và bắt buộc phải thực hiện khi xây dựng danh mục thành phần tài liệu nộp lưu.

+ *Cấp độ tài liệu thứ hai*: Thành phần tài liệu theo mặt hoạt động

Từ cấp độ tài liệu thứ 2 trở đi, trong quá trình xây dựng danh mục TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG, cần chú ý tới những tài liệu thật sự có giá trị bảo quản vĩnh viễn. Phải xác định đây là những tài liệu có ý nghĩa lịch sử, thể hiện được những dấu mốc quan trọng của quốc gia, dân tộc, của một bộ, ngành, cơ quan nào đó.

Trong cấp độ tài liệu thứ 2 này, qua khảo sát tài liệu ở các TTLTQG và ở một số cơ quan trung ương, nội dung TLNN trong cấp 2 của tất cả các ngành, lĩnh vực đều được phân thành 4 nhóm lớn là:

1. *Đại hội, hội nghị, hội thảo;*
2. *Hoạt động của lãnh đạo cơ quan;*
3. *Hoạt động chung của ngành/cơ quan (văn nghệ, thể thao, hoạt động từ thiện, tham quan, du lịch, nghỉ mát, các hoạt động khác)*
4. *Hoạt động chuyên môn của ngành đó.*

Qua nghiên cứu nội dung tài liệu của **nhóm thứ 1** (*Đại hội, hội nghị, hội thảo*), thấy rằng, đây là những tài liệu phản ánh những kì đại hội, hội nghị hay hội thảo của chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên của cơ quan đó. Nếu không lựa chọn nhóm tài liệu này thì sẽ không có cơ sở để nghiên cứu, tìm hiểu hoạt động các mặt của những cơ quan đó.

Bất cứ cơ quan nào cũng đều có nhóm tài liệu này chung này. Chúng ta không cần lập danh mục tài liệu tất cả những sự kiện đó mà cần có sự lựa chọn theo tiêu chuẩn nội dung đã quy định. Ví dụ, hàng năm, Bộ Giao thông vận tải tiến hành nhiều cuộc hội nghị, hội thảo khác nhau như tổng kết năm, sơ kết 6 tháng, quý, tháng hoặc có nhiều hội nghị, hội thảo với các cơ quan tổ chức trong và ngoài nước v.v.. Trong trường hợp này, chúng ta chỉ lựa chọn một số tài liệu trong nhóm *Hội nghị, hội thảo* như: Hội nghị tổng kết công tác năm của Bộ Giao thông vận tải; Hội thảo khoa học do Bộ tổ chức; Hội nghị quốc tế/ song phương/ đa phương về lĩnh vực giao thông vận tải v.v. Khối tài liệu nghe nhìn còn lại như hội nghị sơ kết công tác, quý, tháng, hội thảo khoa học thường kỳ... sẽ được bảo quản tại cơ quan Bộ.

Trong **nhóm thứ 2** (*Hoạt động của lãnh đạo cơ quan*), đây cũng là nhóm tài liệu có nội dung quan trọng do nó phản ánh hoạt động của chính lãnh đạo cơ quan đó, qua đó thể hiện được nội dung, tính chất, phạm vi hoạt động của ngành, lĩnh vực đó. Trong nhóm này, khối lượng TLNN thường có nhiều nên cần chú ý lựa chọn những tài liệu có giá trị để đưa vào danh mục. Ví dụ, hoạt động của bộ trưởng, thứ trưởng (trong nhiều trường hợp là cục trưởng, vụ trưởng...) tham dự hội nghị, kỳ họp, hội thảo như tài liệu trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội của Bộ trưởng / Thứ trưởng Bộ Giáo dục, Bộ Tài chính v.v.

- Những chuyến đi công tác trong và ngoài nước quan trọng. Ví dụ tài liệu về các chuyến đi công tác nước ngoài của Bộ trưởng Bộ Thương mại Trưng Đình Tuyên để đàm phán, kí kết các hiệp định thương mại.

- Tiếp khách, thăm và làm việc với các nhân vật quan trọng trong và ngoài nước. Ví dụ tài liệu về Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tới thăm, chúc tết Giáo sư, Anh hùng Lao động Vũ Khiêu; Bộ trưởng Bộ Tài chính tiếp đại diện Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế...

Trong **nhóm 3**: Hoạt động chung của ngành/cơ quan (*văn nghệ, thể thao, hoạt động từ thiện, tham quan, du lịch, nghỉ mát, các hoạt động khác*). Ngày nay, điều kiện sống của công chức, viên chức ngày càng được nâng cao. Việc tổ chức các cuộc liên hoan văn nghệ, thi đấu thể thao, tham quan, du

lich, nghỉ mát càng được chú trọng. Nhiều cơ quan hàng năm đều tổ chức các hoạt động đó, đặc biệt nhân dịp các ngày lễ kỉ niệm thành lập cơ quan, thành lập ngành. Hơn nữa, khi trình độ khoa học kĩ thuật phát triển, các phương tiện sản xuất TLNN ngày càng hiện đại, rẻ, dễ sử dụng cũng tạo điều kiện cho các cơ quan, cá nhân ghi lại được những khoảnh khắc quý giá và đáng nhớ đó. Khi đưa nội dung tài liệu này vào Danh mục, các TTLTQG, các cơ quan và người khai thác tài liệu sau này có thể tìm hiểu được đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức trong thời kì nào đó. Đây cũng là những tài liệu làm giàu thêm đời sống tinh thần của chính những cán bộ trong cơ quan đó và của những người thân của họ. Trên thực tế, nhóm tài liệu này thường có số lượng lớn nhưng nhiều tài liệu trong số đó không có giá trị bảo quản vĩnh viễn. Trong số này, chỉ lựa chọn những tài liệu thật sự có giá trị. Ví dụ, hoạt động văn nghệ: chỉ lựa chọn những tài liệu về hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng toàn bộ/ ngành/ cơ quan; Đoàn văn nghệ của Bộ/ ngành/ cơ quan đi dự thi, được mời đi biểu diễn ở trong và ngoài nước. Trong thể thao: chỉ lựa chọn tài liệu về hội thao toàn ngành; Đội tuyển tham gia thi đấu trong và ngoài nước. Về hoạt động tham quan, du lịch, nghỉ mát (tham quan, du lịch những địa danh lịch sử, danh lam thắng cảnh do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức; trong hoạt động nghỉ mát tập thể: chỉ lựa chọn một số hình ảnh đặc trưng, tiêu biểu của một số năm; Trong hoạt động từ thiện, chỉ lựa chọn những tài liệu về ủng hộ đồng bào ở các vùng bị thiên tai trong và ngoài nước, phong trào góp đá xây dựng biển đảo quê hương, ủng hộ nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam, ủng hộ Quỹ Tình thương, Quỹ Tấm lòng Vàng...

Trong **nhóm 4**: Hoạt động chuyên môn của ngành/lĩnh vực

Bất cứ ngành, lĩnh vực hoạt động nào cũng có tài liệu chuyên môn của ngành đó. Mức độ tài liệu nhiều hay ít còn phụ thuộc vào tính chất, qui mô của ngành đó. Những tài liệu phản ánh hoạt động chuyên môn của ngành đó có giá trị lớn, góp phần nghiên cứu lịch sử phát triển của ngành, giáo dục lòng yêu nghề cho các thế hệ. Ví dụ, những bức ảnh, bộ phim ghi lại cảnh trước đây học sinh phải học ở đình làng hay những gian nhà tranh tre, bàn ghế chỉ là

những tấm phen, đoạn tre, mảnh gỗ ghép lại. Nay tại chính những nơi đó, hình ảnh đã ghi lại được những trường học 3-4 tầng khang trang, bàn ghế gỗ đúng kích thước, bảng đen to rộng, những phòng máy vi tính cho các em học và vui chơi v.v. Trong ngành công nghiệp đóng tàu, trước đây ta chỉ có thể đóng được những con tàu bằng gỗ, tàu bê tông cốt thép hay tàu sắt trọng tải chỉ vài trăm tấn. Nay, ta đã xây dựng được những nhà máy đóng tàu hiện đại và đã đóng được những con tàu hàng vạn tấn v.v.

Trong Lưu trữ, mặt hoạt động thường được hiểu là nhóm lớn tài liệu phản ánh một mặt hoạt động riêng biệt nào đó của một cơ quan, một ngành hay lĩnh vực hoạt động. Ví dụ, Đề mục Ngành Nông nghiệp (cấp độ 1), bên cạnh 3 nhóm tài liệu chung ở trên mà bất cứ ngành, lĩnh vực nào cũng có, còn có các mặt hoạt động chính ở cấp độ 2 như: Giảm tô, Cải cách ruộng đất; Nông trường; Hợp tác xã nông nghiệp; Cải tạo đất; Giống; Phân bón; Trồng trọt; Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi; Thú y... Trong Đề mục Công nghiệp (cấp độ 1), mặt hoạt động lại có: Cơ khí; Luyện kim; Điện lực; Điện tử-tin học; Hóa chất v.v. Những nhóm tài liệu cấp độ 2 này thuộc cấp độ 1 vì chúng phản ánh nội dung bao trùm, nội dung lớn của cấp độ 1. Chính vì vậy, khi xây dựng danh mục thành phần tài liệu cho cấp độ 2 này, cần phải tìm hiểu nội hàm của thông tin cấp độ 1. Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước nên các mặt hoạt động trong một ngành, lĩnh vực cũng thường tăng lên, biến động, thay đổi cho phù hợp với sự phát triển. Ví dụ, trước đây trong Mục Công nghiệp (cấp độ 1), khi lĩnh vực công nghệ thông tin chưa ra đời, chưa phát triển thì chưa thể có Mục Công nghệ thông tin. Ngày nay, khi công nghệ thông tin trở thành một lĩnh vực, một mặt hoạt động quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội và có rất nhiều TLNN phản ánh về hoạt động đó thì tất nhiên phải có thành phần tài liệu này trong Danh mục của chúng ta. Nếu thiếu nó, chúng ta sẽ không thể nào biết được, hiểu được hoạt động của con người trong lĩnh vực đó cũng như những tác động của công nghệ thông tin đối với đời sống chúng ta. Nếu không lưu giữ những TLNN về nó, sau này chúng ta không thể hiểu biết được lịch sử phát triển của ngành công nghệ thông tin...

+ *Cấp độ tài liệu thứ ba*: Thành phần tài liệu theo vấn đề

Trong một mặt hoạt động lớn nào đó, tài liệu lại được phân thành cấp độ nhỏ hơn, đó là vấn đề. Ví dụ Trong Đề mục Nông nghiệp, mặt hoạt động Trồng trọt là thông tin có cấp độ 2. Trong Trồng trọt, do sự mở rộng, phát triển trồng nhiều loại cây nên có thể lại phân thêm một cấp thứ 3 như: Trồng lúa; Trồng cây công nghiệp; Trồng cây ăn quả; Trồng cây dược liệu...

+ *Cấp độ tài liệu thứ tư*: Cấp độ tài liệu được phân chia từ vấn đề đến vấn đề cụ thể hơn. Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng danh mục thành phần tài liệu, do tính chất, mức độ phát triển của ngành lĩnh vực đó cũng như số lượng tài liệu có thể còn lưu giữ được, chúng ta có thể được chia cấp độ thông tin xuống mức 4, ví dụ: Trong Cấp độ 1 của Văn hóa-Thông tin, có cấp độ 2 là Bảo tàng, Thư viện, Nghệ thuật...; trong Nghệ thuật lại có Hội họa; Âm nhạc, Sân khấu...; trong Sân khấu có thông tin cấp độ 4 như: Trang trí sân khấu; Kịch nói; Xiếc, Múa...

+ *Cấp độ tài liệu thứ năm*: Trong một số ngành, lĩnh vực, tùy theo sự phát triển của nó, một số nhóm tài liệu của cấp độ 4 có thể phân tiếp xuống tới cấp độ 5 như Múa; trong Múa có thể phân ra: múa Xòe, múa Sạp, múa Khèn... [34,35].

Để xác định được cấp độ giá trị của tài liệu trong nhóm hoạt động chuyên môn của ngành nào đó, chúng ta cần nghiên cứu kỹ chức năng, nhiệm vụ chính của ngành đó, những mốc lớn, những sự kiện lớn của ngành. Ví dụ tìm hiểu và xây dựng danh mục tài liệu về ngành Giao thông Vận tải (cấp độ 1 thuộc đề mục 15); trong đó *Hoạt động chuyên môn của ngành Giao thông Vận tải* (cấp độ 2):

- Đường sắt (cấp độ 3)

+ Ga (cấp độ 4): Hình ảnh các nhà ga lớn xây dựng thời thuộc Pháp (giai đoạn 1881-1936); các nhà ga xe lửa bị tàn phá trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ; những nhà ga mới xây ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...

+ Vận tải đường sắt: Đó là hình ảnh vận tải sau khi đường sắt Đông Dương đi vào hoạt động năm 1936; tàu hỏa vận chuyển bộ đội vào Nam Bộ tham gia kháng chiến cuối năm 1945; vận tải hàng hóa, hành khách trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

+ Đầu máy toa xe: Hình ảnh những đầu máy, toa xe đã vượt qua bom đạn để vận tải hàng hóa, bộ đội ra trận.

+ Duy tu, bảo dưỡng đường sắt: Hình ảnh đặc biệt của các thế hệ cán bộ Ngành Đường sắt vượt qua khó khăn, gian khổ, mưa bom bão đạn, bám trụ các cung đường ác liệt trong chiến tranh để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt...

- Những hình ảnh có giá trị về hoạt động trong xây dựng, hoạt động, các công trình lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực: đường bộ, đường biển, hàng không, an toàn giao thông, đảm bảo giao thông vận tải,

- Công trình giao thông: Hình ảnh về những công trình giao thông lớn, hiện đại, trọng điểm của quốc gia.

4.2.3. Phương pháp xây dựng Danh mục thành phần TLNN cho mỗi cơ quan

Qua việc sử dụng TLNN với nội dung trên trong những năm qua ở các cơ quan trung ương cũng như địa phương, nó đã thật sự có tác dụng to lớn trong việc góp phần làm tái hiện lịch sử đấu tranh bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước. Tuy nhiên những tài liệu đó hiện nay vẫn chưa được thu thập về các TTLT. Do vậy, những tài liệu đó cần phải đưa vào thành phần TLNN và nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử.

Để xây dựng được Danh mục chi tiết, cụ thể về thành phần TLNN ở cơ quan mình, trên cơ sở Danh mục mẫu thành phần TLNN và Danh mục các sự kiện lịch sử, các ngày lễ hội lớn có thể được phản ánh trong TLNN và đặc biệt TLNN phản ánh các hoạt động của cơ quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, cán bộ lưu trữ của cơ quan đó tiến hành chỉnh lý, lựa chọn, thống kê và lập mục lục TLNN của cơ quan mình.

Dựa trên những cơ sở khoa học, nguyên tắc, tiêu chuẩn đã phân tích cũng như căn cứ kết quả khảo sát thực tế tài liệu ở các cơ quan, tác giả bước đầu nghiên cứu xây dựng Danh mục mẫu TLNN cần nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia. Ngoại trừ Đề mục 1 và 2 mang tính đặc thù của 2 nhà nước cũng như tính chất riêng biệt của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp nên không đưa nội dung *Nhóm tài liệu hoạt động chung* của cơ quan. Nhóm tài liệu hoạt động chung gồm: Đại hội, hội nghị, hội thảo; Hoạt động của lãnh đạo cơ quan; Hoạt động chung của ngành/cơ quan. Trong danh mục, các Đề mục khác còn lại đều có *Nhóm tài liệu hoạt động chung*. Trên cơ sở Tiêu Đề mục mẫu số 3.3 của Đề mục 3 (*Hoạt động chung của ngành/cơ quan*), các Tiêu Đề mục còn lại căn cứ và nội dung hoạt động chính của ngành, lĩnh vực mình để xây dựng nội dung chi tiết theo các cấp độ phân loại tài liệu.

+ Đối với cơ quan nộp lưu thường xuyên: Do các cơ quan thuộc diện nộp lưu thường xuyên có thể có thành phần tài liệu về tất cả các ngành, lĩnh vực trên nên cần chú ý khảo sát toàn bộ nội dung tài liệu mình đang bảo quản. Bên cạnh đó cần quan tâm và thống kê 4 nhóm tài liệu do cơ quan mình sản sinh ra như đã phân tích trên đây. Đối với các cơ quan có chức năng sản xuất tài liệu nghe nhìn (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam...) thì ngoài việc lập Danh mục thành phần tài liệu về hoạt động của cơ quan mình, cần phải tiếp tục lập Danh mục thành phần tài liệu không thuộc hoạt động của cơ quan theo từng loại hình (ảnh, phim điện ảnh, ghi âm, ghi hình).

+ Đối với các cơ quan nộp lưu không thường xuyên: Trong nhóm này có thể phân thành 2 nhóm. Nhóm thứ nhất là một số bảo tàng và một số cơ quan báo chí. Trong nhóm thứ nhất này, thành phần tài liệu có thể có nội dung tổng hợp nhưng nộp không thường xuyên, ví dụ Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Báo Tiền phong... Nhóm thứ hai, đó là các cơ quan chỉ lập thành phần TLNN theo nội dung tài liệu mà cơ quan mình có (Ngành Giáo dục chỉ có tài liệu về giáo dục; Giao thông vận tải chỉ có tài liệu về giao thông vận tải...).

Phạm vi thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG trong Danh mục mẫu này chỉ bao gồm những thành phần tài liệu chủ yếu nhất của cơ quan sẽ là nguồn nộp lưu. Những nhóm tài liệu khác chưa được đề cập trong Danh mục thành phần này cần phải được tiếp tục bổ sung. Đối với thành phần tài liệu không có giá trị bảo quản vĩnh viễn thì cơ quan có trách nhiệm lưu trữ theo thời gian và theo nhu cầu sử dụng.

4.2.4. DANH MỤC MẪU THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN CẦN NỘP LƯU VÀO CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM

Dựa theo nhóm tiêu chuẩn về nội dung tài liệu, trên cơ sở khảo sát thành phần TLNN ở các cơ quan trung ương, tác giả bước đầu phân tích, tổng hợp Danh mục mẫu thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG Việt Nam.

Nguyên tắc sắp xếp của Danh mục: Theo nguyên tắc từ chung đến riêng. Ví dụ: Lĩnh vực tổ chức nhà nước là lĩnh vực chung, tác động tới tất cả các ngành, lĩnh vực nên được sắp xếp đầu tiên. Lĩnh vực chính trị, chính trị - xã hội được sắp xếp tiếp theo... Sau đó là các ngành, lĩnh vực cụ thể.

DANH MỤC MẪU THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN

1. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước:

1.1. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước VNDCCH/CHXHCNVN

- Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội và các tỉnh.
- Lễ Tuyên bố Độc lập 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội
- Đấu tranh ngoại giao.
- Các Phong trào quần chúng ủng hộ Chính phủ lâm thời (Thanh toán nạn mù chữ, Tuần lễ vàng, Tăng gia sản xuất...)
- Tổng tuyển cử Quốc hội đầu tiên (06/01/1946).
- Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất (25/4/1976).
- Hội nghị Hiệp thương Chính trị bàn về vấn đề thống nhất Việt Nam về mặt nhà nước (21/11/1975).

- Các kỳ họp Quốc hội, UBTW Quốc hội.
- Các cuộc bầu cử Quốc hội thường kỳ.
- Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội / các ủy ban của Quốc hội và các đoàn đại biểu Quốc hội (các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).
- Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Nước/ Hội đồng Nhà nước(các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).
- Các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân khu tự trị/ tỉnh.
- Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân khu tự trị/ tỉnh.
- Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND và đoàn Đại biểu QH các tỉnh (các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).
- Hoạt động của Chính phủ/ UBND các khu tự trị, các Liên khu/ UBND tỉnh(các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...)

1.2. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Tổ chức nhà nước VNCH

- Các cuộc tổng tuyển cử/ bầu cử Quốc hội/ Thượng nghị viện/ Hạ nghị viện.
- Các kỳ họp Quốc hội/ Thượng nghị viện/ Hạ nghị viện.
- Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội/ Thượng nghị viện/ Hạ nghị viện / Lưỡng viện Quốc hội (các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).
- Bầu Tổng thống/ Phó Tổng thống/ Quốc trưởng/ Chủ tịch ủy ban Lãnh đạo quốc gia /Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
- Hoạt động của Tổng thống/ Phó Tổng thống/ Quốc trưởng/ Chủ tịch ủy ban Lãnh đạo quốc gia /Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng(các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).
- Hoạt động của Phủ Tổng thống/ Phủ Chủ tịch/ Ủy ban Lãnh đạo quốc gia /Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng (các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).

- Hoạt động của Chính phủ/ Ủy ban Hành pháp TW (các chuyến đi thăm trong và ngoài nước, tiếp khách, dự Hội nghị, hội thảo...).

- Các cuộc trưng cầu ý dân.

2. Tài liệu về hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (đây là tài liệu của các tổ chức Đảng trong cơ quan, theo qui định của Luật Lưu trữ năm 2011 và các văn bản khác của Nhà nước vẫn nộp lưu vào các Lưu trữ lịch sử).

+ Đại hội, Hội nghị.

+ Hoạt động của Lãnh đạo các tổ chức Đảng, từ Bí thư chi bộ, các chi ủy viên đến Bí thư Đảng ủy và các đảng ủy viên các cấp. Ví dụ: Hoạt động của Đảng ủy Bộ Nội vụ, Đảng ủy Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Chi ủy TTLTQG I).

+ Hoạt động của các tổ chức Đảng từ cấp bộ, ngành tới cơ sở. Ví dụ: Hoạt động của Đảng bộ Bộ Nội vụ, Đảng bộ Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Chi bộ Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư Lưu trữ).

- Công đoàn Việt Nam (đây là tài liệu của các tổ chức Công đoàn trong cơ quan, theo qui định của Nhà nước vẫn nộp lưu vào các Lưu trữ lịch sử).

+ Đại hội, Hội nghị.

+ Hoạt động của Lãnh đạo Công đoàn các cấp.

+ Hoạt động của Công đoàn từ cấp bộ, ngành tới cơ sở.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (đây là tài liệu của tổ chức Đoàn Thanh niên trong cơ quan, theo qui định của Nhà nước vẫn nộp lưu vào các Lưu trữ lịch sử).

+ Đại hội, Hội nghị.

+ Hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ cấp bộ, ngành tới cơ sở. Ví dụ: BCH Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ Nội vụ, BCH Đoàn Thanh niên Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, BCH Đoàn Thanh niên TTLTQG I).

- Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

+ Đại hội, Hội nghị.

+ Hoạt động của Lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

+ Hoạt động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Mặt trận Liên – Việt.

- Hoạt động của các tổ chức xã hội.

- Hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tài liệu về hoạt động Quân sự

3.1. Đại hội, hội nghị, hội thảo.

3.2. Hoạt động của lãnh đạo cơ quan.

3.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Nội dung dùng tham khảo chung cho các ngành, lĩnh vực khác)

- Văn nghệ.

- Thể thao.

- Tham quan, du lịch, nghỉ mát.

- Hoạt động từ thiện như: Ủng hộ đồng bào ở các vùng bị thiên tai trong và ngoài nước, nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam, Quỹ Tình thương, Quỹ Tấm lòng Vàng...

3.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quân sự

- Tổng động viên

- Tập trận, duyệt binh

- Tuyển quân, huấn luyện

- Hậu cần

- Khu phi quân sự

- Căn cứ quân sự

- Trao trả tù binh, hàng binh, hài cốt

- Tiếp quản, quân quản

- Kháng chiến chống thực dân Pháp và Chính quyền thân Pháp:

+ Nam bộ kháng chiến; phong trào Nam tiến.

+ Toàn quốc kháng chiến

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ

- + Các chiến dịch quân sự và các trận đánh lớn khác chống thực dân Pháp và Chính quyền thân Pháp
 - + Hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam ở Lào và Campuchia
 - + Các công binh xưởng
 - + Các chiến sĩ cách mạng miền Nam tập kết ra Bắc
 - + Nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam
- Hoạt động quân sự của thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp:
 - + Các chiến dịch/ các cuộc hành quân/ càn quét của thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp
 - + Các hoạt động khác chống phá Cách mạng của thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp
 - + Tội ác của giặc Pháp và chính quyền thân Pháp đối với nhân dân ta
 - + Quân Pháp rút khỏi Việt Nam
- Kháng chiến chống đế quốc Mỹ và Chính quyền Việt Nam cộng hòa:
 - + Phong trào nổi dậy/ đồng khởi
 - + Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam (20.12.1960
 - + Chống chiến tranh phá hoại miền Bắc (1964 -1972)
 - + Chiến dịch Mậu Thân (1968)
 - + Các chiến dịch quân sự lớn
 - + Chiến dịch Đại thắng mùa xuân 1975
- Hoạt động quân sự của đế quốc Mỹ và Chính quyền Việt Nam cộng hòa chống VNDCCH
 - Chiến tranh biên giới Tây - Nam
 - Chiến tranh biên giới phía Bắc.

4. Tài liệu về hoạt động ngành Công an.

- 4.1. Các hội nghị của ngành
- 4.2. Hoạt động của lãnh đạo ngành/cơ quan
- 4.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

4.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Công an (*Phân theo các hoạt động chuyên môn chính của ngành Công an như:*

- *Lực lượng cảnh sát*
- *Lực lượng an ninh*
- *Lực lượng cảnh vệ*
- *Các hoạt động chính trị khác*

5. Tài liệu về hoạt động ngành Ngoại giao

5.1. Hội nghị của ngành

5.2. Hoạt động của lãnh đạo cơ quan

5.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

5.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Ngoại giao

- Hoạt động của Việt Nam trên trường Quốc tế
- Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước.
- Các hội nghị, hội thảo quốc tế (Hội nghị Đà Lạt 1946, Hội nghị Phong-ten-nơ-blô 1946, Hội nghị Gionevơ 1954, Hội nghị Pari 1973, Hội nghị bảo vệ hòa bình thế giới, Đại hội Thanh niên, phụ nữ thế giới...; Các kỳ họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc và tổ chức khác của Liên hợp quốc...)
- Tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực
- Ký kết các Hiệp ước, điều ước, hiệp định với các nước và các tổ chức quốc tế
- Hoạt động của lưu học sinh, thực tập sinh, các chuyên gia, lao động Việt Nam ở nước ngoài...
 - Hoạt động của các đoàn văn hóa nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài
 - Hợp tác với các nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo.
 - Hoạt động của các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán và cơ quan ngoại giao khác tại Việt Nam.
 - Hoạt động của các hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam.
 - Hoạt động của các đoàn nghệ thuật nước ngoài ở Việt Nam.

- Thành lập và hoạt động của các Hội, Chi hội hữu nghị Việt Nam với các nước.

- Hoạt động kỷ niệm quốc khánh các nước, kỷ niệm các danh nhân văn hóa - khoa học nước ngoài.

- Các nước, các tổ chức Quốc tế và nhân dân các nước ủng hộ Việt Nam chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch khác.

- Việt Nam ủng hộ các nước.

6. Tài liệu về hoạt động trong ngành Nông nghiệp

6.1. Hội nghị, hội thảo;

6.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Nông nghiệp

6.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

6.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Nông nghiệp:

- Hoạt động của Hợp tác xã/ tập đoàn sản xuất/ trang trại

- Hoạt động của các nông trường

- Khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới

- Trồng trọt (Trong Trồng trọt có thể phân thêm một cấp độ thông tin như Trồng lúa; Trồng cây ăn quả; Trồng cây dược liệu ...)

- Chăn nuôi; Thú y; Phân bón; Bảo vệ thực vật; Lương thực, thực phẩm...; Thu hoạch và bảo quản nông sản

7. Tài liệu về hoạt động trong ngành Lâm nghiệp.

7.1. Hội nghị, hội thảo;

7.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Lâm nghiệp

7.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

7.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Lâm nghiệp

- Xây dựng và phát triển rừng, bảo vệ rừng, khai thác rừng...

- Hoạt động của các lâm trường; Các vườn quốc gia; Động vật rừng

- Phong trào tết trồng cây...

8. Tài liệu về hoạt động trong ngành Thủy lợi

8.1. Hội nghị, hội thảo;

8.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Thủy lợi

8.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

8. 4. Hoạt động chuyên môn của ngành Thủy lợi

- Phòng chống bão lụt...; Hệ thống đê Sông; Hệ thống đê Biển
- Hệ thống công trình Thủy nông

9. Tài liệu về hoạt động trong ngành Thủy sản

9.1. Hội nghị, hội thảo;

9.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Thủy sản;

9.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

9. 4. Hoạt động chuyên môn của ngành Thủy sản:

- Hợp tác xã/ tập đoàn nghề cá; Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản
- Thủy sản nước ngọt; Thủy sản nước lợ; Thủy sản nước mặn
- Phương tiện đánh bắt thủy sản; Kiểm ngư; Diêm nghiệp

10. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Công nghiệp

10.1. Hội nghị, hội thảo;

10.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Công nghiệp;

10.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

10.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Công nghiệp:

- Luyện kim (Luyện kim đen, Luyện kim màu...)
- Cơ khí; Điện lực; Dầu khí ; Khai thác Mỏ; Địa chất; Hoá chất;
- Điện tử -Tin học; Sản xuất vật liệu xây dựng (Sản xuất xi măng; Sản xuất gạch...); Thăm dò, điều tra địa chất viễn thám ...); Tiểu thủ công nghiệp...;- Sản xuất hàng tiêu dùng.

11. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Tài chính

11.1. Hội nghị, hội thảo;

11.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Tài chính;

11.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

11.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Tài chính:

- Hoạt động kho bạc; Thuế; Vật giá; Hải quan; Chứng khoán; Kiểm toán; Dự trữ Quốc gia
- Quỹ xã hội; Xổ số, Nhận và phân phối hàng viện trợ ...

12. Tài liệu về hoạt động Ngân hàng.

- 12.1. Hội nghị, hội thảo;
- 12.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Ngân hàng;
- 12.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 12.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Ngân hàng
 - Tín dụng
 - Phát hành kho quỹ (Đồi tiền; In, đúc tiền; Tiền mẫu; Tiền lưu niệm...)

13. Tài liệu về hoạt động Thương mại - Vật tư

- 13.1. Hội nghị, hội thảo;
- 13.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Thương mại - Vật tư;
- 13.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 13.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Thương mại - Vật tư:
 - Cải tạo công thương nghiệp ở miền Bắc sau hoà bình lập lại năm 1954, cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam sau 1975
 - Hoạt động của Hợp tác xã mua bán
 - Hoạt động xuất nhập khẩu (Xuất khẩu; Nhập khẩu)
 - Cung ứng, kinh doanh; (Cung ứng, kinh doanh lương thực, thực phẩm; Cung ứng, kinh doanh Thủy sản; Cung ứng, kinh doanh lâm sản...)
 - Các hội chợ, triển lãm thương mại.

14. Bưu chính - Viễn thông

- 14.1. Hội nghị, hội thảo;
- 14.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Bưu chính- Viễn thông
- 14.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 14.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Bưu chính- Viễn thông
 - Bưu chính (Bưu phẩm, Bưu kiện, Đường thư...)
 - Tem; Bưu điện văn hóa xã; Phát hành báo chí
 - Viễn thông; Tàn số vô tuyến điện

15. Giao thông vận tải

- 15.1. Hội nghị, hội thảo;

- 15.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Giao thông vận tải
- 15.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 15.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Giao thông vận tải
 - Hoạt động vận tải đường bộ; Hoạt động vận tải đường sắt
 - Đường biển (Cảng biển; Vận tải đường biển; Bảo hộ, cứu nạn trên biển...); Đường sông (Cảng sông; Nạo vét sông; Vận tải biên pha sông; Vận tải đường sông...)
 - Cầu, Phà; Hàng không (Sân bay; Vận tải hàng không...)
 - An toàn giao thông (Đăng kiểm; Các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng...); Công trình giao thông quan trọng.

16. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Lao động - xã hội

- 16.1. Hội nghị, hội thảo;
- 16.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Lao động – Xã hội;
- 16.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 16.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Lao động – Xã hội
 - Hoạt động định canh định cư
 - Hoạt động xã hội (Thanh niên xung phong; Dân công; Hoạt động Cứu tế xã hội; Hoạt động tại các trạm an dưỡng, điều dưỡng; Hoạt động xoá đói, giảm nghèo; Các cuộc đình công, lãn công, biểu tình; Đấu tranh chống tệ nạn xã hội; Hoạt động điều tra và tố cáo tội ác chiến tranh; Nghĩa trang quốc gia..)
 - Khắc phục sự cố khẩn cấp (động đất, bão lụt, hạn hán, hỏa hoạn...)

17. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Dân tộc, miền núi.

- 17.1. Các Hội nghị, hội họp;
- 17.2. Hoạt động của lãnh đạo;
- 17.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 17.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Dân tộc, miền núi (Đời sống vật chất, tinh thần, phong tục, tập quán... của đồng bào 64 dân tộc).

18. Tài liệu về hoạt động Tôn giáo.

- 18.1. Hội nghị, hội thảo
- 18.2. Hoạt động của lãnh đạo cơ quan

18.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

18.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Tôn giáo:

- Các Hội nghị, hội họp về Tôn giáo;
- Hoạt động của các vị chức sắc Tôn giáo;
- Hoạt động của Ki tô giáo (Lễ hội, đào tạo, hoạt động từ thiện, quan hệ với Tòa thánh Va -ti - căng, quan hệ với các nước khác...)
- Hoạt động của Phật giáo (Lễ hội, đào tạo, hoạt động từ thiện, quan hệ với các nước khác...);
- Hoạt động của đạo Cao Đài; Hoạt động của đạo Hoà Hảo; Hoạt động của đạo Tin Lành; Hoạt động của đạo Hồi; Hoạt động của Tôn giáo khác
- Hình ảnh các công trình tín ngưỡng (nhà thờ, nhà chùa...đồ vật tín ngưỡng...).

19. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Biên giới.

19.1. Các Hội nghị, hội họp

19.2. Hoạt động của lãnh đạo

19.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

19.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Biên giới:

- Biên giới Việt –Trung; Biên giới Việt – Lào; Biên giới Việt Nam – Campuchia; Bảo vệ biên giới
- Đảo và các quần đảo; Bảo vệ đảo và các quần đảo.

20. Tài liệu về hoạt động Giáo dục

20.1. Hội nghị, hội thảo;

20.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Giáo dục;

20.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

20.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Giáo dục:

- Hoạt động Giáo dục Mầm non (Nhà trẻ; mẫu giáo)
- Hoạt động Giáo dục Phổ thông (Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông); Hoạt động Giáo dục Nghề nghiệp; Hoạt động Giáo dục Hướng nghiệp;

- Hoạt động Giáo dục Đại học và sau Đại học (Cao đẳng; Đại học; Thạc sĩ; Tiến sĩ)
- Hoạt động Giáo dục Thường xuyên (Bỏ túc văn hoá, Xoá nạn mù chữ, Giáo dục tại chức, hàm thụ, Giáo dục không tập trung, Giáo dục từ xa...)
- Hoạt động Giáo dục Chuyên biệt (Giáo dục tài năng, năng khiếu; Giáo dục người khuyết tật, Giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, Giáo dục dưỡng; Giáo dục C (Lào và Campuchia); Giáo dục B (học sinh miền núi)
- Hoạt động Trường bán công/ Dân lập/ Tư thục/
- Cơ sở vật chất, trường học...

21. Tài liệu về hoạt động Văn hoá - Thông tin

- 21.1. Hội nghị, hội thảo;
- 21.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Văn hoá - Thông tin;
- 21.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 21.4. Hoạt động chuyên môn trong ngành Văn hoá - Thông tin
 - Văn hoá quần chúng (Hội diễn văn nghệ, Lễ hội truyền thống, phong tục tập quán...)
 - Văn hoá các dân tộc thiểu số; Nghề cổ truyền
 - Bảo tồn (Di chỉ khảo cổ có giá trị như Hoàng thành Thăng Long, Thành Nhà Hồ, Trống Đồng Đông Sơn, Gò Mun...; Di tích lịch sử, văn hoá được xếp hạng; Danh lam thắng cảnh được xếp hạng; Di sản tư liệu thế giới; các Di sản văn hóa, Di sản thiên nhiên
 - Hoạt động của các bảo tàng quốc gia; Hoạt động triển lãm
 - Hoạt động nhà hát; Nhiếp; Xiếc
 - Các hoạt động thông tấn, báo chí quan trọng (Đại hội, hội nghị, Hội chợ Triển lãm sách quốc tế ...)
 - Hoạt động truyền thanh, truyền hình ; Hoạt động văn học
 - Hoạt động ngôn ngữ ; Các tượng đài lịch sử
 - Hoạt động nghệ thuật (Điêu khắc; Trang trí thực hành; Hội họa, Đồ họa, Âm nhạc, Điện ảnh, Nhiếp ảnh, Sân khấu. *Trong Sân khấu có thông tin*

cấp độ 4 như: Trang trí sân khấu; Kịch nói; Xiếc, Múa...; Trong Múa có thể phân thêm cấp độ 5 là múa Xòe, múa Sạp, múa Khèn...).

- Hoạt động Suu tập (Suu tập Tem, Tiền, Đồ cổ...)

22. Tài liệu về hoạt động Thể dục, Thể thao.

22.1. Hội nghị, hội thảo;

22.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Thể thao;

22.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

22.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Thể thao:

- Thể dục; Điền kinh nhẹ; Điền kinh nặng; Thể thao dưới nước;

- Chơi thể thao; Thể thao du lịch; Cờ tướng, cờ quốc tế...

- Phong trào thể dục thể thao trong nước (Các cuộc thi đấu thể thao cấp quốc gia, Hội khoẻ Phù Đổng, Ngày Hội Quốc phòng toàn dân...)

- Thi đấu thể thao quốc tế và khu vực (Seagames, ASIAT, Đại hội Olympic mùa Hè, Đại hội Olympic mùa Đông ...)

- Hình ảnh các Công trình thể thao lớn.

23. Tài liệu về hoạt động Du lịch

23.1. Hội nghị, hội thảo;

23.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Du lịch;

23.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

23.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Du lịch:

- Lữ hành

- Tài nguyên Du lịch (Khu du lịch, Điểm du lịch...)

- Xúc tiến du lịch (Quảng cáo; Hội chợ du lịch...)

24. Tài liệu về hoạt động Y tế

24.1. Hội nghị, hội thảo;

24.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Y tế;

24.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

24.4. Hoạt động chuyên môn trong ngành Y tế:

- Phòng bệnh ; Vệ sinh (Vệ sinh môi trường, Vệ sinh an toàn thực phẩm...)

- Đông y; Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em; Phòng chống SIDA
- Các ca phẫu thuật phức tạp, kỹ thuật cao (mô tim, ghép Gan, ghép Thận ...); Hình ảnh các công trình chữa bệnh lớn, hiện đại.

25. Tài liệu về hoạt động Bảo hiểm.

- 25.1. Hội nghị, hội thảo;
- 25.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Bảo hiểm;
- 25.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 25.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Bảo hiểm:
 - Hoạt động của Bảo hiểm Y tế; Hoạt động của Bảo hiểm Xã hội
 - Hoạt động của Bảo hiểm Thương Mại
 - Hoạt động của Bảo hiểm Nhân thọ ...

26. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ công cộng

- 26.1. Hội nghị, hội thảo;
- 26.2. Hoạt động của Lãnh đạo trong lĩnh vực Dịch vụ công cộng;
- 26.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 26.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Dịch vụ công cộng
 - Công viên, vườn hoa; Vệ sinh đô thị; Nghĩa trang; Cấp thoát nước;
 - Cấp điện; Cung cấp khí đốt; Mỹ viện, Chụp ảnh

27. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Quy hoạch, Kế hoạch, Đầu tư

- 27.1. Hội nghị, hội thảo;
- 27.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Quy hoạch, Kế hoạch, Đầu tư;
- 27.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 27.3. Hoạt động chuyên môn của ngành Quy hoạch, Kế hoạch, Đầu tư
 - Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung cả nước
 - Quy hoạch phát triển ngành ; Quy hoạch phát triển vùng
 - Khu chế xuất.

28. Tài liệu về hoạt động trong lĩnh vực Khoa học và công nghệ

- 28.1. Hội nghị, hội thảo;
- 28.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Khoa học và công nghệ;
- 28.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

28.4. Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Khoa học và công nghệ:

- Khoa học tự nhiên và khoa học chính xác ; Khoa học xã hội và nhân văn ; Khoa học kỹ thuật và khoa học ứng dụng

- Sở hữu trí tuệ ;Tiêu chuẩn đo lường và chất lượng...

29. Tài liệu về hoạt động trong Kiến trúc, Xây dựng

29.1. Hội nghị, hội thảo;

29.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Kiến trúc, xây dựng;

29.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

29.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Kiến trúc, xây dựng:

- Kiến trúc: (Những công trình trọng điểm quốc gia, có kiến trúc độc đáo hoặc giải pháp công nghệ hay vật liệu đặc biệt trong lĩnh vực, Nhà ở, công trình công cộng, giao thông vận tải, công trình công nghiệp, công trình thuỷ lợi, kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn, kiến trúc dân tộc...)

- Xây dựng: Xây dựng trụ sở làm việc, trường học, bệnh viện, lăng mộ đền chùa, nhà thờ, tượng đài, hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng đường bộ, xây dựng đường sắt, cầu phà, cảng sông, cảng biển, sân bay, nhà máy, thuỷ điện, nhiệt điện, đường dây, công trình thuỷ lợi, xây dựng các công trình quân sự....

Đối với những công trình kiến trúc, xây dựng có ý nghĩa quan trọng, cần thu thập TLNN trong cả 3 giai đoạn: chuẩn bị thi công, thi công và giai đoạn hoàn công, khánh thành của một số công trình như: Công trình Thuỷ điện Hoà Bình, Đường dây tải Điện 500KV Bắc – Nam; Đại lộ Thăng Long, Đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai, Sân bay quốc tế Thủ đô, Cầu Thăng Long, cầu Mỹ Thuận, Hồ Kẻ Gỗ, Hồ Dầu Tiếng ...

30. Tài liệu về hoạt động Tài nguyên, Môi trường.

30.1. Hội nghị, hội thảo;

30.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Tài nguyên, Môi trường;

30.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

30.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Tài nguyên, Môi trường:

- Tài nguyên thiên nhiên (Tài nguyên rừng, Tài nguyên biển, Tài nguyên thiên nhiên khác, Tài nguyên đất)

- Môi trường
- Khí tượng - Thủy văn (Khí tượng cao không, Khí tượng nông nghiệp, Khí tượng thủy văn biển...)

31. Tài liệu về hoạt động Tư pháp.

- 31.1. Các Hội nghị, hội họp ngành Tư pháp;
- 31.2. Hoạt động của lãnh đạo ngành Tư pháp;
- 31.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 31.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Tư pháp
 - Hoạt động chuẩn bị và thông qua Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh và các văn bản qui phạm pháp luật khác
 - Hoạt động của đoàn Luật sư ; Tuyên truyền pháp luật.

32. Tài liệu về hoạt động Thanh tra.

- 32.1. Các Hội nghị, hội họp ngành Thanh tra
- 32.2. Hoạt động của lãnh đạo ngành Thanh tra
- 32.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 32.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Thanh tra
 - Hoạt động thanh tra ở các ngành, các địa phương
 - Hoạt động chèngh tham nhũng.

33. Tài liệu về hoạt động Kiểm sát.

- 33.1. Các Hội nghị, hội họp ngành Kiểm sát
- 33.2. Hoạt động của lãnh đạo ngành Kiểm sát
- 33.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 33.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Kiểm sát
 - Hoạt động Kiểm sát điều tra ; Hoạt động Kiểm sát xét xử
 - Hoạt động Kiểm sát trại giam

34. Tài liệu về hoạt động Tòa án

- 34.1. Các Hội nghị, hội họp ngành Tòa án
- 34.2. Hoạt động của lãnh đạo ngành Tòa án
- 34.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)
- 34.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Tòa án

- Hoạt động của Tòa dân sự ; Hoạt động của Tòa hình sự ; Hoạt động của Tòa Kinh tế ; Hoạt động của Tòa Hành chính ;

- Hoạt động của Tòa Lao động ; Hoạt động của Tòa án đặc biệt ; Hoạt động của Tòa án quốc tế.

35. Tài liệu về hoạt động Văn thư, Lưu trữ

35.1. Hội nghị, hội thảo

35.2. Hoạt động của Lãnh đạo ngành Văn thư, lưu trữ

35.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

35.4. Hoạt động chuyên môn của ngành Văn thư, lưu trữ:

- Hành chính – Văn thư

- Lưu trữ (Thu thập, lựa chọn, bổ sung; Chính lý; Bảo quản; Khai thác sử dụng tài liệu; Bảo hiểm/ Số hóa tài liệu...); Quản trị văn phòng.

36. Tài liệu về hoạt động Thi đua- Khen thưởng

36.1. Hội nghị, hội thảo;

36.2. Hoạt động của Lãnh đạo lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng

36.3. Hoạt động chung của ngành/cơ quan (Xem nội dung Mục 3.3)

36.4. Hoạt động chuyên môn của lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng

- Phong trào thi đua

- Khen thưởng (Tặng thưởng các giải thưởng nhà nước, phong tặng các giải thưởng, danh hiệu...) [35].

Tiểu kết chương 4

Để có thể xây dựng được danh mục nguồn nộp lưu, Chương 4 đã nghiên cứu phương pháp xác định nguồn qua các bước; phân tích cơ sở xây dựng danh mục nguồn nộp lưu thường xuyên và không thường xuyên; cách thức giao nộp tài liệu nghe nhìn của 2 nhóm cơ quan đó.

Để xây dựng được danh mục thành phần TLNN, việc phân chia cấp độ tài liệu và nhóm tài liệu là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Danh mục. Trong khi phân chia các nhóm tài liệu và xây dựng danh mục tài liệu cụ thể cho các cơ quan, phải quan tâm đến việc xác định cấp độ giá trị của tài liệu trong các nhóm; chỉ lựa chọn những tài liệu thật sự có giá trị bảo quản vĩnh viễn của cơ quan.

Trong chương 4, Phương pháp xây dựng thành phần tài liệu nghe nhìn cho mỗi cơ quan cũng đã được nghiên cứu. Dựa trên phương pháp này, các cơ quan có thể tự xây dựng danh mục TLNN cho cơ quan mình.

Qua kết quả nghiên cứu cơ sở khoa học để xác định được tiêu chuẩn về thành phần TLNN, nghiên cứu phương pháp xây dựng Danh mục tài liệu, dựa trên kết quả khảo sát thành phần TLNN ở các cơ quan trung ương, cuối cùng tác giả đã nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất một Danh mục thành phần tài liệu mẫu cần nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu cơ sở khoa học xác định nguồn và thành phần tài TLNN nộp vào các TTLTQG Việt Nam, chúng tôi xin rút ra một số kết luận chung sau đây:

- Do TLNN được xuất hiện sớm và nhận thấy tầm quan trọng của TLNN nên nhiều nước trên thế giới đã rất quan tâm đến việc nghiên cứu công tác thu thập, bảo quản TLNN như Nga, Mỹ Pháp, Canada...Việc nghiên cứu để xác định nguồn và thành phần TLNN nộp vào lưu trữ ở nước ngoài đã có nhiều kết quả. Những kết quả của lưu trữ một số nước tiên tiến là kinh nghiệm tốt cho việc nghiên cứu công tác lưu trữ TLNN nói chung và cho việc nghiên cứu xác định nguồn và thành phần TLNN nộp vào lưu trữ Việt Nam.

- Trong giới Lưu trữ học Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu ở các mức độ khác nhau về TLNN nhưng chưa có một công trình nào nghiên cứu sâu về việc xác định nguồn và thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG Việt Nam

- Tài liệu lưu trữ nghe - nhìn được sản sinh ra ở Việt Nam muộn hơn các nước tiên tiến trên thế giới khá nhiều. Nhà nước đã xác định đây là thành phần quan trọng của Phong Lưu trữ quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên trong một thời gian dài, nhà nước chưa đầu tư đúng mức cho công tác nghiên cứu để thu thập, chỉnh lý, bảo quản và sử dụng khối tài liệu này.

- Tới nay, Nhà nước chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cơ quan nào thuộc *nguồn nộp lưu* vào các TTLTQG. Vì vậy, các TTLTQG cũng không có cơ sở pháp lý rõ ràng để thực hiện việc thu thập tài liệu từ các cơ quan. Cơ quan quản lý Nhà nước về lưu trữ cũng chưa nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về xác định *thành phần TLNN* cần nộp lưu vào các TTLTQG. Chính vì chưa có văn bản đó nên các cơ quan không có cơ sở rõ ràng, khoa học để tiến hành thu thập, chỉnh lý, nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử. Các TTLTQG cũng không có cơ sở để hướng dẫn, xác định giá trị TLNN cần thu thập vào cơ quan mình.

- Với một số văn bản đã có hiện nay về nguồn nộp lưu tài liệu nói chung, chúng ta vẫn còn một số văn bản chông chéo về chức năng, nhiệm vụ thu thập và bảo quản TLNN giữa một số cơ quan như Cục VTLTNN và các cơ quan khác như: Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam...Chính đây là một khó khăn lớn cho các cơ quan trong việc thu thập, bảo quản cũng như phục vụ nhu cầu khai thác sử dụng tài liệu.

- Mặc dù gặp khó khăn trong việc thu thập TLNN nhưng tới nay, các TTLTQG bước đầu đã được đầu tư xây dựng kho tàng, bố trí nhân lực để thực hiện việc thu thập tài liệu; đã cố gắng thu thập và đang bảo quản một khối lượng TLNN đáng kể và có giá trị về nhiều mặt. Qua kết quả khảo sát thực tế, hiện nay chúng ta có một khối lượng TLNN không nhỏ nằm rải rác ở nhiều cơ quan với nội dung tài liệu có giá trị và hết sức phong phú về thể loại, kể cả một số tài liệu từ đầu thế kỷ 20 mà không nhiều nước còn lưu giữ được. Hàng ngày, nhiều cơ quan đang tự tạo ra và bảo quản một khối lượng TLNN khá lớn và có giá trị như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các cơ quan báo chí v.v. Nhiều cơ quan chưa quan tâm đúng mức đến việc thu thập, bảo quản tài liệu nghe - nhìn do đó lưu trữ các cơ quan chưa thu được những tài liệu nghe nhìn có giá trị, phần lớn TLNN vẫn còn lưu giữ ở các phòng ban trong điều kiện bảo quản không đảm bảo nên dễ làm hư hại tài liệu. Đây là điều đáng báo động đối với công tác bảo thu thập và bảo quản TLNN. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do chúng ta chưa có những cơ sở pháp lý cụ thể cần thiết cho việc thu thập, bảo quản và nộp lưu TLNN.

- Đề tài đã nghiên cứu cơ sở khoa học của việc đưa ra một số tiêu chuẩn lựa chọn nguồn nộp lưu TLNN như Tiêu chuẩn *Mục đích, chức năng và nhiệm vụ chính của cơ quan là việc tổ chức sản xuất và lưu giữ tài liệu nghe nhìn*. Đây là tiêu chuẩn quan trọng khi xác định cơ quan, tổ chức đó có thuộc nguồn nộp lưu thường xuyên TLNN vào lưu trữ lịch sử hay không. *Tiêu chuẩn đối tượng phản ánh và số lượng tài liệu hiện có là yếu tố quan trọng để có thể biết đối tượng trực tiếp mà tài liệu phản ánh là gì, có đáp ứng được yêu cầu nội dung hay không*. Số lượng tài liệu hiện có cũng cũng là yếu tố quan trọng. Nếu

số lượng tài liệu quá ít cũng không thể xác định thành một nguồn thu thập thường xuyên bởi chỉ cần thu một lần là đã hết tài liệu. Bên cạnh đó, *Tiêu chuẩn tính toàn vẹn thông tin trong các tài liệu nghe nhìn* cũng rất cần thiết.

- Dựa trên cơ sở lý luận về xác định nguồn nộp lưu nói trên, cơ sở thực tiễn hiện nay ở Việt Nam mới quan trọng và quyết định việc cơ quan nào sẽ là nguồn nộp lưu. Đối với những cơ quan đã được pháp luật cho phép sản xuất, lưu giữ TLNN, lại có đủ điều kiện cơ sở vật chất, con người... thì nên để cơ quan đó tự bảo quản tài liệu và chỉ cần gửi danh mục cho các TTLTQG biết để quản lý. Đối với thực tiễn về mặt tài liệu: Qua thực tế khảo sát tài liệu tại một số cơ quan thấy rằng, TLNN có ở nhiều cơ quan. Chính vì vậy, đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đưa một số cơ quan vào danh mục nguồn nộp lưu tài liệu.

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, Đề tài đã nghiên cứu nội dung các bước để xây dựng Danh mục nguồn nộp lưu thành 2 loại là Nguồn nộp lưu thường xuyên và Nguồn nộp lưu không thường xuyên tùy theo chức năng, nhiệm vụ và số lượng tài liệu hiện có của các cơ quan.

Để có cơ sở khoa học xác định được tiêu chuẩn về thành phần TLNN nộp vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, cần thiết phải nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của nó. Đặc biệt cần phải biết vận dụng các phương pháp sử liệu học, phương pháp thông tin và phương pháp hệ thống. Bên cạnh đó cần phải nghiên cứu, vận dụng những tiêu chuẩn xác định giá trị TLNN như tiêu chuẩn xuất xứ, nhóm tiêu chuẩn nội dung, nhóm tiêu chuẩn đặc điểm bề ngoài. Qua nghiên cứu cơ sở thực tiễn về mặt pháp lý thấy rằng, ngay từ khi mới thành lập nước Việt Nam DCH, nhà nước ta đã quan tâm đến việc bảo quản tài liệu trong đó có TLNN. Những năm sau này, mặc dù Nhà nước tiếp tục quan tâm đến thu thập, bảo quản tài liệu lưu trữ nhưng không có văn bản nào đề cập, dù là gián tiếp đến thành phần TLNN. Qua kết quả khảo sát tài liệu ở các TTLTQG và Lưu trữ một số bộ ngành thấy rằng khối lượng TLNN không lớn; có đủ các loại hình: Phim, ảnh ghi âm, ghi hình. Nội dung TLNN phản ánh nhiều mặt hoạt động: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... của chính

quyền trung ương của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của Việt Nam Cộng hòa trước đây. Đây là cơ sở thuận lợi và quan trọng để xây dựng Tiêu chuẩn về thành phần TLNN.

Quá trình nghiên cứu các tiêu chuẩn về thành phần TLNN thấy rằng, Tiêu chuẩn nội dung tài liệu là quan trọng nhất bởi nếu không có thông tin về nội dung nào đó thì thực tế tài liệu đó không có giá trị đối với xã hội và xã hội cũng không cần những tài liệu đó và chính nội dung thông tin quyết định có sưu tầm thu thập hay không, có được đưa vào bảo quản trong các lưu trữ hay không. Trong Tiêu chuẩn Nội dung tài liệu, cần phải quan tâm lựa chọn những tài liệu có nội dung phản ánh: những dấu mốc, sự kiện trong quá trình hình thành và phát triển của nhà nước Việt Nam với các chế độ xã hội khác nhau; tài liệu về các cuộc cách mạng; các sự kiện, thành tựu, hoạt động tiêu biểu của các ngành, các lĩnh vực; các cuộc khởi nghĩa, cuộc đấu tranh cách mạng giữ nước và giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam; các hoạt động xác lập, đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia Việt Nam đối với lãnh thổ, đất liền, biển đảo và biên giới quốc gia; các hoạt động chống phá cách mạng; bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Phản ánh thân thế, sự nghiệp và dấu ấn của các nhân vật lịch sử, cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu...

Đề tài đã nghiên cứu phương pháp, nguyên tắc xây dựng Danh mục thành phần TLNN cần nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam. Đề tài nghiên cứu và đưa ra nguyên tắc phân các cấp độ tài liệu trong xây dựng Danh mục.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, Đề tài đã xây dựng được Danh mục mẫu thành phần TLNN với 36 đề mục chính. Những đề mục này có thể nói đã phản ánh đầy đủ các cấp độ tài liệu chủ yếu đã và đang hình thành ở Việt Nam. Vì vậy đây cũng là cơ sở quan trọng để thu thập TLNN thuộc các nguồn nộp lưu vào các TTLTQG Việt Nam.

Để có thể khắc phục được những khó khăn, tồn tại nêu trên và để làm tốt hơn công tác thu thập, bảo quản TLNN, chúng tôi xin có một số kiến nghị sau đây:

1- Nhà nước cần sớm nghiên cứu, xây dựng, ban hành Danh mục cơ quan là nguồn nộp lưu TLNN vào các TTLTQG. Danh mục các cơ quan này cần phải được ban hành kèm theo một văn bản quy phạm pháp luật (có thể dưới dạng Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ). Đây sẽ cơ sở pháp lý quan trọng để các TTLTQG và các Bộ ngành thực hiện.

2. Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước nhanh chóng nghiên cứu, soạn thảo và ban hành Danh mục thành phần TLNN nộp vào các TTLTQG và các văn bản hướng dẫn chính lý TLNN. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện xử lý nghiệp vụ đối với TLNN; Cục VTLTNN có trách nhiệm giúp Bộ Nội vụ kiểm soát và quản lý hoạt động lưu trữ TLNN trong cả nước; đồng thời giao cho các TTLTQG (theo thẩm quyền được phân công) nhiệm vụ thu thập những TLNN có giá trị đặc biệt quan trọng để bảo quản tập trung.

3. Cần thành lập riêng một Trung tâm TLNN quốc gia để thu thập, bảo quản TLNN có ý nghĩa toàn quốc. Trong điều kiện như vậy, TLNN mới không bị phân tán, thất lạc và hủy hoại. Nhà nước cần quan tâm và đầu tư thích đáng để xây dựng cơ sở vật chất cho việc bảo quản TLNN ở các cơ quan lớn cũng như Trung tâm Lưu trữ TLNN;

4. Lưu trữ các bộ ngành cần khẩn trương xây dựng danh mục tài liệu nghe nhìn của cơ quan mình; có kế hoạch và kịp thời thu thập TLNN từ các phòng ban chuyên môn đã đến hạn nộp lưu; phối hợp chặt chẽ các TTLTQG để kịp thời lựa chọn tài liệu có giá trị để giao nộp;

5. Đối với các cơ quan chuyên sản xuất và lưu giữ TLNN (như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam) mà hiện nay Chính phủ đang cho phép bảo quản TLNN, Nhà nước cần thường xuyên cấp kinh phí cho cơ quan đó để số hóa tài liệu nhằm phục vụ cho hoạt động tuyên truyền thường xuyên của cơ quan đó và của Đảng và nhà nước. Bộ tài liệu là bản gốc, bản chính sau khi đã số hóa, cần giao nộp vào các TTLTQG theo thẩm quyền quản lý của các Trung tâm. Bên cạnh nộp lưu bản gốc, bản chính đã được số hóa, các cơ quan trên cần gửi danh mục TLNN có giá trị về các TTLTQG để quản lý.

6. Nhà nước cần tăng cường đầu tư kinh phí để nghiên cứu sâu về nghiệp vụ lưu trữ TLNN;

7. Tổ chức các hội thảo chuyên đề về TLNN; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong xã hội về vai trò, ý nghĩa của TLNN; khuyến khích các cơ sở sản xuất phim tư nhân trong cả nước nộp lưu sản phẩm của mình vào kho lưu trữ; Mở rộng giao lưu, trao đổi thông tin, tư liệu hình ảnh với các viện phim trên thế giới và khu vực;

8. Tăng cường và đổi mới việc biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu khác, cập nhật thông tin mới nhất cho sinh viên; dành nhiều thời lượng hơn cho sinh viên trong việc thực tập đối với TLNN;

9. Để nâng cao chất lượng TLNN cần nộp lưu, tác giả cho rằng một số vấn đề cần sớm được quan tâm nghiên cứu tiếp. Đó là vấn đề Xác định giá trị tài liệu nghe nhìn và Quy trình xử lý nghiệp vụ đối với mỗi loại hình TLNN kèm theo văn bản hướng dẫn nghiệp vụ chỉnh lý TLNN.

Trong quá trình nghiên cứu của mình, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do khả năng, điều kiện tiếp cận các cơ quan là nguồn nộp lưu còn gặp khó khăn; mặt khác, vấn đề nghiên cứu này vẫn còn mới ở Việt Nam nên luận án chắc chắn không tránh khỏi sai sót, hạn chế. Tác giả rất mong nhận được sự phê bình, góp ý của các nhà khoa học và bạn đọc để hoàn thiện luận án này./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Minh Sơn (1992), “Vài nét về khối tài liệu ảnh mới thu thập từ Quốc hội và Hội đồng Nhà nước Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ* (3), tr. 41 - 42.
2. Nguyễn Minh Sơn (1992), “ Vài nét về khối tài liệu ghi âm bảo quản tại TTLTQG III” *Tạp chí Lưu trữ Việt Nam* (4), tr. 26 - 29.
3. Nguyễn Minh Sơn (Chủ nhiệm Đề tài), (2001), *Khung Phân loại thống nhất thông tin tài liệu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945*, Đề tài khoa học cấp Bộ, nghiệm thu tháng 6 năm 2001.
4. Nguyễn Minh Sơn (2003), *Tổ chức khoa học tài liệu ảnh tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III – Thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
5. Nguyễn Minh Sơn (2007), Chủ nhiệm Đề tài, *Nghiên cứu xác định nguồn và thành phần tài liệu nghe – nhìn nộp vào lưu trữ lịch sử*, Mã số: 2004-98-05.
6. Nguyễn Minh Sơn (2016), “Cơ sở khoa học để xác định các nguồn tài liệu nghe nhìn nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (4), tr. 34-41.
7. Nguyễn Minh Sơn (2016), “ Tiêu chuẩn nội dung tài liệu nghe nhìn cần nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (5), tr. 40- 46.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Thuý Bình (2002), *Công tác lưu trữ tài liệu nghe - nhìn ở các đài truyền hình - thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sỹ, Trường ĐHKHXHNV, Hà Nội.
2. Đào Xuân Chúc (1982), “Vấn đề thu thập và tổ chức khoa học tài liệu kèm theo phim điện ảnh”, *Tạp chí “Lưu trữ Việt Nam”*(1), tr. 12 - 15.
3. Đào Xuân Chúc (1983), “Cần quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý lưu trữ ảnh, phim điện ảnh và ghi âm”, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ* (2), tr.19-20.
4. Đào Xuân Chúc (1985), “Những tiêu chuẩn xác định giá trị tài liệu ảnh lưu trữ”, *Tạp chí Văn thư – Lưu trữ* (3), tr. 15 - 24.
5. Đào Xuân Chúc (1988) “Mấy vấn đề cơ sở phương pháp luận để xác định giá trị tài liệu lưu trữ phim điện ảnh”, *Tạp chí Văn thư – Lưu trữ* (3), tr.3 - 9.
6. Đào Xuân Chúc (1989), “Mấy suy nghĩ về công tác lưu trữ phim điện ảnh”, *Tạp chí Thông tin Khoa học Lưu trữ Điện ảnh* (1), tr. 7- 9.
7. Đào Xuân Chúc (2001), “Lưu trữ TLNN- Vấn đề lịch sử và tổ chức”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, lần thứ hai. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 123 – 140.
8. Đào Xuân Chúc (2002), *Nguồn tư liệu ảnh về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Đào Xuân Chúc (2005), “Chiến thắng Điện Biên Phủ qua nguồn tài liệu ảnh, phim điện ảnh”, *Điện Biên Phủ từ góc nhìn của các nhà khoa học Việt*, NXB Chính trị quốc gia, tr. 355-368.
10. Đào Xuân Chúc (2006), *Lưu trữ tài liệu nghe - nhìn* (Tập bài giảng, Hội đồng Khoa học Trường ĐHKHXHNV, ĐHQG Hà Nội, nghiệm thu 2006.
11. Cục Lưu trữ Nhà nước (1992), *Từ điển lưu trữ Việt Nam*, Hà Nội, tr.73.

12. Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước(1982), *Từ điển Thuật ngữ Lưu trữ hiện đại các nước xã hội chủ nghĩa* xuất bản lần 1, Mátxcova, bản dịch.
13. Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (2012), *Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác văn thư, lưu trữ hiện hành*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
14. Đặng Anh Đào (2002), “Quá trình thu thập, bổ sung, phục vụ khai thác sử dụng TLNN của các TTLTQG I, III”, *Tạp chí Lưu trữ Việt Nam* (4), tr.129-132.
15. Đặng Anh Đào (1985), “Cần quan tâm hơn nữa đến việc quản lý tài liệu lưu trữ băng, đĩa, ghi âm”, *Tạp chí Văn thư- Lưu trữ* (2), tr. 25-26.
16. Trần Phương Hoa (2015), “Tài liệu ảnh của các cơ quan – thành phần bị lãng quên khi giao nộp hồ sơ vào lưu trữ lịch sử”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “ Thu thập tài liệu lưu trữ vào Lưu trữ lịch sử - Thực trạng và những vấn đề đặt ra”*, tr. 76-78.
17. Lã Thị Hồng (1986), “Viết lời thuyết minh cho tài liệu ảnh”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ* (3), tr. 15 -17.
18. Lã Thị Hồng (1986), “Một số ý kiến về tổ chức công tác tài liệu phim, ảnh, ghi âm ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ* (2), tr. 17 - 23.
19. Lã Thị Hồng (1991), *Những cơ sở khoa học xác định nguồn bổ sung và thành phần tài liệu ảnh để nhà nước quản lý*. Mã số: 89- 98 - 017, tr. 12-24.
20. Nghiêm Kỳ Hồng - Nguyễn Quốc Bảo, Nguyễn Văn Kết, Nguyễn Thị Thủy, Phan Thị Hợp (1998), *Xây dựng, ban hành, quản lý văn bản và công tác lưu trữ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Phạm Thị Huệ (2003), “ Vài nét về tài liệu ghi âm thời Đệ nhị cộng hòa”, *Tạp chí Lưu trữ Việt Nam* (5), tr. 155-157.
22. Triệu Gia Khánh, Trương Minh Phúc chủ biên (1991), *Quản lý tài liệu lưu trữ*, NXB Lưu trữ, Trung Quốc, Thư viện Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư – Lưu trữ.

23. Vương Kiện chủ biên (1999), *Văn thư học*, NXB Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc, Thư viện Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư – Lưu trữ, tr. 272.
24. Kudin A. A. (1960), *Lưu trữ tài liệu phim, ảnh, ghi âm*, Trường Đại học Lưu trữ - Lịch sử quốc gia Matxcova, bản dịch, Thư viện Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư – Lưu trữ.
25. Trần Như Nghiêm, Trần Thị Loan (2004) "*Đề cương bài giảng môn học Lưu trữ tài liệu nghe nhìn*", Trường Cao đẳng Văn thư Lưu trữ Trung ương I.
26. Nguyễn Lan Phương (1998), "Vài nét về quản lý tài liệu lưu trữ nghe - nhìn" *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (2), tr. 18 - 20.
27. Nguyễn Lan Phương (1998), "Trao đổi ý kiến về chú thích tài liệu ảnh", *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (4), tr.6.
28. Võ Văn Sáu (1967), "Vài nét về tình hình công tác lưu trữ phim, ảnh và băng ghi âm của nước ta hiện nay", *Tập san "Nghiên cứu công tác Lưu trữ"* (2), tr. 42- 15.
29. Võ Văn Sáu (1968), "Vài nét về quản lý tài liệu lưu trữ nghe nhìn", *Tập san "Nghiên cứu công tác Lưu trữ"* (3), tr. 13-15.
30. Võ Văn Sáu (1972), "Phương pháp thống kê, biên mục tài liệu ảnh lưu trữ", *Tập san Công tác Lưu trữ hồ sơ* (1), tr. 15-17.
31. Nguyễn Minh Sơn (1992), "Vài nét về khối tài liệu ảnh mới thu thập từ Quốc hội và Hội đồng Nhà nước Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Tạp chí Văn thư Lưu trữ* (3), tr. 41 - 42.
32. Nguyễn Minh Sơn (1992), " Vài nét về khối tài liệu ghi âm bảo quản tại TTLTQG III " *Tạp chí Lưu trữ Việt Nam* (4), tr. 26-29.
33. Nguyễn Minh Sơn (2003), *Tổ chức khoa học tài liệu ảnh tại TTLTQG III – Thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ, Tư liệu Khoa Lưu trữ

- học và Quản trị Văn phòng. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tr. 110-111.
34. Nguyễn Minh Sơn, Phạm Bích Hải, Lã Thị Hồng, Nguyễn Lan Phương (2007), *Nghiên cứu xác định nguồn và thành phần tài liệu nghe – nhìn nộp vào lưu trữ lịch sử*. Đề tài khoa học cấp Bộ, Mã số: 2004-98-05, tr. 98-99.
 35. Nguyễn Minh Sơn, Nguyễn Thúy Bình, Nguyễn Minh Phương, Nông Thị Đẹp, Nguyễn Thị Tâm, Hoàng Thị Tuyết Thu (2001), *Khung Phân loại thống nhất thông tin tài liệu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945*.
 36. Nguyễn Minh Sơn (2016), “Cơ sở khoa học để xác định các nguồn tài liệu nghe nhìn nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (4), tr. 34- 41.
 37. Nguyễn Minh Sơn (2016), “Tiêu chuẩn nội dung tài liệu nghe nhìn cần nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (5), tr. 40 – 46.
 38. Minh Trí (2002), “ Công tác sưu tầm TLNN tại Viện Phim Việt Nam”, *Tạp chí Lưu trữ Việt Nam* (6), tr. 203-205.
 39. TTLTQG II, *Mục lục sưu tập tài liệu ảnh giai đoạn 1939-1975*.
 40. TTLTQG II, *Mục lục sưu tập tài liệu ghi âm (1967-22/4/1975)*.
 41. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ảnh lịch sử trước Cách mạng tháng 8-1945*.
 42. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ảnh thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954)*.
 43. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ảnh giai đoạn 1954-1985 (LIV), Quyển 1*.
 44. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ảnh giai đoạn 1954-1985 (LIV), Quyển 2*.
 45. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ảnh giai đoạn 1954-1985 (LIV), Quyển 3*.
 46. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ghi âm, Quyển 1*.
 47. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu ghi âm, Quyển 2*.

48. TTLTQG III, *Mục lục tài liệu phim điện ảnh*.
49. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Lưu trữ (1999), *Quản lý tài liệu Lưu trữ nghe - nhìn ở các cơ quan Liên bang Ca - na - đa*, tài liệu dịch, Thư viện Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư – Lưu trữ.
50. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Lưu trữ (1999), *Gìn giữ tài liệu lưu trữ*, Cơ quan Lưu trữ Ôxtrâyliia, tài liệu dịch, Thư viện Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư – Lưu trữ.
51. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Lưu trữ (1999), *Luật lệ các nước và các tổ chức quốc tế, tài liệu dịch*, Thư viện Trung tâm Khoa học và Công nghệ Văn thư – Lưu trữ.
52. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Lưu trữ (1977), *Hướng dẫn nghiệp vụ về việc lựa chọn và bổ sung tài liệu ảnh vào lưu trữ nhà nước*, Viện Lưu trữ tài liệu Phim điện ảnh, ảnh và ghi âm Liên Xô, tài liệu dịch, Tư liệu Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.
53. Trần Hồng Vân (1998), *Tài liệu lưu trữ phim điện ảnh - Một nguồn sử liệu quý về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh*", Luận văn thạc sỹ Sử liệu học, Trường ĐHKHXHNV, Hà Nội.
54. Vĩnh Xuân (2004), “Mấy ý kiến về công tác lưu trữ tài liệu ảnh ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí “Văn thư - Lưu trữ Việt Nam* (1), tr. 14 -17.
55. Nguyễn Văn Xuyên (1998), *Xác định giá trị và thu thập tài liệu lưu trữ phim điện ảnh để nhà nước bảo quản*, Luận văn Thạc sỹ Lưu trữ học và Tư liệu học, Trường ĐHKHXHNV, Hà Nội.
56. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=162373
57. [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=29655;](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=29655)
58. <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-dien-anh-2009-sua-doi-31-2009-12-90618.aspx>

59. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=165209
60. <http://www.bvhttdl.gov.vn/vn/vb-qlly-nn/1/286/index.html>
61. <http://www.archives.gov.vn/content/law/Pages/View.aspx?categoriesID=7&DocumentID=1644>
62. <http://www.archives.gov.vn/content/law/Pages/View.aspx?categoriesID=7&DocumentID=1645>
63. <http://www.archives.gov.vn/content/law/Pages/View.aspx?CategoriesID=7&DocumentID=1646>
64. <http://www.archives.gov.vn/content/law/Pages/View.aspx?CategoriesID=7&DocumentID=1651>
65. <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-09-2013-TT-BNV-nam-2013-che-do-bao-cao-thong-ke-van-thu-luu-tru-tai-lieu-luu-tru-212929.aspx>
66. <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-17-2014-TT-BNV-xac-dinh-co-quan-to-chuc-thuoc-nguon-nop-luu-tai-lieu-vao-Luu-tru-lich-su-cac-cap-261094.aspx>
67. <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-lien-tich-01-2014-TTLT-BNV-BXD-thanh-phan-tai-lieu-cong-trinh-xay-dung-nop-luu-vao-Luu-tru-lich-su-247870.aspx>
68. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=159826
69. http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=56956&category_id=0
70. http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=56955&category_id=0
71. <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>

?class_id=1&mode=detail&document_id=59295&category_id=0

72. <http://www.bvhttdl.gov.vn/vn/vb-qly-nn/1/286/index.html>

Tiếng Nga

73. ВНИИДАД (2004), *Отбор на постоянное хранение аудиовизуальных документов*, Москва.
74. Илизаров Б.С. (1984), *Актуальные теоретические и методологические проблемы советского архивоведения*, Москва.
75. Медушевская О.М.(2005), “Аудиовизуальные архивы на рубеже XX - XXI веков (отечественный и зарубежный опыт)”, *Отечественные архивы* (1), tr 15-19.
76. Крюкова Л.Н.(1984), *Экспертиза ценности кинодокументов и комплектование ими государственного фонда СССР*, Москва.
77. Моисеева Р.М. (2002), *Проблемы и вопросы комплектования архива видеодокументами*, Москва.

PHỤ LỤC 1

BẢNG KÊ NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ CÓ THỂ ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG TÀI LIỆU NGHE NHÌN (1945 - 2016)

Thời gian	Tên sự kiện
8/1945	Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
2/9/1945	Quốc khánh nước Việt Nam DCCCH
8/9/1945	Phong trào Bình dân học vụ
23/9/1945	Nam Bộ kháng chiến
4/10/1945	Phong trào Nam tiến
11/1945	Phong trào chống đói
01/01/1946	Thành lập Chính phủ Liên hiệp Lâm thời
06/01/1946	Tổng tuyển cử Quốc hội đầu tiên
02/3/1946	Quốc hội khóa I họp kỳ thứ I (Quốc hội công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến).
06/3/1946	Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp
16/4 đến 23/5/1946	Phái đoàn Quốc hội nước Việt Nam DCCCH sang thăm nước Cộng hòa Pháp.
18/4 đến 12/5/1946	Hội nghị trù bị Đà Lạt
28/5/1946	Thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt).
7/1946	Vụ án Ôn Như Hầu
06 đến 13/9/1946	Đàm phán Việt Pháp ở Phôngtennôbô (Pháp)
14/9/1946	Ký kết Tạm ước Việt - Pháp

28/10 đến 09/11/1946	Quốc hội thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam DCCCH.
19/12/1946	Toàn quốc kháng chiến
19/12/1946 - 17/2/1947	60 ngày đêm kháng chiến bảo vệ Thủ đô Hà Nội
14/01/1947	Trận đánh ở Chợ Đồng Xuân – Hà Nội
27/7/1947	Ngày Thương binh Liệt sĩ
07/10 - 22/12/1947	Chiến dịch Việt Bắc
18/3 đến 25/3/1948	Chiến dịch Nghĩa Lộ
19/6/1948	Hồ Chủ tịch kêu gọi thi đua ái quốc
14/01/1950	Ngày thắng lợi ngoại giao
19/01/1950	Phong trào sinh viên chống Mỹ
15/3 - 30/4/1950	Chiến dịch Cao Bắc Lạng
15/7/1950	Thành lập Tổng đội Thanh niên xung phong đầu tiên.
19/3/1950	Ngày toàn quốc chống Mỹ
16/9/-n 04/10/1950	Chiến dịch Biên giới
11 - 19/02/1951	Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng ra công khai hoạt động.
10/12/1951 - 25/02/1952	Chiến dịch Hòa Bình
14/10/ 1952 -10/12/1952	Chiến dịch Tây Bắc

13/4/1953 - 18/5/1953	Chiến dịch Thượng Lào 1
10/12/ - 20/12/1953	Chiến dịch Lai Châu
04/12/1953	Quốc hội thông qua Luật Cải cách ruộng đất
21/12/1953 - 5/1954	Chiến dịch Trung Lào
26/01 - 20/7/1954	Chiến dịch Bắc Tây Nguyên
28/01 - 10/02/1954	Chiến dịch Thượng Lào 2
31/01 - 01/4/1954	Chiến dịch Hạ Lào
13/3 - 7/5/1954	Chiến dịch Điện Biên Phủ
6/7/1954	Thành lập chính phủ Ngô Đình Diệm
08/5 - 20/7/1954	Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương
10/10/1954	Giải phóng Thủ đô Hà Nội
01/8/1955	Khánh thành Đường sắt liên hiệp Việt Nam – Trung Quốc
23/10/1955	Ngô Đình Diệm tổ chức trưng cầu dân ý
26/10/1955	Thành lập nước "Việt Nam Cộng hòa"
04/3/1956	Tuyển cử riêng rẽ lập Quốc hội Việt Nam Cộng hòa.
28/4/1956	Quân viễn chinh Pháp rút khỏi Sài Gòn.
25/5/1959	Ban bố luật "Ngăn chặn hoạt động phá hoại" (Luật 10/59).

01/01/1960	Hiến pháp năm 1960
17/01/1960	Phong trào đồng khởi ở Bến Tre
08/5/1960	Bầu cử Quốc hội khóa II
05 đến 10/9/1960	Đại hội lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam.
20/10/1960	Nhân dân Tây Nguyên đồng loạt nổi dậy chống Mỹ Diệm.
20/12/1960	Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.
1961	Phong trào “ Gió Đại phong”
1961	Phong trào “Sóng Duyên Hải”
1961	Phong trào “Hai tốt”
19/5/1961	Kế hoạch Xtalây-Taylo (bình định cấp tốc miền Nam Việt Nam).
3/1962	Đồng khởi ở đồng bằng Liên khu 5
02/01/1963	Chiến thắng Ấp Bắc
01/11/1963	Đảo chính - Diệm Nhu
27 - 28/3/1964	Hội nghị Chính trị đặc biệt lần thứ I
26/4/1964	Bầu cử Quốc hội khóa III
02/8/1964	Sự kiện Vịnh Bắc Bộ
05/8/1964	Đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh không quân ra miền Bắc
15/10/1964	Nguyễn Văn Trỗi, người thanh niên yêu nước bị chính quyền Nguyễn Khánh giết hại.
05/12/1964	Chiến thắng Bình Giã (đánh dấu sự phá sản của chiến

	tranh đặc biệt của Mỹ).
6/1965	Thành lập Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước.
18/8/ 1965	Trận Vạn Tường
21 - 26/12/1965	Hội nghị lần thứ 12 khóa III BCH Trung ương Đảng Lao động Việt Nam
17/7/1966	Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước.
29- 30/01/1968	Chiến dịch Mậu Thân
20/01 - 15/7/1968	Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh
06/8/1969	Thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam
02/9/1969	Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần
24- 25/4/1970	Hội nghị cấp cao của nhân dân Đông Dương
01/1971	Chiến dịch Đường 9 Nam Lào và Mặt trận Khe Sanh
30/3 - 27/6/1972	Chiến dịch Trị – Thiên
24/4/1972	Trận Đắc Tô - Tân Cảnh
27/4/1972	Trận Đông Hà
18 - 29/12/1972	Chiến thắng đợt tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ
27/01/1973	Ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập, lại hòa bình ở Việt Nam
29/3/1973	Quân viễn chinh Mỹ rút khỏi Việt Nam

09/01/1975	Chiến thắng Phước Long
04 /3 - 24/3/1975	Chiến dịch Tây Nguyên
21/3/-29/3 1975	Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
09/4- 21/4/1975	Chiến dịch Xuân Lộc
26 / 4 - 30/4/1975	Chiến dịch Hồ Chí Minh
01/5/1975	Miền Nam hoàn toàn giải phóng
15/11 - 21/11/1975	Hội nghị Hiệp thương Chính trị bàn về vấn đề thống nhất Việt Nam về mặt Nhà nước
25/4/1976	Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất
24/6 - 03/7/1976	Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kỳ thứ nhất tại Thủ đô Hà Nội (đặt tên nước CHXHCN Việt Nam, quốc kỳ, quốc huy, thủ đô, quốc ca).
12/1976	Đại hội Đảng lần thứ IV, đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
20/9/1977	Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.
12/1978	Chiến tranh biên giới Tây Nam.
07/01/1979	Quân đội Việt Nam giúp nhân dân Campuchia giải phóng đất nước.
17/02 - 18/3/1979	Chiến tranh biên giới phía Bắc
27- 31/3/1982	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam.
08/12 -	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng

18/12/1986	sản Việt Nam.
24/6 - 27/6/1986	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam.
14/3/1988	Hải chiến bảo vệ Trường Sa
05/11/1991	Bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc.
05/4/1992	Khởi công xây dựng Đường dây tải điện 500KV Bắc - Nam
03/02/1994	Mỹ bỏ cấm vận đối với Việt Nam
20/12/1994	Khánh thành Nhà máy Thủy điện Hòa Bình
1995	Bình thường hóa quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam.
28/7/1995	Việt Nam gia nhập ASEAN
28/6/- 01/7/1996	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam
14/11/1997	Hội nghị cấp cao lần thứ VII các nước sử dụng tiếng Pháp tổ chức tại Hà Nội.
2000	Khởi công xây dựng Đường Hồ Chí Minh
13/7/2000	Ký Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ
28/6/- 01/7/1996	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam
19 đến 22/4/2001	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam
18 - 25/4/2006	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam
07/11/2006	Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO
12 - 19/1/2011	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam
20 - 28/ 01 2016	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam

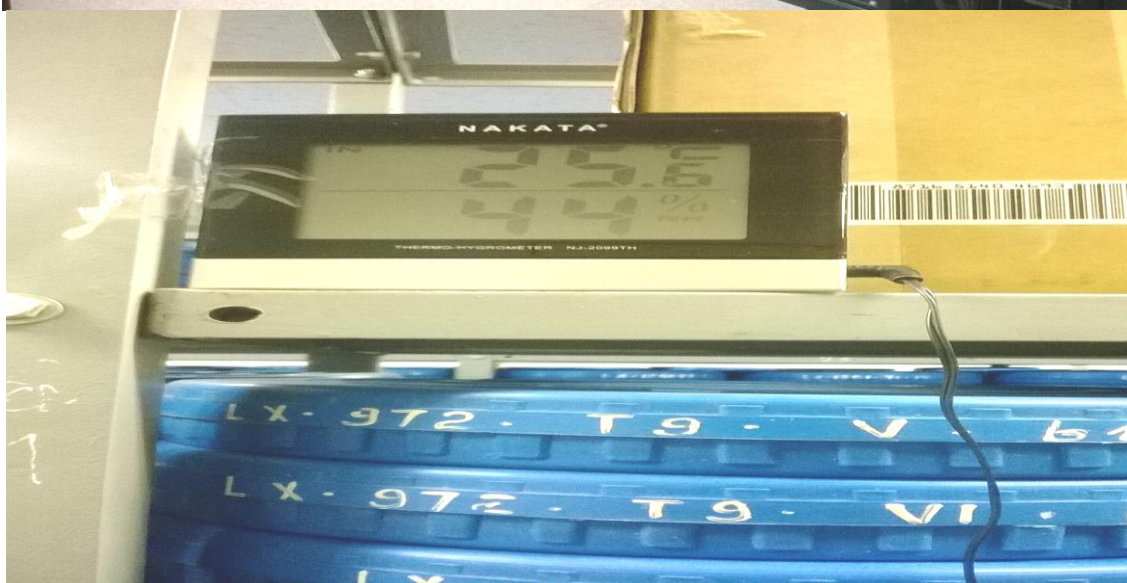
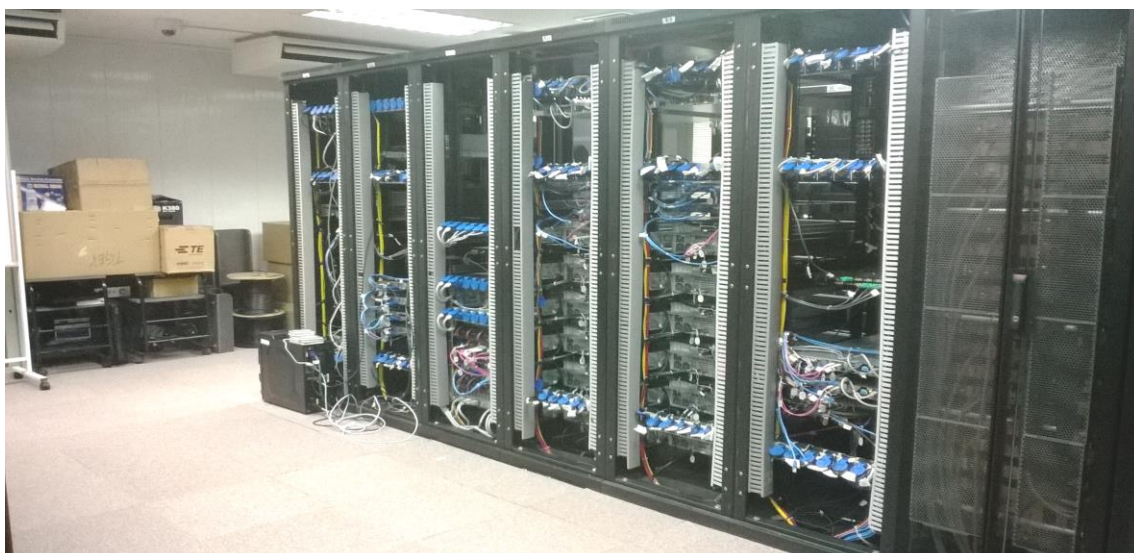
PHỤ LỤC 2

BẢNG KÊ MỘT SỐ NGÀY LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG THEO ÂM LỊCH CÓ THỂ ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG TÀI LIỆU NGHE NHÌN.

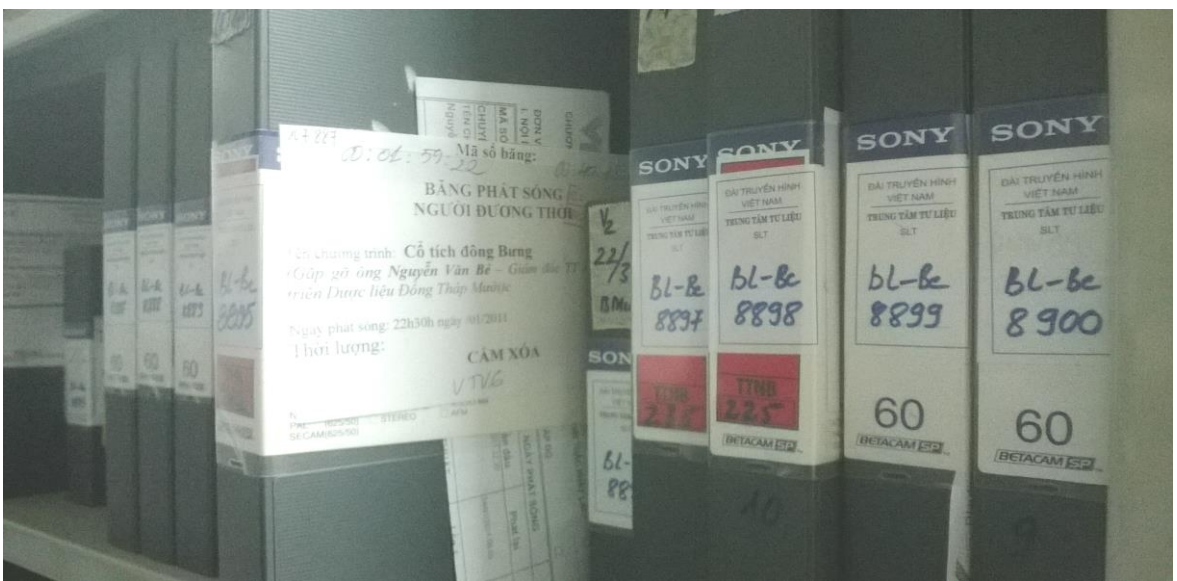
Ngày tháng	Các lễ hội truyền thống
1/01 - đến 3/01	Tết Nguyên đán
4/01	Hội Chùa Trăm gian
4/01 đến 6/01	Hội Pháo Đồng ky
5/01	Hội Đống Đa
6/01 đến 8/01	Hội Gióng Sóc Sơn
06-16/01	Lễ hội Cổ Loa
06/01 đến 01/3	Lễ hội Chùa Bái Đính
6/01 đến 15/3	Hội Chùa Hương
8/01	Hội Chùa Viêng
10/1	Hội Xuân Yên Tử
13/01	Hội Lim (Hội Quan họ)
15/01 đến 22/01	Hội chùa Côn Sơn
15/01 đến 16/01	Hội Đền Bà Chúa kho
18/01 đến 23/01	Hội Côn Sơn
1/3 đến 10/3	Hội Phủ Giày
Tháng 3	Hội đua Voi Tây Nguyên
3/3 đến 7/3	Hội Phủ Tây hồ
5/3 đến 7/3	Hội Chùa Thầy
6/3 đến 10/3	Hội Chùa Tây phương

8/3 đến 10/3	Hội Đền Hùng(Giỗ Tổ Hùng Vong)
14/3 đến 16/3	Hội Đền Đô (Đền Lý Bát đế)
15/4	Lễ Phật Đản
18/4 đến 22/4	Hội Khao thê tế lính (Lý Sơn, Quảng Ngãi)
4/5 đến 6/5	Hội Núi Bà Đen
9/8	Lễ hội chọi trâu (Đồ Sơn. Hải Phòng)
15 đến 20/8	Hội Đền Kiếp Bạc
13 đến 15/9	Lễ hội Chùa Keo

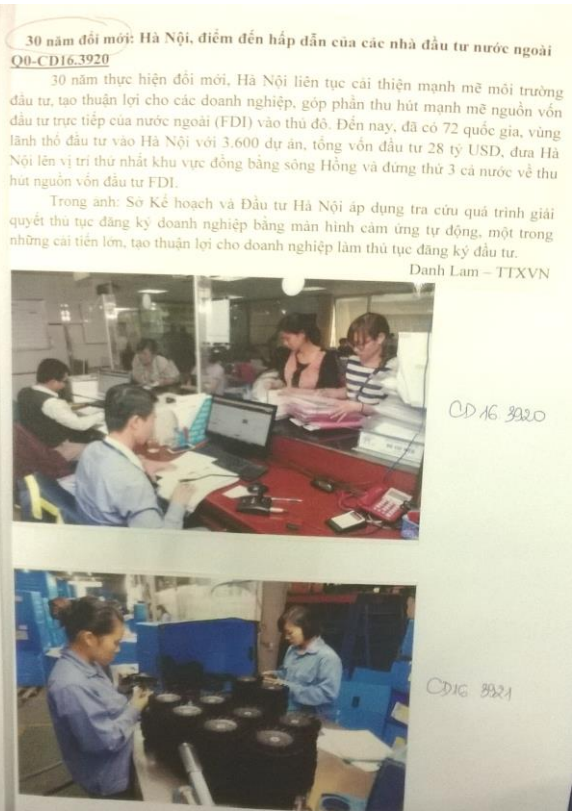
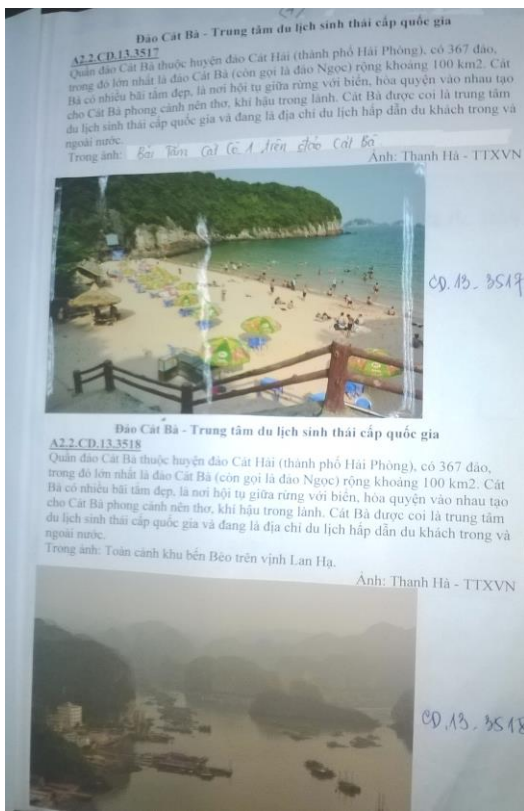
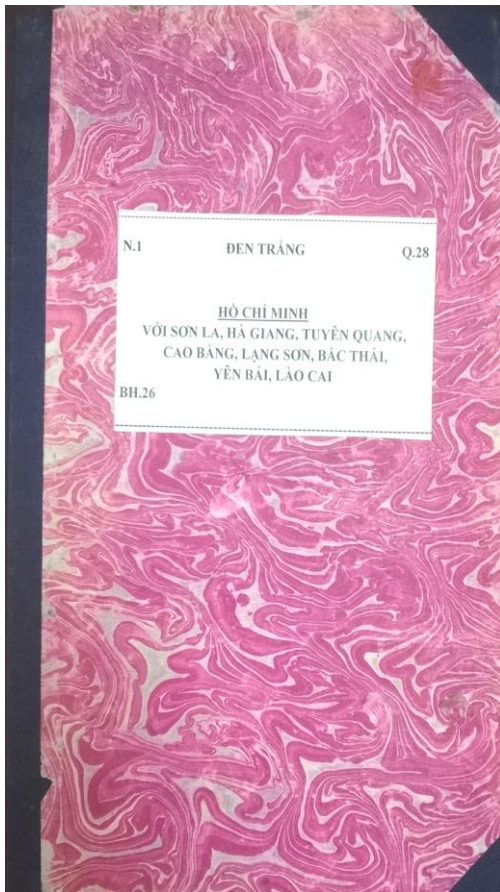
**PHỤ LỤC 3:
MỘT SỐ TRANG THIẾT BỊ BẢO QUẢN VÀ TÀI LIỆU NGHE NHÌN
CÓ GIÁ TRỊ ĐANG BẢO QUẢN TẠI LƯU TRỮ CÁC CƠ QUAN**



Trang thiết bị ở Đài Truyền hình Việt Nam



Hệ thống giá đựng tài liệu nghe nhìn của Đài Truyền hình Việt Nam



Mục lục tài liệu ảnh của Thông tấn xã Việt Nam



Hệ thống mục lục tài liệu ảnh tại Thông tấn xã Việt Nam



Tài liệu ghi âm (băng đĩa ca nhạc, kịch, chương trình phát thanh đặc biệt...) đang bảo quản tại Trung tâm Âm thanh Đài Tiếng nói Việt Nam



**Nhân dân Hà Nội mít tinh trước Quảng trường Nhà hát lớn Hà nội ngày
17-9-1945**

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



**Nhân dân Hà Nội cùng lực lượng Việt minh chiếm Bắc bộ Phủ ngày
19-8-1945**

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



Đoàn xe ô-tô của Hồ Chủ tịch và Chính phủ tiến vào Lễ đài Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, ngày 02-9-1945

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam C8



Phụ nữ Cứu quốc Thủ đô biểu tình ủng hộ Cách mạng ở Hà Nội ngày 19-8-1945

*TTLTQG III, Ph«ng Nghö sÛ nhiÖp ¶nh NguyÔn B, Kho¶n,
Si*



**Nhân dân Hà Nội đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở phố
Tràng Tiền, Hà Nội 8-1945**

*TTLTQG III, Ph«ng Nghö sÛ nhiÖp ¶nh NguyÔn B, Kho¶n,
SLT 78 - 484*



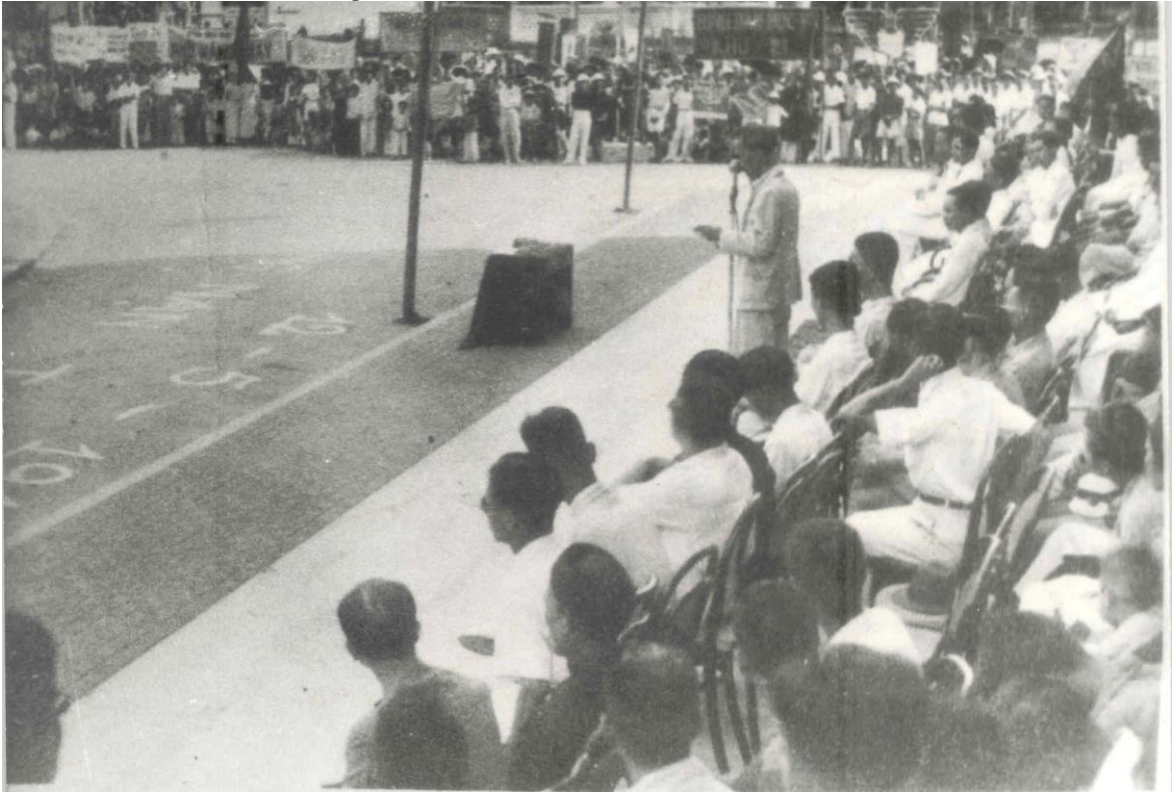
Chủ tịch Hồ Chí Minh đến khai mạc Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam DCCCH tại Nhà hát Lớn, Hà Nội, ngày 02-3-1946

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



**Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Hiệp định sơ bộ với Đại diện Chính phủ Pháp Xanh- tơ-ny ở số 4 Lê Lai, Hà Nội, ngày 06.3.1946.
(Ông Hoàng Minh Giám đang đọc bản Hiệp định)**

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



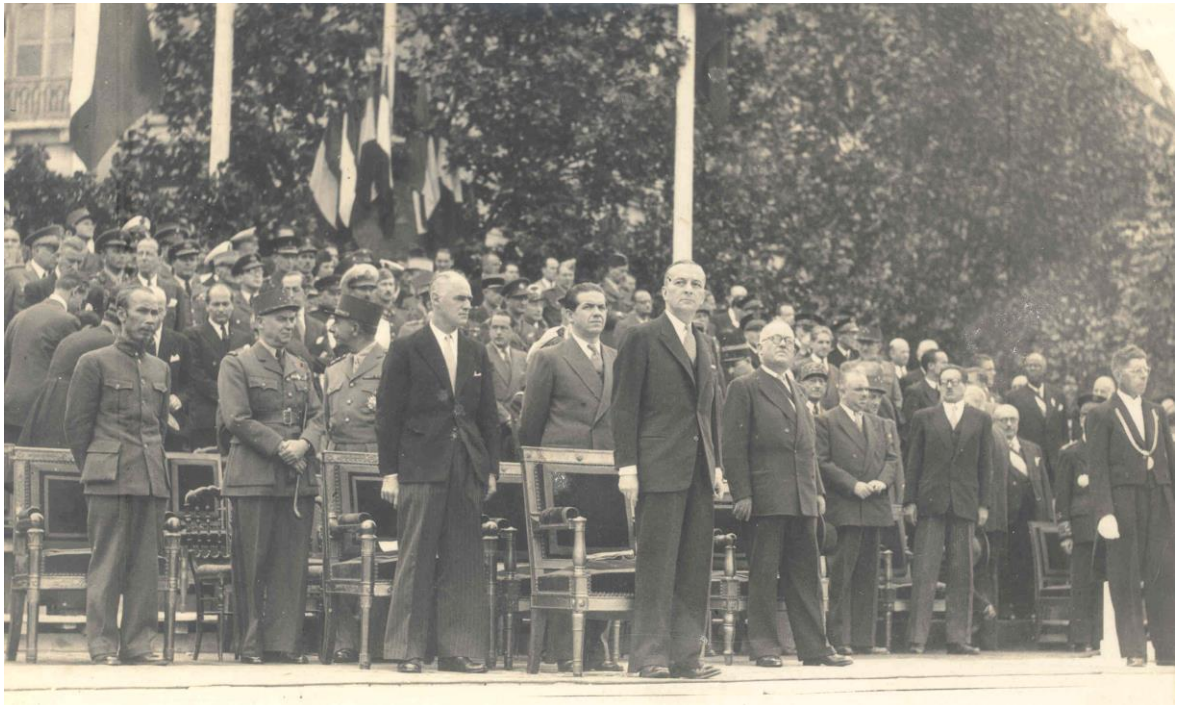
Trong Lễ mít tinh kêu gọi chống nạn thất học năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bức thư và cảm tưởng của một cụ già 77 tuổi đã biết chữ Quốc ngữ

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



Nhân dân Hà Nội diễu hành cổ động Phong trào bình dân học vụ năm 1946

TTLTQG III, Phòng Bộ Ngoại giao, SLT 3379-3363



Chủ tịch Hồ Chí Minh dự Lễ kỷ niệm Ngày Cách mạng Pháp 17-7-1946 tại Pari, Pháp.

*Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Khì tại liêu s-u
tçm*



Lễ đón Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước sau khi thăm Pháp và dự Hội nghị Phông-ten-nơ-blô tại Ga Hàng Cỏ, Hà Nội năm 1946

TTLTQG III, Tài liệu ảnh A36-BH 1



Một đơn vị vũ trang Nam Bộ chuẩn bị bước vào trận chiến đấu,

năm 1948

*TTLTQG III, Tụ liểu Ƴnh thêi kú kh,ng chiỐn
chềng Ph,p (1946 - 1954), SLT KC 295*



**Chủ tịch Hồ Chí Minh huấn thị cho một đơn vị bộ đội trong Chiến dịch
Cao-Bắc-Lạng năm 1950 tại hang Nhị Thanh, Lạng Sơn, 1950**

*TTLTQG III, Tụ liểu Ƴnh thêi kú kh,ng chiỐn chềng
Ph,p (1946 - 1954), SLT 392*



Chủ tịch Hồ Chí Minh quan sát trận địa ở Mặt trận Đông Khê, năm 1950

TTLTQG III, Tụ li Ờu Ầnh thêi kú kh. ng chi Ồn chềng

Ph. p (1946 - 1954), SLT 402



Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí Trường Chinh (bên trái Hồ Chủ tịch), Phạm Văn Đồng (bên phải), Võ Nguyên Giáp (ngoài cùng bên phải) quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



Ngược dòng sông Mã (Thanh Hóa), từng đoàn thuyền vượt qua ghềnh thác nguy hiểm chuyển gạo lên mặt trận Điện Biên Phủ, năm 1954.

TTLTQG III, Tụ li Ồu Ầnh Ph Ầng Bé Ngo Ầi giao, SLT 3112



183-184-, Bộ đội rước ảnh Hồ-Chủ tịch đi biểu tình tuần hành trên những chiếc xe tăng chiến lợi phẩm giữa tiếng hô vang dậy của quân dân Điện Biên Phủ

Bộ đội rước ảnh Hồ Chủ tịch tuần hành trên những chiếc xe tăng chiến lợi phẩm giữa tiếng hô vang dậy của quân dân Điện Biên Phủ, 5-1954



61 C

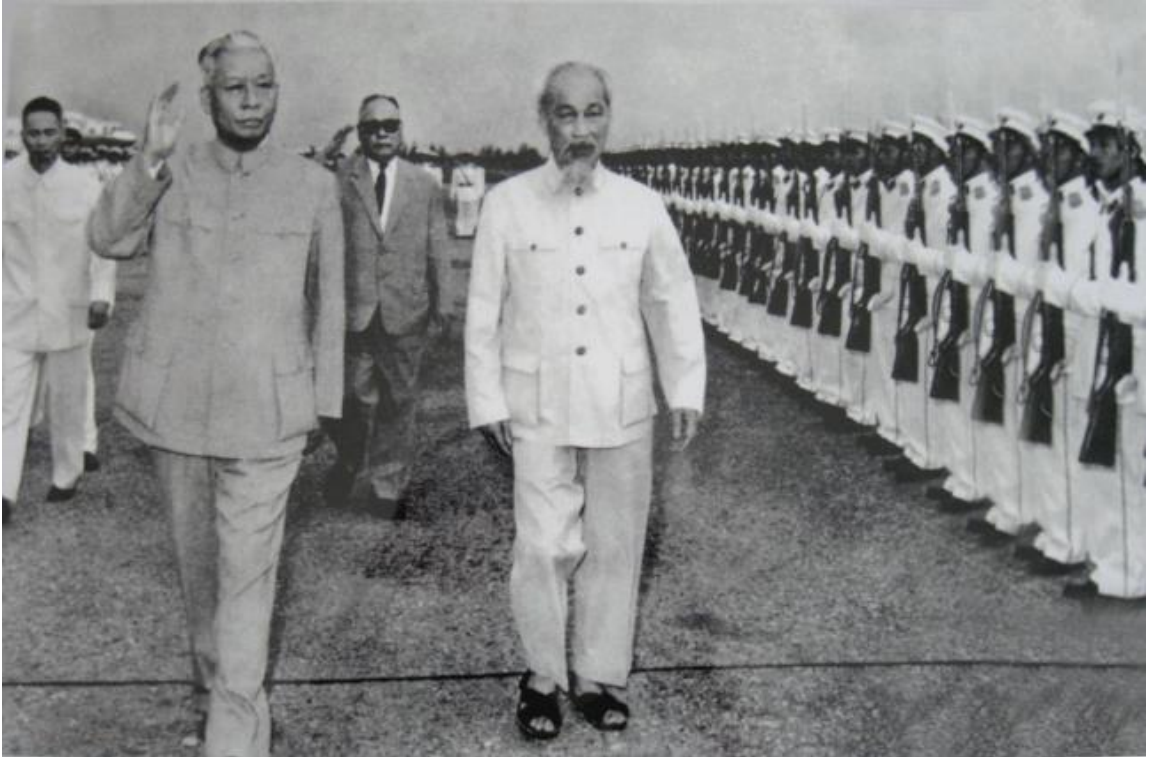
hủ tịch Hồ Chí Minh, Phó Thủ tướng Phạm Hùng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng với Đoàn Đại biểu anh hùng và dũng sĩ quân Giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc ở đường Xoài trong Phủ Chủ tịch năm 1965

*TTLTQG III, Tụi liÖu ¶nh giai ®o¹n (1954 - 1985)
(LIV), SLT 1495*



**Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Mao Trạch Đông tiếp
Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người sang thăm Trung Quốc, tháng 02-1959**

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



Chủ tịch nước Việt Nam DCCH Hồ Chí Minh và Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Lưu Thiếu Kỳ duyệt Đội Danh dự tại Sân bay Gia Lâm, Hà Nội tháng 3-1965
Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



Đoàn Đại biểu Chính phủ nước Việt Nam DCCH dự Phiên họp khai mạc cuộc Hội đàm chính thức với Đại diện Chính phủ Mỹ trong Hội nghị

Pari, ngày 13-5-1969 tại Phòng họp Trung tâm các Hội nghị quốc tế ở đường Co-lê-be, Pari, Cộng hòa Pháp)

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam -



Xác máy bay B52 của Đế quốc Mỹ bị bắn rơi ở đường Hoàng Hoa Thám, Hà Nội ngày 27-12-1972

TTLTQG III, Phòng Nghĩ sử nghiệp Anh Nguyễn B, Khoa, SLT 1109-M2291



Ngày 23.01.1973, tại Pari, Cộng hòa Pháp, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, đại diện Chính phủ Việt Nam và Cố vấn an ninh, Đặc phái viên của Tổng thống Mỹ Hen-ri Kít-Xinh-Giơ ký tắt Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



**Đoàn tù binh phi công Mỹ cuối cùng được trao trả tại Sân bay Gia Lâm
lên đường về nước ngày 29-3-1973**

*TTLTQG III, Phòng Nghĩ sử nhiệp Anh Nguyễn B, Khoa In,
SLT 1670-M475*



**Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ 18/12/1975
– 08/01/1975 tại Hà Nội quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy
mùa Xuân 1975**

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



**Sau khi Thị xã Buôn Ma Thuột được giải phóng, quân đội Chính
quyền Sài Gòn lũ lượt tháo chạy khỏi Tây Nguyên tháng 3-1975**

Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam



*Xe tăng Quân Giải phóng húc đổ cổng sắt Dinh Độc lập của Chính phủ
Việt Nam Cộng hòa, Sài Gòn trưa 30-4-1975
Ảnh lưu tại Thông tấn xã Việt Nam*

PHỤ LỤC 4. MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHẢO SÁT VIỆC XÂY DỰNG NGUỒN VÀ THÀNH PHẦN TÀI LIỆU NGHE NHÌN Ở LƯU TRỮ LIÊN BANG NGA



NCS tham gia chuyến thăm Lưu trữ Liên bang Nga tháng 10-2013. Trong buổi làm việc, hai bên đã trao đổi nghiệp vụ về xây dựng Danh mục thành phần tài liệu nghe nhìn.



Giám đốc Viện Lưu trữ Kinh tế Liên bang Nga chuyển giao một số bộ phim và tài liệu ảnh về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (dưới dạng Microfim) cho ông Nguyễn Minh Sơn ngày 10/10/2013.



Trong dịp thăm Viện Lưu trữ Lịch sử Quốc gia Nga ở Xanh Peterbua tháng 10/2013, NCS đã khảo sát thực tế thành phần tài liệu nghe nhìn do Viện thu thập được từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Trong chuyến đi công tác tại Cục Lưu trữ Liên bang Nga tháng 12/2010, NCS có dịp làm việc, học tập kinh nghiệm về phục chế tài liệu ảnh.